

THỜI KHÓA BIỂU CHÍNH THỨC HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2021_2022

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV ĐK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
1	3DC006 DC	2	Vật lý đại cương (điện, điện từ)(121)_04	60	71	LT	Lê Thị Ngọc Linh	09/08-05/12/21	17					1,2	A2.403							CDDDTCK47A1	CDCQ 47
1	2DC011 DC	2	Hóa học đại cương 1 (+ Thí nghiệm)(121)_01	60	63	LT	Bùi Thị Hằng	09/08-05/12/21	17			1,2	A3.309									DHOTOCK16A1	DHCQ 16
2	2DC011 DC	2	Hóa học đại cương 1 (+ Thí nghiệm)(121)_02/DHOTOCK16A2	60	61	LT	Nguy Thị XuânHội	09/08-05/12/21	17					1,2	A3.407							DHOTOCK16A2	DHCQ 16
3	2DC011 DC	2	Hóa học đại cương 1 (+ Thí nghiệm)(121)_03/DHOTOCK16A3	60	61	LT	Nguy Thị XuânHội	09/08-05/12/21	17							7,8	A3.407					DHOTOCK16A3	DHCQ 16
4	2DC011 DC	2	Hóa học đại cương 1 (+ Thí nghiệm)(121)_04/DHOTOCK16A4	60	62	LT	Nguy Thị XuânHội	09/08-05/12/21	17							9,10	A3.309					DHOTOCK16A4	DHCQ 16
5	2DC011 DC	2	Hóa học đại cương 1 (+ Thí nghiệm)(121)_05/DHOTOCK16A5	60	62	LT	Nguy Thị XuânHội	09/08-05/12/21	17	3,4	A3.408											DHOTOCK16A5	DHCQ 16
6	2DC011 DC	2	Hóa học đại cương 1 (+ Thí nghiệm)(121)_06/DHOTOCK16A6	60	59	LT	Bùi Thị Hằng	09/08-05/12/21	17	7,8	A3.408											DHOTOCK16A6	DHCQ 16
7	2DC011 DC	2	Hóa học đại cương 1 (+ Thí nghiệm)(121)_07/DHOTOCK16A7	60	58	LT	Nguy Thị XuânHội	30/08-12/12/21	16					3,4	A3.508							DHOTOCK16A7	DHCQ 16
8	2DC011 DC	2	Hóa học đại cương 1 (+ Thí nghiệm)(121)_08/DHOTOCK16A8	60	68	LT	Bùi Thị Hằng	27/09-12/12/21	11					7,8,9	A3.508							DHOTOCK16A8	DHCQ 16
9	2DC011 DC	2	Hóa học đại cương 1 (+ Thí nghiệm)(121)_09/DHOTOCK16A9	60	62	LT	Nguy Thị XuânHội	27/09-12/12/21	11			1,2,3	A3.510									DHOTOCK16A9	DHCQ 16
10	2DC011 DC	2	Hóa học đại cương 1 (+ Thí nghiệm)(121)_10	62	43	LT	Nguy Thị XuânHội	25/10-19/12/21	8					7,8,9	A3.509							DHOTOCK16A7	DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
11	3DC004 DC	2	Toán cao cấp 1(121)_01	60	56	LT	Nguyễn Thị Thu Nhung	09/08-05/12/21	17					3,4	A3.308							DHCTMCK16A1	DHCQ16
12	3DC004 DC	2	Toán cao cấp 1(121)_02/DHTDHCK16A2	60	59	LT	Nguyễn Thị Thu Nhung	16/08-05/12/21	16							7,8	A3.409					DHTDHCK16A2	DHCQ16
13	3DC004 DC	2	Toán cao cấp 1(121)_02_137	60	35	LT	Trần Hải Yến	09/08-05/12/21	17							1,2	A3.310					DHDTVCK16A1	DHCQ16
14	3DC004 DC	2	Toán cao cấp 1(121)_03	60	60	LT	Trần Hải Yến	09/08-05/12/21	17			3,4	A3.307									DHDDTCK16A1	DHCQ16
15	3DC004 DC	2	Toán cao cấp 1(121)_04	60	59	LT	Trần Hải Yến	09/08-05/12/21	17					9,10	A3.307							DHDDTCK16A2	DHCQ16
16	3DC004 DC	2	Toán cao cấp 1(121)_05	60	64	LT	Trần Hải Yến	09/08-05/12/21	17							3,4	A3.409					DHTDHCK16A1	DHCQ16
17	3DC004 DC	2	Toán cao cấp 1(121)_06	60	61	LT	Nguyễn Thị Thu Nhung	09/08-05/12/21	17			9,10	A3.308									DHCTTCK16A1	DHCQ16
18	3DC004 DC	2	Toán cao cấp 1(121)_07	60	32	LT	Nguyễn Thị Thu Nhung	09/08-05/12/21	17	7,8	A3.310											DHKCKCK16A1	DHCQ16
19	3DC004 DC	2	Toán cao cấp 1(121)_08	60	62	LT	Ngô ThịHuyền	09/08-05/12/21	17							1,2	A3.309					DHOTOCK16A1	DHCQ16
20	3DC004 DC	2	Toán cao cấp 1(121)_09/DHOTOCK16A2	60	61	LT	Nguyễn Thị Thu Nhung	09/08-05/12/21	17									4,5	A3.407			DHOTOCK16A2	DHCQ16
21	3DC004 DC	2	Toán cao cấp 1(121)_10/DHOTOCK16A3	60	61	LT	Ngô ThịHuyền	09/08-05/12/21	17					7,8	A3.407							DHOTOCK16A3	DHCQ16
22	3DC004 DC	2	Toán cao cấp 1(121)_11/DHOTOCK16A4	60	62	LT	Ngô ThịHuyền	09/08-05/12/21	17			7,8	A3.309									DHOTOCK16A4	DHCQ16
23	3DC004 DC	2	Toán cao cấp 1(121)_12/DHOTOCK16A5	60	62	LT	Trần Hải Yến	09/08-05/12/21	17					1,2	A3.408							DHOTOCK16A5	DHCQ16
24	3DC004 DC	2	Toán cao cấp 1(121)_13	60	0	LT	Ngô ThịHuyền	09/08-05/12/21	17													DHQTCKCK16A1	DHCQ16
25	3DC004 DC	2	Toán cao cấp 1(121)_14/DHOTOCK16A6	60	58	LT	Nguyễn Thị Thu Nhung	09/08-05/12/21	17			7,8	A3.408									DHOTOCK16A6	DHCQ16
26	3DC004 DC	2	Toán cao cấp 1(121)_15	60	71	LT	Trần Hải Yến	27/09-12/12/21	11					4,5,6	A3.410							DHCTTCK16A2	DHCQ16
27	3DC004 DC	2	Toán cao cấp 1(121)_15/DHOTOCK16A8	60	63	LT	Nguyễn Thị Thu Nhung	27/09-12/12/21	11					10,11,12	A3.508							DHOTOCK16A8	DHCQ16
28	3DC004 DC	2	Toán cao cấp 1(121)_16/DHCTMCK16A2	60	31	LT	Ngô ThịHuyền	16/08-05/12/21	16							7,8	A3.410					DHCTMCK16A2	DHCQ16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
29	3DC004 DC	2	Toán cao cấp 1(121)_17/DHDDTCK16A3_17F	60	55	LT	Ngô ThịHuyền	30/08-12/12/21	16							3,4	A3.509					DHDDTCK16A3	DHCQ16
30	3DC004 DC	2	Toán cao cấp 1(121)_17/DHOTOCK16A7	60	60	LT	Trần Hải Yến	30/08-12/12/21	16									1,2	A3.508			DHOTOCK16A7	DHCQ16
31	3DC004 DC	2	Toán cao cấp 1(121)_18	55	66	LT	Ngô ThịHuyền	27/09-19/12/21	12									7,8,9	A3.507			DHCTMCK16A1	DHCQ16
32	3DC004 DC	2	Toán cao cấp 1(121)_19	60	69	LT	Trần Hải Yến	27/09-12/12/21	11									10,11,12	A3.408			DHTDHCK16A3	DHCQ16
33	3DC004 DC	2	Toán cao cấp 1(121)_20/DHDDTCK16A4	60	67	LT	Ngô ThịHuyền	04/10-12/12/21	10	1,2,3	A3.308											DHDDTCK16A4	DHCQ16
34	3DC004 DC	2	Toán cao cấp 1(121)_20/DHOTOCK16A9	60	59	LT	Ngô ThịHuyền	27/09-12/12/21	11					1,2,3	A3.509							DHOTOCK16A9	DHCQ16
35	3DC004 DC	2	Toán cao cấp 1(121)_21	62	41	LT	Ngô ThịHuyền	25/10-19/12/21	8			10,11,12	A3.509									DHOTOCK16A7	DHCQ16
36	3DC015 DC	2	Vật lý chuyên ngành điện(121)_01/DHDTVCK15A1	49	39	LT	Bùi Danh Hào	09/08-28/11/21	16					7,8	A2.209							Ghép: DHDTVCK15A1 + DHKTMCK15A1	DHCQ15
37	3DC007 DC	2	Vật lý đại cương (cơ khí, ô tô)(121)_01	60	57	LT	Hoàng Thị Thanh Vân	09/08-05/12/21	17			3,4	A3.308									DHCTMCK16A1	DHCQ16
38	3DC007 DC	2	Vật lý đại cương (cơ khí, ô tô)(121)_02	60	31	LT	Nguyễn Thị Tổ Oanh	09/08-05/12/21	17							9,10	A3.310					DHKCKCK16A1	DHCQ16
39	3DC007 DC	2	Vật lý đại cương (cơ khí, ô tô)(121)_03/DHCTMCK16A2	60	30	LT	Hoàng Thị Thanh Vân	16/08-05/12/21	16					9,10	A3.410							DHCTMCK16A2	DHCQ16
40	3DC006 DC	2	Vật lý đại cương (điện, điện từ)(121)_01	60	64	LT	Lê Thị Ngọc Linh	09/08-05/12/21	17	1,2	A3.307											DHDDTCK16A1	DHCQ16
41	3DC006 DC	2	Vật lý đại cương (điện, điện từ)(121)_02	60	62	LT	Lê Thị Ngọc Linh	09/08-05/12/21	17			7,8	A3.307									DHDDTCK16A2	DHCQ16
42	3DC006 DC	2	Vật lý đại cương (điện, điện từ)(121)_03	60	64	LT	Bùi Danh Hào	09/08-05/12/21	17					1,2	A3.409							DHTDHCK16A1	DHCQ16
43	3DC006 DC	2	Vật lý đại cương (điện, điện từ)(121)_05/DHTDHCK16A2	60	61	LT	Bùi Danh Hào	16/08-05/12/21	16			9,10	A3.409									DHTDHCK16A2	DHCQ16
44	3DC006 DC	2	Vật lý đại cương (điện, điện từ)(121)_06	60	48	LT	Bùi Danh Hào	27/09-12/12/21	11									7,8,9	A3.408			DHTDHCK16A3	DHCQ16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
45	3DC006 DC	2	Vật lý đại cương (điện, điện từ)(121)_06/DHDDTCK16 A3_170	60	54	LT	Nguyễn Thị Tổ Oanh	30/08-12/12/21	16									1,2	A3.509			DHDDTCK16A 3	DHCQ 16
46	3DC006 DC	2	Vật lý đại cương (điện, điện từ)(121)_07/DHDDTCK16 A4	60	69	LT	Lê Thị Ngọc Linh	04/10-12/12/21	10					4,5,6	A3.309							DHDDTCK16A 4	DHCQ 16
47	3DC006 DC	2	Vật lý đại cương (điện, điện từ)(121)_08	60	31	LT	Lê Thị Ngọc Linh	15/11-12/12/21	4									7,8,9					DHCQ 16
48	2DC007 DC	2	Xác suất thống kê(121)_01/DHDDTCK15A 1	60	49	LT	Lê ThịHuệ	09/08-28/11/21	16	1,2	A2.309											DHDDTCK15A 1	DHCQ 15
49	2DC007 DC	2	Xác suất thống kê(121)_02/DHDDTCK15A 2	60	54	LT	Lê Hồng Sơn	09/08-28/11/21	16							4,5	A2.209					DHDDTCK15A 2	DHCQ 15
50	2DC007 DC	2	Xác suất thống kê(121)_03/DHTDHCK15A 1	45	29	LT	Lê ThịHuệ	09/08-28/11/21	16									8,9	A2.106			DHTDHCK15A 1	DHCQ 15
51	2DC007 DC	2	Xác suất thống kê(121)_04/DHTDHCK15A 3	40	32	LT	Lê Hồng Sơn	09/08-28/11/21	16									9,10	A2.105			DHTDHCK15A 3	DHCQ 15
52	2DC007 DC	2	Xác suất thống kê(121)_05/DHDDTCK15A 3	60	60	LT	Lê Hồng Sơn	09/08-28/11/21	16					7,8	A2.310							DHDDTCK15A 3	DHCQ 15
53	2DC007 DC	2	Xác suất thống kê(121)_06/DHTDHCK15A 2	60	51	LT	Ngô Tất Hoat	09/08-28/11/21	16			1,2	A2.104									DHTDHCK15A 2	DHCQ 15
54	2DC007 DC	2	Xác suất thống kê(121)_07	50	48	LT	Lê ThịHuệ	09/08-28/11/21	16			9,10	A2.402									DHCTMCK15A 1	DHCQ 15
55	2DC007 DC	2	Xác suất thống kê(121)_08	50	44	LT	Lê ThịHuệ	09/08-28/11/21	16			3,4	A2.401									DHCTMCK15A 2	DHCQ 15
56	2DC007 DC	2	Xác suất thống kê(121)_09	50	38	LT	Lê ThịHuệ	09/08-28/11/21	16			7,8	A2.401									DHCTMCK15A 3	DHCQ 15
1	4NN002 DC	3	Tiếng Anh cơ bản 2(121)_01	45	38	LT	Bùi Thị Xuân Linh	09/08-17/10/21	10			3,4,5	A2.308 (TA3)									CDDCNCK46A 1	CDCQ 46
							Bùi Thị Xuân Linh									1,2	A2.208 (TA2)						CDCQ 46
2	4NN002 DC	3	Tiếng Anh cơ bản 2(121)_02	42	42	LT	Nguyễn Thị Lệ Hằng	09/08-17/10/21	10	7,8,9	A2.308 (TA3)											Ghép: CDDDTCK46A 1 + CDTDHCK46A 1	CDCQ 46
							Nguyễn Thị Lệ Hằng									7,8	A2.207 (TA1)						CDCQ 46
3	4NN002 DC	3	Tiếng Anh cơ bản 2(121)_03	40	41	LT	Hồ Thị Thanh Vân	09/08-28/11/21	16											7,8,9	A2.208 (TA2)	CDOTOCK46A 2	CDCQ 46

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
4	4NN002 DC	3	Tiếng Anh cơ bản 2(121)_04	40	30	LT	Bùi Thị Xuân Linh	09/08-28/11/21	16											1,2,3	A2.207 (TA1)	CDOTOCK46A1	CDCQ 46
5	4NN002 DC	3	Tiếng Anh cơ bản 2(121)_05	40	30	LT	Lê Minh Sao	09/08-28/11/21	16									1,2,3	A2.307 (TA4)			CDMDKCK46A2	CDCQ 46
6	4NN002 DC	3	Tiếng Anh cơ bản 2(121)_06/CDKCKCK46A1	49	45	LT	Đoàn Thị Bích Diễm	09/08-28/11/21	16									7,8,9	A2.308 (TA3)			Ghép: CDKCKCK46A1	CDCQ 46
7	4NN002 DC	3	Tiếng Anh cơ bản 2(121)_07	38	36	LT	Đinh Thị Thu	09/08-28/11/21	16							9,10,11	A2.307 (TA4)					CDMDKCK46A1	CDCQ 46
1	3NN006 DC	2	Tiếng Anh chuyên ngành Cơ khí(121)_01	45	39	LT	Hồ Thị Thanh Vân	09/08-21/11/21	15	1,2	A2.207 (TA1)											DHCTMCK13A	DHCQ 13
2	3NN006 DC	2	Tiếng Anh chuyên ngành Cơ khí(121)_02	45	44	LT	Lê Minh Sao	09/08-21/11/21	15	3,4	A2.207 (TA1)											DHCTMCK13C	DHCQ 13
3	3NN006 DC	2	Tiếng Anh chuyên ngành Cơ khí(121)_03	44	41	LT	Lê Minh Sao	09/08-21/11/21	15			7,8	A2.207 (TA1)									DHCTMCK13B	DHCQ 13
4	3NN006 DC	2	Tiếng Anh chuyên ngành Cơ khí(121)_04	50	49	LT	Lê Minh Sao	09/08-21/11/21	15					1,2	A2.207 (TA1)							DHKCKCK13Z	DHCQ 13
5	3NN007 DC	2	Tiếng Anh chuyên ngành Điện, điện tử(121)_01	49	50	LT	Trần Khắc Hoàn	09/08-24/10/21	11							7,8,9	A2.308 (TA3)					Ghép: DHDDTCK13Z (HTD) + DHDDTCK13Z (HTD) + DHTDHCK13A	DHCQ 13
6	3NN007 DC	2	Tiếng Anh chuyên ngành Điện, điện tử(121)_03	40	40	LT	Trần Khắc Hoàn	09/08-24/10/21	11					1,2,3	A2.308 (TA3)							DHDDTCK13Z (DCN)	DHCQ 13
7	3NN007 DC	2	Tiếng Anh chuyên ngành Điện, điện tử(121)_04	34	42	LT	Trần Khắc Hoàn	09/08-24/10/21	11							1,2,3	A2.308 (TA3)					Ghép: DHDDTCK13Z (DCN) + DHTVCK13Z	DHCQ 13
8	3NN007 DC	2	Tiếng Anh chuyên ngành Điện, điện tử(121)_05	44	44	LT	Trần Khắc Hoàn	09/08-24/10/21	11									1,2,3	A2.408 (TA6)			DHTDHCK13B	DHCQ 13
9	3NN007 DC	2	Tiếng Anh chuyên ngành Điện, điện tử(121)_02	49	50	LT	Trần Khắc Hoàn	09/08-24/10/21	11	7,8,9	A2.407 (TA5)											Ghép: DHDDTCK13Z (HTD) + DHDDTCK13Z (HTD) + DHTDHCK13A	DHCQ 13

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
10	3NN004 DC	2	Tiếng Anh chuyên ngành Kinh tế(121)_01/DHQTCK13Z	25	22	LT	Bùi Thị Xuân Linh	09/08-21/11/21	15			1,2	A2.408 (TA6)									Ghép: DHQTKCK13Z + DHKTOCK13Z	DHCQ 13
11	3NN008 DC	2	Tiếng Anh chuyên ngành Ô tô(121)_01/DHOTOCK13A	35	25	LT	Lê Thị Thúy	09/08-21/11/21	15	1,2	A2.308 (TA3)											DHOTOCK13A	DHCQ 13
12	3NN008 DC	2	Tiếng Anh chuyên ngành Ô tô(121)_02	50	45	LT	Lê Thị Thúy	09/08-21/11/21	15					9,10	A2.308 (TA3)							DHOTOCK13B	DHCQ 13
13	3NN008 DC	2	Tiếng Anh chuyên ngành Ô tô(121)_03	50	50	LT	Lê Thị Thúy	09/08-21/11/21	15					7,8	A2.407 (TA5)							DHOTOCK13C	DHCQ 13
14	3NN008 DC	2	Tiếng Anh chuyên ngành Ô tô(121)_04	40	41	LT	Lê Thị Thúy	09/08-21/11/21	15							3,4	A2.407 (TA5)					Ghép: DHOTOCK13D + DHOTOCK13A + DHOTOCK13A	DHCQ 13
15	3NN008 DC	2	Tiếng Anh chuyên ngành Ô tô(121)_05	40	37	LT	Hồ Thị Thanh Vân	09/08-21/11/21	15									1,2	A2.308 (TA3)			Ghép: DHOTOCK13D + DHOTOCK13A + DHOTOCK13A	DHCQ 13
16	3NN003 DC	2	Tiếng Anh chuyên ngành Tin học(121)_01	50	39	LT	Đoàn Thị Bích Diễm	09/08-21/11/21	15			3,4	A2.407 (TA5)									DHCTTCK13Z	DHCQ 13
17	3NN003 DC	2	Tiếng Anh chuyên ngành Tin học(121)_02	47	26	LT	Nguyễn Thị Lệ Hằng	09/08-21/11/21	15			3,4	A2.408 (TA6)									DHCTTCK13Z	DHCQ 13
18	3NN001 DC	2	Tiếng Anh cơ bản 1(121)_01	50	43	LT	Lê Thị Thúy	09/08-28/11/21	16									9,10	A2.307 (TA4)			DHOTOCK14A 1	DHCQ 14
19	3NN001 DC	2	Tiếng Anh cơ bản 1(121)_02	50	50	LT	Hồ Thị Thanh Vân	09/08-28/11/21	16					7,8	A2.308 (TA3)							DHOTOCK14A 2	DHCQ 14

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
20	3NN001 DC	2	Tiếng Anh cơ bản 1(121)_02/DHCTMCK14A2_1EE	47	24	LT	Hồ Thị Thanh Vân	09/08-05/12/21	17					9,10	A2.407 (TA5)							Ghép: DHCTMCK14A2 + DHCTMCK14A2 + DHKCKCK14A1	DHCQ 14
21	3NN001 DC	2	Tiếng Anh cơ bản 1(121)_03/DHCTMCK14A1	50	23	LT	Đoàn Thị Bích Diễm	09/08-05/12/21	17							3,4	A2.307 (TA4)					DHCTMCK14A1	DHCQ 14
22	3NN001 DC	2	Tiếng Anh cơ bản 1(121)_04	44	44	LT	Hồ Thị Thanh Vân	09/08-28/11/21	16			1,2	A2.308 (TA3)									DHOTOCK14A3	DHCQ 14
23	3NN001 DC	2	Tiếng Anh cơ bản 1(121)_05	44	37	LT	Nguyễn Thị Lệ Hằng	09/08-28/11/21	16			1,2	A2.407 (TA5)									DHOTOCK14A4	DHCQ 14
24	3NN001 DC	2	Tiếng Anh cơ bản 1(121)_06	44	28	LT	Phạm Thị Hải Yến	09/08-28/11/21	16	1,2	A2.307 (TA4)											DHOTOCK14A5	DHCQ 14
25	3NN001 DC	2	Tiếng Anh cơ bản 1(121)_07/DHCTMCK14A2	48	46	LT	Trần Khắc Hoàn	09/08-05/12/21	17			9,10	A2.407 (TA5)									Ghép: DHCTMCK14A2 + DHCTMCK14A2 + DHKCKCK14A1	DHCQ 14
26	3NN002 DC	2	Tiếng Anh cơ bản 2(121)_01/DHTDHCK14A2	50	34	LT	Đoàn Thị Bích Diễm	09/08-28/11/21	16	9,10	A2.307 (TA4)											Ghép: DHTDHCK14A2 + DHDDTCK14(HTD)	DHCQ 14
27	3NN002 DC	2	Tiếng Anh cơ bản 2(121)_02/DHTDHCK14A1	50	33	LT	Nguyễn Thị Lan Phương	09/08-28/11/21	16	1,2	A2.208 (TA2)											Ghép: DHTDHCK14A1 + DHDDTCK14(DCN)	DHCQ 14
28	3NN002 DC	2	Tiếng Anh cơ bản 2(121)_03/DHCTTCK14A1	50	50	LT	Đoàn Thị Bích Diễm	09/08-05/12/21	17			9,10	A2.308 (TA3)									DHCTTCK14A1	DHCQ 14
29	3NN002 DC	2	Tiếng Anh cơ bản 2(121)_04/DHDDTCK14(DCN)	45	43	LT	Đoàn Thị Bích Diễm	09/08-28/11/21	16			1,2	A2.207 (TA1)									DHDDTCK14(DCN)	DHCQ 14
30	3NN002 DC	2	Tiếng Anh cơ bản 2(121)_05/DHDDTCK14(HTD)	45	32	LT	Đoàn Thị Bích Diễm	09/08-28/11/21	16	7,8	A2.208 (TA2)											DHDDTCK14(HTD)	DHCQ 14

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
31	3NN002 DC	2	Tiếng Anh cơ bản 2(121)_06/DHQTCK14A1	40	28	LT	Nguyễn Thị Lan Phương	09/08-28/11/21	16							10,11	A2.308 (TA3)					Ghép: DHQTKCK14A1 + DHQTNCK14Z + DHKTOCK14A1	DHCQ 14
32	3NN009 DC	3	Tiếng anh cơ bản A1(121)_01/DHOTOCK15A1	50	42	LT	Đinh Thị Thu	09/08-28/11/21	16					7,8,9	A2.207 (TA1)							DHOTOCK15A1	DHCQ 15
33	3NN009 DC	3	Tiếng anh cơ bản A1(121)_02	50	50	LT	Đinh Thị Thu	09/08-28/11/21	16									7,8,9	A2.207 (TA1)			DHOTOCK15A2	DHCQ 15
34	3NN009 DC	3	Tiếng anh cơ bản A1(121)_03	50	50	LT	Nguyễn Thị Lệ Hằng	09/08-28/11/21	16							9,10,11	A2.207 (TA1)					DHOTOCK15A6	DHCQ 15
35	3NN009 DC	3	Tiếng anh cơ bản A1(121)_04	50	27	LT	Đinh Thị Thu	09/08-28/11/21	16			9,10,11	A2.207 (TA1)									DHOTOCK15A8	DHCQ 15
36	3NN009 DC	3	Tiếng anh cơ bản A1(121)_05	50	49	LT	Phạm Thị Hải Yến	09/08-28/11/21	16					3,4,5	A2.207 (TA1)							DHOTOCK15A4	DHCQ 15
37	3NN009 DC	3	Tiếng anh cơ bản A1(121)_06	50	35	LT	Nguyễn Thị Lan Phương	09/08-28/11/21	16			1,2,3	A2.208 (TA2)									DHOTOCK15A5	DHCQ 15
38	3NN009 DC	3	Tiếng anh cơ bản A1(121)_07	50	31	LT	Nguyễn Thị Lan Phương	09/08-28/11/21	16					1,2,3	A2.208 (TA2)							DHOTOCK15A7	DHCQ 15
39	3NN009 DC	3	Tiếng anh cơ bản A1(121)_09	50	46	LT	Nguyễn Thị Lan Phương	09/08-28/11/21	16					7,8,9	A2.208 (TA2)							DHCTMCK15A1	DHCQ 15
40	3NN009 DC	3	Tiếng anh cơ bản A1(121)_10	50	45	LT	Nguyễn Thị Lệ Hằng	09/08-28/11/21	16					1,2,3	A2.307 (TA4)							DHCTMCK15A2	DHCQ 15
41	3NN009 DC	3	Tiếng anh cơ bản A1(121)_11	50	28	LT	Trần Khắc Hoàn	09/08-28/11/21	16					7,8,9	A2.307 (TA4)							DHCTMCK15A3	DHCQ 15
42	3NN009 DC	3	Tiếng anh cơ bản A1(121)_12/DHKCKCK15A1	37	39	LT	Nguyễn Thị Lan Phương	09/08-28/11/21	16								3,4,5	A2.208 (TA2)				DHKCKCK15A1	DHCQ 15
43	3NN009 DC	3	Tiếng anh cơ bản A1(121)_13/DHKCKCK15A2	38	29	LT	Đinh Thị Thu	09/08-28/11/21	16									7,8,9	A2.208 (TA2)			DHKCKCK15A2	DHCQ 15

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
44	3NN010 DC	3	Tiếng anh cơ bản A2(121)_01/DHDDTCK15 A1	40	33	LT	Phạm Thị Hải Yến	09/08-28/11/21	16							1,2,3	A2.207 (TA1)					Ghép: DHDDTCK15A 1 + DHDDTCK15A 2	DHCQ 15
45	3NN010 DC	3	Tiếng anh cơ bản A2(121)_02/DHDDTCK15 A2	40	38	LT	Nguyễn Thị Lệ Hằng	09/08-28/11/21	16							1,2,3	A2.209					Ghép: DHDDTCK15A 1 + DHDDTCK15A 2	DHCQ 15
46	3NN010 DC	3	Tiếng anh cơ bản A2(121)_03	40	41	LT	Phạm Thị Hải Yến	09/08-28/11/21	16			1,2,3	A2.307 (TA4)									Ghép: DHDDTCK15A 1 + DHDDTCK15A 2	DHCQ 15
47	3NN010 DC	3	Tiếng anh cơ bản A2(121)_04/DHTDHCK15 A1	45	40	LT	Hồ Thị Thanh Vân	09/08-28/11/21	16									10,11,1 2	A2.207 (TA1)			DHTDHCK15A 1	DHCQ 15
48	3NN010 DC	3	Tiếng anh cơ bản A2(121)_05/DHTDHCK15 A3	50	49	LT	Lê Thị Thúy	09/08-28/11/21	16	7,8,9	A2.207 (TA1)											Ghép: DHTDHCK15A 3 + DHDDTCK15A 3 + DHDDTCK15A 3	DHCQ 15
49	3NN010 DC	3	Tiếng anh cơ bản A2(121)_06/DHDDTCK15 A3	50	49	LT	Lê Thị Thúy	09/08-28/11/21	16			7,8,9	A2.208 (TA2)									Ghép: DHTDHCK15A 3 + DHDDTCK15A 3 + DHDDTCK15A 3	DHCQ 15
50	3NN010 DC	3	Tiếng anh cơ bản A2(121)_07/DHTDHCK15 A2	50	27	LT	Bùi Thị Xuân Linh	09/08-28/11/21	16	1,2,3	A2.407 (TA5)											DHTDHCK15A 2	DHCQ 15
51	3NN010 DC	3	Tiếng anh cơ bản A2(121)_08	50	36	LT	Lê Minh Sao	09/08-28/11/21	16									7,8,9	A2.207 (TA1)			DHCTTCK15A 1	DHCQ 15
52	3NN010 DC	3	Tiếng anh cơ bản A2(121)_09	46	48	LT	Phạm Thị Hải Yến	09/08-28/11/21	16									1,2,3	A2.207 (TA1)			DHCTTCK15A 2	DHCQ 15

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
53	3NN010 DC	3	Tiếng anh cơ bản A2(121)_10/DHTDHCK15 A2	50	50	LT	Lê Minh Sao	09/08-28/11/21	16							3,4,5	A2.208 (TA2)					Ghép: DHTDHCK15A 2 + DHKTOCK15A 1 + DHQTKCK15A 1	DHCQ 15
54	3NN010 DC	3	Tiếng anh cơ bản A2(121)_11/DHDTVCK15 A1	49	49	LT	Bùi Thị Xuân Linh	09/08-28/11/21	16							7,8,9	A2.208 (TA2)					Ghép: DHDTVCK15A 1 + DHKTMCK15 A1	DHCQ 15
1	4ML001 DC	5	Giáo dục chính trị(121)_01	60	57	LT	Vũ Thị Kim Thanh	09/08-05/12/21	17			1,2	A2.404									CDOTOCK47A 1	CDCQ 47
							Vũ Thị Kim Thanh									3,4,5	A2.404						CDCQ 47
2	4ML001 DC	5	Giáo dục chính trị(121)_02	60	66	LT	Vũ Thị Kim Thanh	09/08-05/12/21	17					9,10	A2.403							CDMDKCK47 A1	CDCQ 47
							Vũ Thị Kim Thanh											9,10,11	A2.403				CDCQ 47
3	4ML001 DC	5	Giáo dục chính trị(121)_03	60	69	LT	Lưu Thị Thu Hiền	09/08-05/12/21	17	1,2,3	A2.403											CDDDTCK47A 1	CDCQ 47
							Lưu Thị Thu Hiền											1,2	A2.403				CDCQ 47
4	4ML001 DC	5	Giáo dục chính trị(121)_04	60	62	LT	Nguyễn Thị Thắm	09/08-05/12/21	17	7,8	A2.309											CDKCKCK47A 1	CDCQ 47
							Nguyễn Thị Thắm							9,10,11	A2.309								CDCQ 47
5	4ML001 DC	5	Giáo dục chính trị(121)_05	60	63	LT	Vũ Thị Kim Thanh	16/08-05/12/21	16			7,8,9	A2.310									CDOTOCK47A 2	CDCQ 47
							Vũ Thị Kim Thanh									7,8	A2.204						CDCQ 47
6	3ML004 DC	2	Pháp luật(121)_01	60	58	LT	Đinh Nga Phượng	09/08-05/12/21	17			3,4	A2.404									CDOTOCK47A 1	CDCQ 47
7	3ML004 DC	2	Pháp luật(121)_02	60	66	LT	Lê Việt Hà	09/08-05/12/21	17					7,8	A2.403							CDMDKCK47 A1	CDCQ 47
8	3ML004 DC	2	Pháp luật(121)_03	60	68	LT	Đinh Nga Phượng	09/08-05/12/21	17					3,4	A2.403							CDDDTCK47A 1	CDCQ 47
9	3ML004 DC	2	Pháp luật(121)_04	60	52	LT	Lê Việt Hà	09/08-05/12/21	17							7,8	A2.310					CDKCKCK47A 1	CDCQ 47
10	3ML004 DC	2	Pháp luật(121)_05	60	57	LT	Lê Việt Hà	16/08-05/12/21	16							9,10	A2.204					CDOTOCK47A 2	CDCQ 47

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
1	3ML005 DC	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học(121)_01/DHDDTCK15 A1	60	55	LT	Lê Thị Ngọc Hà	09/08-28/11/21	16									4,5	A2.310			DHDDTCK15A1	DHCQ15
2	3ML005 DC	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học(121)_02/DHDDTCK15 A2	60	54	LT	Phạm Thị Bích Ngọc	09/08-28/11/21	16					3,4	A2.310							DHDDTCK15A2	DHCQ15
3	3ML005 DC	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học(121)_03/DHTDHCK15 A1	45	45	LT	Phạm Thị Bích Ngọc	09/08-28/11/21	16			9,10	A2.106									DHTDHCK15A1	DHCQ15
4	3ML005 DC	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học(121)_05/DHDDTCK15 A3	60	38	LT	Phạm Thị Bích Ngọc	09/08-28/11/21	16							7,8	A2.401					DHDDTCK15A3	DHCQ15
5	3ML005 DC	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học(121)_06/DHTDHCK15 A2	60	49	LT	Lê Thị Ngọc Hà	09/08-28/11/21	16									1,2	A2.106			DHTDHCK15A2	DHCQ15
6	3ML005 DC	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học(121)_07/DHOTOCK15 A1	50	49	LT	Phạm Thị Bích Ngọc	09/08-28/11/21	16									9,10	A2.204			DHOTOCK15A1	DHCQ15
7	3ML005 DC	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học(121)_08	50	40	LT	Phạm Thị Bích Ngọc	09/08-28/11/21	16							9,10	A2.209					DHOTOCK15A2	DHCQ15
8	3ML005 DC	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học(121)_09	50	46	LT	Lê Thị Ngọc Hà	09/08-28/11/21	16					9,10	A2.106							DHOTOCK15A6	DHCQ15
9	3ML005 DC	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học(121)_10	50	52	LT	Lê Thị Ngọc Hà	09/08-28/11/21	16			7,8	A2.204									DHOTOCK15A8	DHCQ15
10	3ML005 DC	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học(121)_12	55	55	LT	Phạm Thị Bích Ngọc	09/08-28/11/21	16					1,2	A2.209							DHOTOCK15A4	DHCQ15
11	3ML005 DC	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học(121)_13	55	46	LT	Lê Thị Ngọc Hà	09/08-28/11/21	16	1,2	A2.105											DHOTOCK15A5	DHCQ15
12	3ML005 DC	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học(121)_14	50	44	LT	Phạm Thị Bích Ngọc	09/08-28/11/21	16			1,2	A2.105									DHOTOCK15A7	DHCQ15
13	3ML005 DC	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học(121)_15	50	51	LT	Phạm Thị Bích Ngọc	09/08-28/11/21	16									7,8	A2.401			DHCTMCK15A1	DHCQ15
14	3ML005 DC	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học(121)_16	50	46	LT	Lê Thị Ngọc Hà	09/08-28/11/21	16	3,4	A2.401											DHCTMCK15A2	DHCQ15
15	3ML005 DC	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học(121)_17	50	50	LT	Lê Thị Ngọc Hà	09/08-28/11/21	16	9,10	A2.401											DHCTMCK15A3	DHCQ15
16	3ML005 DC	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học(121)_18/DHKCKCK15 A1	37	37	LT	Phạm Thị Bích Ngọc	09/08-28/11/21	16	1,2	A2.204											DHKCKCK15A1	DHCQ15
17	3ML005 DC	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học(121)_19/DHKCKCK15 A2	38	32	LT	Lê Thị Ngọc Hà	09/08-28/11/21	16			9,10	A2.309									DHKCKCK15A2	DHCQ15
18	3ML008 DC	2	Kinh tế chính trị Mác – lenin(121)_01	60	37	LT	Vũ Thị Kim Thanh	27/09-12/12/21	11											1,2,3	A3.409	DHCTTCK16A2	DHCQ16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
19	3ML008 DC	2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin(121)_01_1B6	60	37	LT	Vũ Thị Kim Thanh	09/08-05/12/21	17					1,2	A3.310							DHDTVCK16A1	DHCQ16
20	3ML008 DC	2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin(121)_02	60	66	LT	Vũ Thị Kim Thanh	09/08-05/12/21	17					7,8	A3.308							DHCTTCK16A1	DHCQ16
21	3ML008 DC	2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin(121)_03	60	0	LT	Vũ Thị Kim Thanh	09/08-05/12/21	17													DHQTCK16A1	DHCQ16
22	3ML008 DC	2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin(121)_04	55	69	LT	Vũ Thị Kim Thanh	27/09-19/12/21	12	7,8,9	A3.507											DHCTMCK16A1	DHCQ16
23	3ML008 DC	2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin(121)_05	60	36	LT	Vũ Thị Kim Thanh	15/11-12/12/21	4										7,8,9				DHCQ16
24	3ML006 DC	2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam(121)_01/DHTDHCK14A2	40	40	LT	Nguyễn Thị AnhĐào	09/08-28/11/21	16									7,8	A2.103			DHTDHCK14A2	DHCQ14
25	3ML006 DC	2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam(121)_02/DHTDHCK14A1	40	40	LT	Nguyễn Thị AnhĐào	09/08-28/11/21	16									1,2	A2.103			DHTDHCK14A1	DHCQ14
26	3ML006 DC	2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam(121)_03/DHCTMCK14A1	50	50	LT	Nguyễn Thị AnhĐào	09/08-28/11/21	16					3,4	A2.105							DHCTMCK14A1	DHCQ14
27	3ML006 DC	2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam(121)_04	51	50	LT	Mai Thị Thanh Châu	09/08-28/11/21	16			7,8	A2.103									DHOTCK14A1	DHCQ14
28	3ML006 DC	2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam(121)_04/DHCTMCK14A2_1C6	54	41	LT	Mai Thị Thanh Châu	09/08-28/11/21	16									9,10	A2.103			DHCTMCK14A2	DHCQ14
29	3ML006 DC	2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam(121)_05/DHKCKCK14A1	42	43	LT	Mai Thị Thanh Châu	09/08-28/11/21	16									7,8	A2.101			DHKCKCK14A1	DHCQ14
30	3ML006 DC	2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam(121)_06	50	60	LT	Nguyễn Thị AnhĐào	09/08-28/11/21	16							7,8	A2.104					DHOTCK14A2	DHCQ14
31	3ML006 DC	2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam(121)_07	44	44	LT	Nguyễn Thị AnhĐào	09/08-28/11/21	16					1,2	A2.103							DHOTCK14A3	DHCQ14
32	3ML006 DC	2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam(121)_08	44	50	LT	Nguyễn Thị AnhĐào	09/08-28/11/21	16							1,2	A2.104					DHOTCK14A4	DHCQ14
33	3ML006 DC	2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam(121)_09	44	48	LT	Nguyễn Thị AnhĐào	09/08-28/11/21	16			3,4	A2.103									DHOTCK14A5	DHCQ14
34	3ML006 DC	2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam(121)_10/DHDDTCK14(HTD)	55	54	LT	Mai Thị Thanh Châu	09/08-28/11/21	16			9,10	A2.103									DHDDTCK14(HTD)	DHCQ14

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
35	3ML006 DC	2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam(121)_11	55	40	LT	Nguyễn Thị AnhĐào	09/08-28/11/21	16							3,4	A2.104					DHDDTCK14(DCN)	DHCQ 14
36	2ML004 DC	2	Pháp luật đại cương(121)_01	60	66	LT	Lê Việt Hà	27/09-12/12/21	11							3,4,5	A2.310					DHCTTCK16A2	DHCQ 16
37	2ML004 DC	2	Pháp luật đại cương(121)_01/DHOTOCK 16A8	60	61	LT	Lê Việt Hà	27/09-12/12/21	11									10,11,12	A3.508			DHOTOCK16A8	DHCQ 16
38	2ML004 DC	2	Pháp luật đại cương(121)_01_12F	60	37	LT	Đinh Nga Phụng	09/08-05/12/21	17	1,2	A3.310											DHDTVCK16A1	DHCQ 16
39	2ML004 DC	2	Pháp luật đại cương(121)_02	60	65	LT	Lê Việt Hà	09/08-05/12/21	17			7,8	A3.308									DHCTTCK16A1	DHCQ 16
40	2ML004 DC	2	Pháp luật đại cương(121)_03	60	62	LT	Đinh Nga Phụng	09/08-05/12/21	17									1,2	A3.309			DHOTOCK16A1	DHCQ 16
41	2ML004 DC	2	Pháp luật đại cương(121)_04/DHOTOCK 16A2	60	61	LT	Đinh Nga Phụng	09/08-05/12/21	17	3,4	A3.407											DHOTOCK16A2	DHCQ 16
42	2ML004 DC	2	Pháp luật đại cương(121)_05/DHOTOCK 16A3	60	61	LT	Lê Việt Hà	09/08-05/12/21	17									7,8	A3.407			DHOTOCK16A3	DHCQ 16
43	2ML004 DC	2	Pháp luật đại cương(121)_06/DHOTOCK 16A4	60	62	LT	Lê Việt Hà	09/08-05/12/21	17	7,8	A3.309											DHOTOCK16A4	DHCQ 16
44	2ML004 DC	2	Pháp luật đại cương(121)_07/DHOTOCK 16A5	60	63	LT	Đinh Nga Phụng	09/08-05/12/21	17									3,4	A3.408			DHOTOCK16A5	DHCQ 16
45	2ML004 DC	2	Pháp luật đại cương(121)_08	60	0	LT	Lê Việt Hà	09/08-05/12/21	17													DHQTCK16A1	DHCQ 16
46	2ML004 DC	2	Pháp luật đại cương(121)_09/DHOTOCK 16A6	60	58	LT	Lê Việt Hà	09/08-05/12/21	17	9,10	A3.408											DHOTOCK16A6	DHCQ 16
47	2ML004 DC	2	Pháp luật đại cương(121)_10/DHOTOCK 16A7	60	61	LT	Đinh Nga Phụng	30/08-12/12/21	16					1,2	A3.508							DHOTOCK16A7	DHCQ 16
48	2ML004 DC	2	Pháp luật đại cương(121)_11	55	62	LT	Đinh Nga Phụng	27/09-19/12/21	12							7,8,9	A3.507					DHCTMCK16A1	DHCQ 16
49	2ML004 DC	2	Pháp luật đại cương(121)_12/DHOTOCK 16A9	60	60	LT	Đinh Nga Phụng	27/09-12/12/21	11							1,2,3	A3.408					DHOTOCK16A9	DHCQ 16
50	2ML004 DC	2	Pháp luật đại cương(121)_13	62	41	LT	Đinh Nga Phụng	25/10-19/12/21	8									9,10,11	A3.308			DHOTOCK16A7	DHCQ 16
51	3ML007 DC	3	Triết học Mác - Lênin(121)_01	60	57	LT	Nguyễn CôngAn	09/08-05/12/21	17	3,4,5	A2.312											DHCTMCK16A1	DHCQ 16
52	3ML007 DC	3	Triết học Mác - Lênin(121)_02/DHTDHCK1 6A2	60	59	LT	Lưu Thị Thu Hiền	16/08-05/12/21	16					7,8,9	A3.409							DHTDHCK16A2	DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
53	3ML007-DC	3	Triết học Mác - Lênin(121)_02_1F8	60	36	LT	Nguyễn CôngAn	09/08-05/12/21	17					3,4,5	A2.312							DHDTVCK16A1	DHCQ16
54	3ML007-DC	3	Triết học Mác - Lênin(121)_03	60	59	LT	Nguyễn CôngAn	09/08-05/12/21	17							3,4,5	A2.312					DHDDTCK16A1	DHCQ16
55	3ML007-DC	3	Triết học Mác - Lênin(121)_04	60	59	LT	Lưu Thị Thu Hiền	09/08-05/12/21	17	7,8,9	A3.307											DHDDTCK16A2	DHCQ16
56	3ML007-DC	3	Triết học Mác - Lênin(121)_05	60	64	LT	Nguyễn CôngAn	09/08-05/12/21	17								3,4,5	A2.312				DHTDHCK16A1	DHCQ16
57	3ML007-DC	3	Triết học Mác - Lênin(121)_06	60	60	LT	Lưu Thị Thu Hiền	09/08-05/12/21	17							9,10,11	A3.308					DHCTTCK16A1	DHCQ16
58	3ML007-DC	3	Triết học Mác - Lênin(121)_07	60	34	LT	Lưu Thị Thu Hiền	09/08-05/12/21	17			7,8,9	A3.310									DHKCKCK16A1	DHCQ16
59	3ML007-DC	3	Triết học Mác - Lênin(121)_08	60	0	LT	Lưu Thị Thu Hiền	09/08-05/12/21	17													DHQTCKCK16A1	DHCQ16
60	3ML007-DC	3	Triết học Mác - Lênin(121)_09	60	67	LT	Nguyễn CôngAn	27/09-12/12/21	11			3,4,5	A2.312									DHCTTCK16A2	DHCQ16
							Nguyễn CôngAn								1,2	A2.312					DHCQ16		
61	3ML007-DC	3	Triết học Mác - Lênin(121)_09/DHDDTCK16A4	60	65	LT	Lê Thị Ngọc Hà	04/10-12/12/21	10					1,2,3	A3.309							DHDDTCK16A4	DHCQ16
							Lê Thị Ngọc Hà								4,5	A3.308					DHCQ16		
62	3ML007-DC	3	Triết học Mác - Lênin(121)_10/DHCTMCK16A2	60	30	LT	Lưu Thị Thu Hiền	16/08-05/12/21	16									7,8,9	A3.410			DHCTMCK16A2	DHCQ16
63	3ML007-DC	3	Triết học Mác - Lênin(121)_11	55	66	LT	Lưu Thị Thu Hiền	27/09-19/12/21	12			10,11	A3.507									DHCTMCK16A1	DHCQ16
							Lưu Thị Thu Hiền										10,11,12	A3.507				DHCQ16	
64	3ML007-DC	3	Triết học Mác - Lênin(121)_11/DHDDTCK16A3_12D	60	55	LT	Lê Thị Ngọc Hà	30/08-12/12/21	16			1,2,3	A3.509									DHDDTCK16A3	DHCQ16
65	3ML007-DC	3	Triết học Mác - Lênin(121)_12	60	69	LT	Lê Thị Ngọc Hà	27/09-12/12/21	11	7,8	A3.308											DHTDHCK16A3	DHCQ16
							Lê Thị Ngọc Hà								7,8,9	A3.509					DHCQ16		
66	2ML002-DC	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh(121)_03	50	58	LT	Mai Thị Thanh Châu	09/08-28/11/21	16	10,11	A2.310											DHCTTCK15A1	DHCQ15
67	2ML002-DC	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh(121)_04	46	48	LT	Mai Thị Thanh Châu	09/08-28/11/21	16			4,5	A2.209									DHCTTCK15A2	DHCQ15
68	2ML002-DC	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh(121)_05	50	37	LT	Mai Thị Thanh Châu	09/08-28/11/21	16							1,2	A2.105					Ghép: DHQTKCK15A1 + DHKTOCK15A1	DHCQ15

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
69	2ML002 DC	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh(121)_06/DHDTVCK15A1	49	49	LT	Mai Thị Thanh Châu	09/08-28/11/21	16	7,8	A2.209											Ghép: DHDTVCK15A1 + DHKTMCK15A1	DHCQ 15
70	3ML002 DC	2	Văn hóa Việt Nam(121)_01/DHDDTCK13Z(HTD)	29	22	LT	Nguyễn Thị AnhĐào	09/08-17/10/21	10									1,2	A2.306			Ghép: DHDDTCK13Z(HTD) + DHOTOCK13D + DHCTTCK13Z + DHKTOCK13Z + DHQTKCK13Z	DHCQ 13
1	3SP003 DC	2	Kỹ năng mềm(121)_01	60	58	LT	Phan Cẩm Tú	09/08-05/12/21	17								1,2	A3.308				DHCTMCK16A1	DHCQ 16
2	3SP003 DC	2	Kỹ năng mềm(121)_02/DHTDHCK16A2	60	60	LT	Lê Trọng Phong	16/08-05/12/21	16								9,10	A3.409				DHTDHCK16A2	DHCQ 16
3	3SP003 DC	2	Kỹ năng mềm(121)_02_124	60	35	LT	Nguyễn Thị Thu Hiền	09/08-05/12/21	17	3,4	A3.310											DHDTVCK16A1	DHCQ 16
4	3SP003 DC	2	Kỹ năng mềm(121)_03	60	60	LT	Phan Thị Tâm	09/08-05/12/21	17			1,2	A3.307									DHDDTCK16A1	DHCQ 16
5	3SP003 DC	2	Kỹ năng mềm(121)_04	60	59	LT	Lê Trọng Phong	09/08-05/12/21	17								7,8	A3.307				DHDDTCK16A2	DHCQ 16
6	3SP003 DC	2	Kỹ năng mềm(121)_05	60	64	LT	Võ An Hải	09/08-05/12/21	17			1,2	A3.409									DHTDHCK16A1	DHCQ 16
7	3SP003 DC	2	Kỹ năng mềm(121)_06	60	60	LT	Phan Thị Tâm	09/08-05/12/21	17					9,10	A3.308							DHCTTCK16A1	DHCQ 16
8	3SP003 DC	2	Kỹ năng mềm(121)_07	60	33	LT	Nguyễn Thị Thu Hiền	09/08-05/12/21	17							7,8	A3.310					DHKCKCK16A1	DHCQ 16
9	3SP003 DC	2	Kỹ năng mềm(121)_08	60	62	LT	Võ An Hải	09/08-05/12/21	17			3,4	A3.309									DHOTOCK16A1	DHCQ 16
10	3SP003 DC	2	Kỹ năng mềm(121)_09/DHOTOCK16A2	60	63	LT	Lê Trọng Phong	09/08-05/12/21	17	1,2	A3.407											DHOTOCK16A2	DHCQ 16
11	3SP003 DC	2	Kỹ năng mềm(121)_10/DHOTOCK16A3	60	61	LT	Phan Cẩm Tú	09/08-05/12/21	17							9,10	A3.407					DHOTOCK16A3	DHCQ 16
12	3SP003 DC	2	Kỹ năng mềm(121)_11/DHOTOCK16A4	60	62	LT	Phan Cẩm Tú	09/08-05/12/21	17							7,8	A3.309					DHOTOCK16A4	DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
13	3SP003 DC	2	Kỹ năng mềm(121)_12/DHOTOCK16A5	60	62	LT	Nguyễn Thị Thu Hiền	09/08-05/12/21	17	1,2	A3.408											DHOTOCK16A5	DHCQ 16
14	3SP003 DC	2	Kỹ năng mềm(121)_13	60	0	LT	Lê Trọng Phong	09/08-05/12/21	17													DHQTCK16A1	DHCQ 16
15	3SP003 DC	2	Kỹ năng mềm(121)_14/DHOTOCK16A6	60	57	LT	Võ An Hải	09/08-05/12/21	17							7,8	A3.408					DHOTOCK16A6	DHCQ 16
16	3SP003 DC	2	Kỹ năng mềm(121)_15	60	71	LT	Lê Trọng Phong	27/09-12/12/21	11					1,2,3	A3.410							DHCTTCK16A2	DHCQ 16
17	3SP003 DC	2	Kỹ năng mềm(121)_15/DHOTOCK16A8	60	61	LT	Võ An Hải	27/09-12/12/21	11									7,8,9	A3.508			DHOTOCK16A8	DHCQ 16
18	3SP003 DC	2	Kỹ năng mềm(121)_16/DHCTMCK16A2	60	30	LT	Lê Trọng Phong	16/08-05/12/21	16			9,10	A3.410									DHCTMCK16A2	DHCQ 16
19	3SP003 DC	2	Kỹ năng mềm(121)_17/DHDDTCK16A3_11E	60	56	LT	Phan Cẩm Tú	30/08-12/12/21	16									3,4	A3.509			DHDDTCK16A3	DHCQ 16
20	3SP003 DC	2	Kỹ năng mềm(121)_17/DHOTOCK16A7	60	60	LT	Phan Thị Tâm	30/08-12/12/21	16			3,4	A3.508									DHOTOCK16A7	DHCQ 16
21	3SP003 DC	2	Kỹ năng mềm(121)_18	55	68	LT	Phan Thị Tâm	27/09-19/12/21	12	10,11,12	A3.507											DHCTMCK16A1	DHCQ 16
22	3SP003 DC	2	Kỹ năng mềm(121)_19	60	69	LT	Phan Cẩm Tú	27/09-12/12/21	11					7,8,9	A3.309							DHTDHCK16A3	DHCQ 16
23	3SP003 DC	2	Kỹ năng mềm(121)_20/DHDDTCK16A4	60	73	LT	Nguyễn Thị Thu Hiền	04/10-12/12/21	10							1,2,3	A3.308					DHDDTCK16A4	DHCQ 16
24	3SP003 DC	2	Kỹ năng mềm(121)_20/DHOTOCK16A9	60	60	LT	Nguyễn Thị Thu Hiền	27/09-12/12/21	11									1,2,3	A3.409			DHOTOCK16A9	DHCQ 16
25	3SP003 DC	2	Kỹ năng mềm(121)_21	62	44	LT	Phan Cẩm Tú	25/10-19/12/21	8			7,8,9	A3.509									DHOTOCK16A7	DHCQ 16
26	3SP003 DC	2	Kỹ năng mềm(121)_22	50	0	LT	Lê Trọng Phong	17/01-23/01/22	1			2,3,4											DHCQ 16
							Lê Trọng Phong							2,3,4									DHCQ 16
							Lê Trọng Phong									2,3,4							DHCQ 16
							Lê Trọng Phong											2,3,4					DHCQ 16
							Lê Trọng Phong													2,3,4			DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa	
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học			
26	DC	2	Kỹ năng mềm(121)_22	50	0	LT	Lê Trọng Phong	24/01-30/01/22	1	2,3,4													DHCQ 16	
						Lê Trọng Phong						2,3,4												DHCQ 16
						Lê Trọng Phong								2,3,4										DHCQ 16
						Lê Trọng Phong										2,3,4								DHCQ 16
						Lê Trọng Phong												2,3,4						DHCQ 16
27	1SP041 DC	2	Phương pháp nghiên cứu khoa học(121)_01	50	56	LT	Nguyễn Thị Thu Hiền	09/08-28/11/21	16								9,10	A2.401				DHCTMCK15A1	DHCQ 15	
28	1SP041 DC	2	Phương pháp nghiên cứu khoa học(121)_02	50	63	LT	Phan Thị Tâm	09/08-28/11/21	16	1,2	A2.401											DHCTMCK15A2	DHCQ 15	
29	1SP041 DC	2	Phương pháp nghiên cứu khoa học(121)_03	50	46	LT	Võ An Hải	09/08-28/11/21	16							9,10	A2.403					DHCTMCK15A3	DHCQ 15	
30	1SP041 DC	2	Phương pháp nghiên cứu khoa học(121)_04/DHKCKCK15A1	37	53	LT	Phan Cẩm Tú	09/08-28/11/21	16	3,4	A2.204											DHKCKCK15A1	DHCQ 15	
31	1SP041 DC	2	Phương pháp nghiên cứu khoa học(121)_05/DHKCKCK15A2	38	51	LT	Lê Trọng Phong	09/08-28/11/21	16			7,8	A2.309									DHKCKCK15A2	DHCQ 15	
32	3SP002 DC	2	Tiếng Việt nâng cao 2(121)_01/DHDDTCK15A1	23	18	LT	Võ An Hải	09/08-28/11/21	16										8,9	304.A2 (SP)	Ghép: DHDDTCK15A1 + DHOTOCK15A1 + DHKTMCK15A1 + DHQTKCK15A1 + DHCTTCK15A1	DHCQ 15		
1	3KT202 DH	1	Bài tập lớn Kế toán tài chính 2(121)_01_BT/DHKTOCK14A1	8	9	BT	Chu Thị Cẩm Hà	09/08-05/12/21	17			12										DHKTOCK14A1	DHCQ 14	
2	3KT207 DH	1	Bài tập lớn Quản trị doanh nghiệp(121)_01_BT/DHQT NCK14Z	7	10	BT		09/08-05/12/21	17					12								Ghép: DHQTNCK14Z + DHQTKCK14A1	DHCQ 14	

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
3	3KT208 DH	1	Bài tập lớn Quản trị tác nghiệp(121)_01_BT/DHQT KCK14A1	5	7	BT		09/08-05/12/21	17							12						DHQTCK14A1	DHCQ14
4	3KT162 DH	3	Hệ thống thông tin kế toán(121)_01/DHKTOCK13Z	16	17	LT	Lê Thị Bích Ngọc	09/08-21/11/21	15					3,4,5	A3.506							DHKTOCK13Z	DHCQ13
5	3KT226 CD	2	Kế toán máy(121)_01/DHKTOCK14A1	8	9	LT	Trần Minh Đức	09/08-05/12/21	17					7,8	A3.506							DHKTOCK14A1	DHCQ14
6	3KT106 DH	3	Kế toán quản trị(121)_01/DHKTOCK14A1	8	9	LT	Chu Thị Cẩm Hà	09/08-05/12/21	17	7,8,9	A2.306											DHKTOCK14A1	DHCQ14
7	3KT113 DH	3	Kế toán quốc tế(121)_01/DHKTOCK13Z	16	20	LT	Chu Thị Cẩm Hà	09/08-21/11/21	15	1,2,3	A2.306											DHKTOCK13Z	DHCQ13
8	3KT216 CD	3	Kế toán tài chính 2(121)_01/DHKTOCK14A1	8	9	LT	Chu Thị Cẩm Hà	09/08-05/12/21	17			7,8,9	A2.306									DHKTOCK14A1	DHCQ14
9	3KT213 CD	3	Khởi sự kinh doanh(121)_01/DHQTCK13Z	9	10	LT	Nguyễn Thị Trâm	09/08-21/11/21	15							1,2,3	A2.411					DHQTCK13Z	DHCQ13
10	3KT108 DH	3	Kiểm toán căn bản(121)_01/DHKTOCK14A1	8	9	LT	Lê Thị Bích Ngọc	09/08-05/12/21	17								7,8,9	A2.306				DHKTOCK14A1	DHCQ14
11	3KT158 DH	2	Kinh tế lao động(121)_01/DHQTNCK14Z	7	9	LT	Nguyễn Thị Trâm	09/08-05/12/21	17					7,8	A2.411							Ghép: DHQTNCK14Z + DHQTCK14A1	DHCQ14
12	3KT102 DH	2	Kinh tế quốc tế(121)_01/DHKTOCK14A1	8	10	LT	Nguyễn Thị MaiHương	09/08-05/12/21	17							8,9	A3.506					DHKTOCK14A1	DHCQ14
13	3KT102 DH	2	Kinh tế quốc tế(121)_02	26	23	LT	Nguyễn Thị MaiHương	09/08-28/11/21	16	3,4	A3.305											Ghép: DHQTCK15A1 + DHKTOCK15A1	DHCQ15
14	3KT101 DH	2	Kinh tế vĩ mô(121)_01	26	24	LT	Nguyễn Thị MaiHương	09/08-28/11/21	16					1,2	A3.305							Ghép: DHQTCK15A1 + DHKTOCK15A1	DHCQ15
15	3KT205 DH	7	Luận văn tốt nghiệp(121)_01_DAHKT OCK13Z	10	16	DA		09/08-21/11/21	15					6								DHKTOCK13Z	DHCQ13

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
16	3KT211 DH	7	Luận văn tốt nghiệp(121)_01_DA/DHQT KCK13Z	5	5	DA		09/08-21/11/21	15			6										DHQTCK13Z	DHCQ 13
17	3KT126 DH	3	Lý thuyết tài chính tiền tệ(121)_01	15	15	LT		09/08-28/11/21	16								4,5,6	A2.306				DHQTCK15A1	DHCQ 15
18	3KT103 CD	2	Marketing căn bản(121)_01	15	16	LT	Nguyễn Thị MaiHương	09/08-28/11/21	16			3,4	A2.306									DHQTCK15A1	DHCQ 15
19	3KT113 CD	3	Nguyên lý kế toán(121)_01	11	7	LT	Lê ThịNgân	09/08-28/11/21	16								1,2,3	A2.101				DHKTCK15A1	DHCQ 15
20	2KT001 DC	2	Nhập môn quản trị học(121)_01/DHKCKCK14 A1	42	68	LT	Nguyễn Thị Thơ	09/08-28/11/21	16	9,10	A2.104											DHKCKCK14A1	DHCQ 14
21	3KT108 CD	2	Phương pháp nghiên cứu kinh doanh(121)_01	15	17	LT	Nguyễn Thị MaiHương	09/08-28/11/21	16					3,4	A3.305							DHQTCK15A1	DHCQ 15
22	3KT148 DH	3	Quan hệ lao động(121)_01/DHQTNCK1 4Z	2	2	LT	Nguyễn Thị Trâm	09/08-05/12/21	17			7,8,9	A2.411									DHQTNCK14Z	DHCQ 14
23	3KT158 DC	3	Quản trị chiến lược(121)_01/DHQTCK14 A1	5	6	LT	Nguyễn Thị Thơ	09/08-05/12/21	17			7,8,9	A3.305									DHQTCK14A1	DHCQ 14
24	3KT135 DH	3	Quản trị công nghệ(121)_01/DHQTCK1 4A1	5	6	LT	Nguyễn Thị Thơ	09/08-05/12/21	17								7,8,9	A3.305				DHQTCK14A1	DHCQ 14
25	3KT208 CD	3	Quản trị doanh nghiệp(121)_01/DHQTNCK 14Z	7	9	LT	Nguyễn Thị Thơ	09/08-05/12/21	17										7,8,9	A3.305	Ghép: DHQTNCK14Z + DHQTCK14A1	DHCQ 14	
26	3KT137 DH	3	Quản trị tác nghiệp(121)_01/DHQTCKCK 14A1	5	6	LT	Nguyễn Thị Thơ	09/08-05/12/21	17					9,10,11	A3.305							DHQTCK14A1	DHCQ 14
27	3KT153 DH	3	Quản trị thực hiện công việc(121)_01/DHQTNCK14 Z	2	2	LT	Nguyễn Thị Trâm	09/08-05/12/21	17					9,10,11	A2.411							DHQTNCK14Z	DHCQ 14
28	3KT143 CD	2	Quản trị thương hiệu(121)_01/DHQTCKCK14 A1	5	8	LT	Nguyễn Thị Thơ	09/08-05/12/21	17							8,9	A3.305					DHQTCK14A1	DHCQ 14
29	3KT117 CD	2	Tài chính doanh nghiệp(121)_01	11	7	LT	Nguyễn Thị MaiHương	09/08-28/11/21	16	5,6	A3.305											DHKTCK15A1	DHCQ 15
30	3KT142 DH	3	Tâm lý và đạo đức kinh doanh(121)_01/DHQTCKCK 13Z	9	10	LT	Nguyễn Thị Trâm	09/08-21/11/21	15			3,4,5	A2.411									DHQTCK13Z	DHCQ 13
31	3KT104 DH	2	Thuế(121)_01	11	7	LT	Chu Thị Cẩm Hà	09/08-28/11/21	16								4,5	A2.101				DHKTCK15A1	DHCQ 15

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
32	3KT105 CD	2	Thương mại điện tử(121)_01/DHQTCKCK13Z	9	10	LT	Nguyễn Thị MaiHương	09/08-21/11/21	15									1,2	A3.305			DHQTCKCK13Z	DHCQ 13
33	3KT206 DH	7	Tiểu luận tốt nghiệp(121)_01_DA/DHKTOCK13Z	10	4	DA		09/08-21/11/21	15	6												DHKTOCK13Z	DHCQ 13
34	3KT212 DH	7	Tiểu luận tốt nghiệp(121)_01_DA/DHQTCKCK13Z	5	4	DA		09/08-21/11/21	15							6						DHQTCKCK13Z	DHCQ 13
35	3KT149 DH	3	Tổ chức và định mức lao động(121)_01/DHQTNCK14Z	2	2	LT	Nguyễn Thị Trâm	09/08-05/12/21	17									7,8,9	A2.411			DHQTNCK14Z	DHCQ 14
36	3KT111 CD	2	Văn hóa kinh doanh(121)_01	26	22	LT	Nguyễn Thị Trâm	09/08-28/11/21	16			1,2	A2.411									Ghép: DHQTCKCK15A 1 + DHKTOCK15A 1	DHCQ 15
1	3TN106 CD	2	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật(121)_01	50	46	LT	Hồ Ngọc Vinh	09/08-28/11/21	16							9,10	A3.301					DHCTTCK15A 1	DHCQ 15
2	3TN106 CD	2	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật(121)_02	46	49	LT	Hồ Ngọc Vinh	09/08-28/11/21	16					3,4	A3.302							DHCTTCK15A 2	DHCQ 15
3	3TN109 CD	2	Cấu trúc máy tính(121)_01	50	38	LT	Phan Lê Bằng	09/08-28/11/21	16			9,10	A3.301									DHCTTCK15A 1	DHCQ 15
4	3TN109 CD	2	Cấu trúc máy tính(121)_02	46	41	LT	Phan Lê Bằng	09/08-28/11/21	16							3,4	A3.302					DHCTTCK15A 2	DHCQ 15
5	3TN102 DH	2	Cơ sở dữ liệu(121)_01	50	43	LT	Phạm Thị Đào	09/08-28/11/21	16							7,8	A3.301					DHCTTCK15A 1	DHCQ 15
6	3TN102 DH	2	Cơ sở dữ liệu(121)_02	46	47	LT	Trần Thị Gia	09/08-28/11/21	16							1,2	A3.302					DHCTTCK15A 2	DHCQ 15
7	3TN205 DH	1	Đồ án phát triển ứng dụng Web(121)_01_DA/DHCTTCK14A1	50	42	DA	Vũ Thị Thu Hiền	09/08-05/12/21	17			12										DHCTTCK14A 1	DHCQ 14
8	3TN209 DH	7	Đồ án tốt nghiệp(121)_01_DA_12C	30	39	DA	Vũ Thị Thu Hiền	09/08-21/11/21	15							6						DHCTTCK13Z	DHCQ 13
9	3TN201 CD	2	Lắp ráp và cài đặt máy tính(121)_1	26	26	LT		06/12-26/12/21	3	1,2,3,4	A3.406												DHCQ 16
												1,2,3,4	A3.406										DHCQ 16
														1,2,3,4	A3.406								DHCQ 16
																1,2,3,4	A3.406						DHCQ 16
																		1,2,3,4	A3.406				DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
10	3TN201 CD	2	Lắp ráp và cài đặt máy tính(121)_2	26	26	LT		06/12-26/12/21	3	1,2,3,4	A3.306												DHCQ 16
												1,2,3,4	A3.306										
														1,2,3,4	A3.306								
																1,2,3,4	A3.306						
																		1,2,3,4	A3.306				
11	3TN201 CD	2	Lắp ráp và cài đặt máy tính(121)_3	26	28	LT		20/12-09/01/22	3	7,8,9,10	A3.406												DHCQ 16
												7,8,9,10	A3.406										
														7,8,9,10	A3.406								
																7,8,9,10	A3.406						
																		7,8,9,10	A3.406				
12	3TN201 CD	2	Lắp ráp và cài đặt máy tính(121)_4	26	28	LT		20/12-09/01/22	3	7,8,9,10	A3.306												DHCQ 16
												7,8,9,10	A3.306										
														7,8,9,10	A3.306								
																7,8,9,10	A3.306						
																		7,8,9,10	A3.306				
13	3TN105 DH	3	Lập trình .NET(121)_01	50	52	LT	Phạm T.Thanh Bình	09/08-28/11/21	16					7,8,9	A3.301							DHCTTCK15A1	DHCQ 15
14	3TN105 DH	3	Lập trình .NET(121)_02	46	39	LT	Nguyễn Thị Phương Thùy	09/08-28/11/21	16			1,2,3	A3.302									DHCTTCK15A2	DHCQ 15
15	3TN111 DH	3	Lập trình di động(121)_01/DHCTTCK14A1	50	48	LT	Trần Bình Giang	09/08-05/12/21	17									7,8,9	A3.302			DHCTTCK14A1	DHCQ 14
16	3TN113 DH	2	Lập trình Java nâng cao(121)_01	50	45	LT	Võ Thị Kim Hoa	09/08-28/11/21	16			7,8	A3.301									DHCTTCK15A1	DHCQ 15
17	3TN113 DH	2	Lập trình Java nâng cao(121)_02	46	40	LT	Võ Thị Kim Hoa	09/08-28/11/21	16					1,2	A3.302							DHCTTCK15A2	DHCQ 15
18	3TN115 DH	2	Lập trình nhúng(121)_01	50	58	LT	Vũ Thị Thu Hiền	09/08-21/11/21	15			1,2	A3.301									DHCTTCK13Z	DHCQ 13

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
19	2TN033 DH	2	Lập trình Song song(121)_01/DHCTTCK14 A1	50	51	LT	Nguyễn Thị Quỳnh Vinh	09/08-05/12/21	17	7,8	A3.302											DHCTTCK14A1	DHCQ14
20	3TN106 DH	3	Lập trình Web(121)_01	50	39	LT	Lê Văn Vinh	09/08-28/11/21	16	7,8,9	A3.301											DHCTTCK15A1	DHCQ15
21	3TN106 DH	3	Lập trình Web(121)_02	46	40	LT	Phạm Thị Đào	09/08-28/11/21	16	1,2,3	A3.302											DHCTTCK15A2	DHCQ15
22	3TN116 DH	2	Mẫu thiết kế cho phần mềm(121)_01	50	59	LT	Nguyễn Thị Lan Anh	09/08-21/11/21	15						3,4	A3.301						DHCTTCK13Z	DHCQ13
23	3TN001 DC	2	Nhập môn tin học(121)_01	60	54	LT	Trần Thị Gia	09/08-05/12/21	17					1,2	A3.308							DHCTMCK16A1	DHCQ16
24	3TN001 DC	2	Nhập môn tin học(121)_02/DHTDHCK16 A2	60	61	LT		16/08-05/12/21	16							9,10	A3.409					DHTDHCK16A2	DHCQ16
25	3TN001 DC	2	Nhập môn tin học(121)_02_1D8	60	35	LT	Phạm Thị Đào	09/08-05/12/21	17								1,2	A3.310				DHDTVCK16A1	DHCQ16
26	3TN001 DC	2	Nhập môn tin học(121)_03	60	59	LT		09/08-05/12/21	17	3,4	A3.307											DHDDTCK16A1	DHCQ16
27	3TN001 DC	2	Nhập môn tin học(121)_04	60	59	LT	Nguyễn Thị Lan Anh	09/08-05/12/21	17					7,8	A3.307							DHDDTCK16A2	DHCQ16
28	3TN001 DC	2	Nhập môn tin học(121)_05	60	64	LT	Phan Lê Bằng	09/08-05/12/21	17							1,2	A3.409					DHTDHCK16A1	DHCQ16
29	3TN001 DC	2	Nhập môn tin học(121)_06	60	63	LT	Nguyễn Thị Quỳnh Vinh	09/08-05/12/21	17								7,8	A3.308				DHCTTCK16A1	DHCQ16
30	3TN001 DC	2	Nhập môn tin học(121)_07	60	32	LT	Trần Bình Giang	09/08-05/12/21	17	9,10	A3.310											DHKCKCK16A1	DHCQ16
31	3TN001 DC	2	Nhập môn tin học(121)_08	60	62	LT		09/08-05/12/21	17							3,4	A3.309					DHOTOCK16A1	DHCQ16
32	3TN001 DC	2	Nhập môn tin học(121)_09/DHOTOCK16 A2	60	61	LT	Vũ Thị Thu Hiền	09/08-05/12/21	17			3,4	A3.407									DHOTOCK16A2	DHCQ16
33	3TN001 DC	2	Nhập môn tin học(121)_10/DHOTOCK16 A3	60	61	LT	Vũ Thị Thu Hiền	09/08-05/12/21	17								9,10	A3.407				DHOTOCK16A3	DHCQ16
34	3TN001 DC	2	Nhập môn tin học(121)_11/DHOTOCK16 A4	60	62	LT	Võ Thị Kim Hoa	09/08-05/12/21	17			9,10	A3.309									DHOTOCK16A4	DHCQ16
35	3TN001 DC	2	Nhập môn tin học(121)_12/DHOTOCK16 A5	60	62	LT	Võ Thị Kim Hoa	09/08-05/12/21	17					3,4	A3.408							DHOTOCK16A5	DHCQ16
36	3TN001 DC	2	Nhập môn tin học(121)_13	60	0	LT		09/08-05/12/21	17													DHQTCKCK16A1	DHCQ16
37	3TN001 DC	2	Nhập môn tin học(121)_14/DHOTOCK16 A6	60	58	LT		09/08-05/12/21	17							9,10	A3.408					DHOTOCK16A6	DHCQ16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
38	3TN001 DC	2	Nhập môn tin học(121)_15	60	67	LT	Trần Bình Giang	27/09-12/12/21	11											4,5	A3.409	DHCTTCK16A2	DHCQ 16
39	3TN001 DC	2	Nhập môn tin học(121)_15/DHOTOCK16A8	60	61	LT	Trần Bình Giang	27/09-12/12/21	11			9,10	A3.508									DHOTOCK16A8	DHCQ 16
40	3TN001 DC	2	Nhập môn tin học(121)_16/DHCTMCK16A2	60	28	LT	Phạm T.Thanh Bình	16/08-05/12/21	16			7,8	A3.410									DHCTMCK16A2	DHCQ 16
41	3TN001 DC	2	Nhập môn tin học(121)_17/DHDDTCK16A3_1F4	60	54	LT		30/08-12/12/21	16	1,2	A3.509											DHDDTCK16A3	DHCQ 16
42	3TN001 DC	2	Nhập môn tin học(121)_17/DHOTOCK16A7	60	60	LT	Nguyễn Thị Quỳnh Vinh	30/08-12/12/21	16								3,4	A3.508				DHOTOCK16A7	DHCQ 16
43	3TN001 DC	2	Nhập môn tin học(121)_18	55	64	LT		27/09-19/12/21	12			7,8,9	A3.507									DHCTMCK16A1	DHCQ 16
44	3TN001 DC	2	Nhập môn tin học(121)_19	60	69	LT	Vũ Thị Thu Hiền	27/09-12/12/21	11	9,10	A3.308											DHTDHCK16A3	DHCQ 16
45	3TN001 DC	2	Nhập môn tin học(121)_20/DHDDTCK16A4	60	65	LT	Phan Lê Bằng	04/10-12/12/21	10											1,2,3	A3.308	DHDDTCK16A4	DHCQ 16
46	3TN001 DC	2	Nhập môn tin học(121)_20/DHOTOCK16A9	60	59	LT	Nguyễn Thị Quỳnh Vinh	27/09-12/12/21	11					4,5	A3.509							DHOTOCK16A9	DHCQ 16
47	3TN001 DC	2	Nhập môn tin học(121)_21	62	39	LT	Trần Bình Giang	25/10-19/12/21	8					10,11	A3.509							DHOTOCK16A7	DHCQ 16
48	3TN112 DH	3	Phát triển phần mềm mã nguồn mở(121)_01/DHCTTCK14A1	50	46	LT	Nguyễn Thị Phương Thủy	09/08-05/12/21	17							7,8,9	A3.302					DHCTTCK14A1	DHCQ 14
49	3TN209 CD	4	Phát triển ứng dụng Windows(121)_01_TH1/DHCTTCK14A1	25	22	TH	Phạm T.Thanh Bình	06/09-17/10/21	6	1,2,3,4	A3.401											DHCTTCK14A1	DHCQ 14
							Phạm T.Thanh Bình					1,2,3,4	A3.401										DHCQ 14
							Phạm T.Thanh Bình							1,2,3,4	A3.401								DHCQ 14
							Phạm T.Thanh Bình									1,2,3,4	A3.401						DHCQ 14
							Phạm T.Thanh Bình											1,2,3,4	A3.401				DHCQ 14
			Phát triển ứng dụng				Nguyễn Thị Lan Anh			1,2,3,4	A3.401												DHCQ 14
							Nguyễn Thị Lan Anh							1,2,3,4	A3.401								DHCQ 14

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
50	3TN209 CD	4	Phát triển ứng dụng Windows(121)_01_TH2/DH CTTCK14A1	25	24	TH		18/10-28/11/21	6							1,2,3,4	A3.401					DHCTTCK14A 1	DHCQ 14
							Nguyễn Thị Lan Anh											1,2,3,4	A3.401				DHCQ 14
							Nguyễn Thị Lan Anh													1,2,3,4	A3.401		DHCQ 14
51	3TN201 DH	2	Thực tập cơ bản (Java/C++)(121)_01_TH	23	20	TH	Vũ Thị Thu Hiền	06/09-26/09/21	3	1,2,3,4	A3.402											DHCTTCK15A 1	DHCQ 15
							Vũ Thị Thu Hiền						1,2,3,4	A3.402									DHCQ 15
							Vũ Thị Thu Hiền								1,2,3,4	A3.402							DHCQ 15
							Vũ Thị Thu Hiền										1,2,3,4	A3.402					DHCQ 15
							Vũ Thị Thu Hiền												1,2,3,4	A3.402			DHCQ 15
52	3TN201 DH	2	Thực tập cơ bản (Java/C++)(121)_02_TH	23	20	TH	Trần Bình Giang	27/09-17/10/21	3	1,2,3,4	A3.402											DHCTTCK15A 1	DHCQ 15
							Trần Bình Giang					1,2,3,4	A3.402										DHCQ 15
							Trần Bình Giang							1,2,3,4	A3.402								DHCQ 15
							Trần Bình Giang								1,2,3,4	A3.402							DHCQ 15
							Trần Bình Giang									1,2,3,4	A3.402						DHCQ 15
53	3TN201 DH	2	Thực tập cơ bản (Java/C++)(121)_03_TH	23	22	TH	Võ Thị Kim Hoa	06/09-26/09/21	3	8,9,10,11	A3.402											DHCTTCK15A 2	DHCQ 15
												8,9,10,11	A3.402										DHCQ 15
							Võ Thị Kim Hoa							8,9,10,11	A3.402								DHCQ 15
							Võ Thị Kim Hoa									8,9,10,11	A3.402						DHCQ 15
							Võ Thị Kim Hoa										8,9,10,11	A3.402					DHCQ 15
54	3TN201 DH	2	Thực tập cơ bản (Java/C++)(121)_04_TH	23	18	TH	Trần Thị Gia	27/09-17/10/21	3	8,9,10,11	A3.402											DHCTTCK15A 2	DHCQ 15
							Trần Thị Gia					8,9,10,11	A3.402										DHCQ 15
							Trần Thị Gia							8,9,10,11	A3.402								DHCQ 15
							Trần Thị Gia									8,9,10,11	A3.402						DHCQ 15

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
							Trần Thị Gia											8,9,10,11	A3.402				DHCQ 15
55	3TN210 DH	7	Tiểu luận tốt nghiệp(121)_01_DA_194	30	21	DA	Vũ Thị Thu Hiền	09/08-21/11/21	15					6								DHCTTCK13Z	DHCQ 13
1	3DT232 CD	2	Bảo trì hệ thống bơm nhiệt(121)_01_TH/CDMDK CK45A1	18	15	TH		11/10-17/10/21	1	1,2,3,4												CDMDKCK45 A1	CDCQ 45
												1,2,3,4											CDCQ 45
													1,2,3,4										CDCQ 45
															1,2,3,4								CDCQ 45
																1,2,3,4							CDCQ 45
								18/10-23/10/21	1	1,2,3,4													CDCQ 45
												1,2,3,4											CDCQ 45
													1,2,3,4										CDCQ 45
															1,2,3,4								CDCQ 45
																1,2,3,4							CDCQ 45
								25/10-30/10/21	1														CDCQ 45
							Nguyễn Đình Thư																CDCQ 45
2	3DT232 CD	2	Bảo trì hệ thống bơm nhiệt(121)_02_TH/CDMDK CK45A1	18	20	TH		06/09-26/09/21	3	1,2,3,4	A4.210											CDMDKCK45 A1	CDCQ 45
												1,2,3,4	A4.210										CDCQ 45
													1,2,3,4	A4.210									CDCQ 45
															1,2,3,4	A4.210							CDCQ 45
																1,2,3,4	A4.210						CDCQ 45
3	3DT232 CD	2	Bảo trì hệ thống bơm nhiệt(121)_03_TH/CDMDK CK45A1	18	18	TH		27/09-17/10/21	3	1,2,3,4	A4.210											CDMDKCK45 A1	CDCQ 45
												1,2,3,4	A4.210										CDCQ 45
														1,2,3,4	A4.210								CDCQ 45

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
																1,2,3,4	A4.210						CDCQ 45
																		1,2,3,4	A4.210				CDCQ 45
4	3DT228 CD	4	Bảo trì mạch điện tử trong hệ thống lạnh(121)_01_TH/CDMDK CK45A1	18	20	TH	08/11-19/12/21	6	8,9,10, 11	A4.106													CDCQ 45
											8,9,10, 11	A4.106											CDCQ 45
													8,9,10, 11	A4.106									CDCQ 45
																8,9,10, 11	A4.106						CDCQ 45
																		8,9,10, 11	A4.106				CDCQ 45
																							CDCQ 45
5	3DT228 CD	4	Bảo trì mạch điện tử trong hệ thống lạnh(121)_02_TH/CDMDK CK45A1	18	17	TH	27/09-07/11/21	6	8,9,10, 11	A4.106													CDCQ 45
											8,9,10, 11	A4.106											CDCQ 45
													8,9,10, 11	A4.106									CDCQ 45
															8,9,10, 11	A4.106							CDCQ 45
																	8,9,10, 11	A4.106					CDCQ 45
																							CDCQ 45
6	3DT228 CD	4	Bảo trì mạch điện tử trong hệ thống lạnh(121)_03_TH/CDMDK CK45A1	18	15	TH	11/10-06/11/21	4	8,9,10, 11														CDCQ 45
											8,9,10, 11												CDCQ 45
													8,9,10, 11										CDCQ 45
															8,9,10, 11								CDCQ 45
																	8,9,10, 11						CDCQ 45
																							CDCQ 45
						Võ Văn Đức	08/11-20/11/21	2															CDCQ 45
7	3DT103 CD	2	Cơ sở kỹ thuật nhiệt(121)_01	60	61	LT	Lê Văn Biên	09/08-05/12/21	17	7,8	A2.403											CDMDKCK47 A1	CDCQ 47
8	3DT225 CD	4	Lắp đặt hệ thống điều hòa không khí cục bộ(121)_01_TH	20	14	TH	Hà Huy Công	06/09-17/10/21	6													CDMDKCK46 A2	CDCQ 46
							Hà Huy Công			8,9,10, 11	A4.109												CDCQ 46

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
9	3DT225 CD	4	Lắp đặt hệ thống điều hòa không khí cục bộ(121)_02_TH	20	18	TH	Hà Huy Công	18/10-28/11/21	6			8,9,10, 11	A4.109									CDMDKCK46 A2	CDCQ 46
							Hà Huy Công							8,9,10, 11	A4.109								CDCQ 46
							Hà Huy Công									8,9,10, 11	A4.109						CDCQ 46
							Hà Huy Công											8,9,10, 11	A4.109				CDCQ 46
10	3DT225 CD	4	Lắp đặt hệ thống điều hòa không khí cục bộ(121)_03_TH	19	17	TH	Hà Huy Công	06/09-17/10/21	6													CDMDKCK46 A1	CDCQ 46
11	3DT225 CD	4	Lắp đặt hệ thống điều hòa không khí cục bộ(121)_04_TH	19	17	TH	Hà Huy Công	18/10-28/11/21	6	1,2,3,4	A4.109											CDMDKCK46 A1	CDCQ 46
							Hà Huy Công					1,2,3,4	A4.109										CDCQ 46
							Hà Huy Công							1,2,3,4	A4.109								CDCQ 46
							Hà Huy Công									1,2,3,4	A4.109						CDCQ 46
							Hà Huy Công											1,2,3,4	A4.109				CDCQ 46
12	3DT231 CD	2	Lắp đặt hệ thống điều hòa VRV(121)_01_TH/CDMDK CK45A1	18	16	TH	Võ ĐìnhHiệp	18/10-07/11/21	3	1,2,3,4	A4.106											CDMDKCK45 A1	CDCQ 45
							Võ ĐìnhHiệp					1,2,3,4	A4.106										CDCQ 45
							Võ ĐìnhHiệp							1,2,3,4	A4.106								CDCQ 45
							Võ ĐìnhHiệp									1,2,3,4	A4.106						CDCQ 45
							Võ ĐìnhHiệp											1,2,3,4	A4.106				CDCQ 45
13	3DT231 CD	2	Lắp đặt hệ thống điều hòa VRV(121)_02_TH/CDMDK CK45A1	18	17	TH	Võ ĐìnhHiệp	08/11-28/11/21	3	1,2,3,4	A4.106											CDMDKCK45 A1	CDCQ 45
							Võ ĐìnhHiệp					1,2,3,4	A4.106										CDCQ 45
							Võ ĐìnhHiệp							1,2,3,4	A4.106								CDCQ 45
							Võ ĐìnhHiệp									1,2,3,4	A4.106						CDCQ 45
							Võ ĐìnhHiệp											1,2,3,4	A4.106				CDCQ 45
							Võ ĐìnhHiệp			1,2,3,4	A4.106												CDCQ 45

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
14	3DT231 CD	2	Lắp đặt hệ thống điều hòa VRV(121)_03_TH/CDMDK CK45A1	18	18	TH	Võ ĐìnhHiệp	29/11-19/12/21	3			1,2,3,4	A4.106									CDMDKCK45 A1	CDCQ 45
							Võ ĐìnhHiệp							1,2,3,4	A4.106								CDCQ 45
							Võ ĐìnhHiệp									1,2,3,4	A4.106						CDCQ 45
							Võ ĐìnhHiệp											1,2,3,4	A4.106				CDCQ 45
15	3DT224 CD	4	Lắp đặt hệ thống lạnh cơ bản(121)_1	20	22	LT		06/12-09/01/22	5	1,2,3,4	A4.210												CDCQ 47
												1,2,3,4	A4.210										CDCQ 47
														1,2,3,4	A4.210								CDCQ 47
																1,2,3,4	A4.210						CDCQ 47
																		1,2,3,4	A4.210				CDCQ 47
																				1,2,3,4	A4.210		CDCQ 47
16	3DT224 CD	4	Lắp đặt hệ thống lạnh cơ bản(121)_2	20	21	LT		06/12-09/01/22	5	13,14,15,16	A4.210												CDCQ 47
												13,14,15,16	A4.210										CDCQ 47
														13,14,15,16	A4.210								CDCQ 47
																13,14,15,16	A4.210						CDCQ 47
																		13,14,15,16	A4.210				CDCQ 47
																				13,14,15,16	A4.210		CDCQ 47
17	3DT224 CD	4	Lắp đặt hệ thống lạnh cơ bản(121)_3	20	21	LT		06/12-09/01/22	5	7,8,9,10	A4.109												CDCQ 47
												7,8,9,10	A4.109										CDCQ 47
														7,8,9,10	A4.109								CDCQ 47
																7,8,9,10	A4.109						CDCQ 47
																		7,8,9,10	A4.109				CDCQ 47

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
																				7,8,9,10	A4.109		CDCQ 47
18	3DT227 CD	2	Lắp đặt hệ thống máy lạnh công nghiệp(121)_01_TH/CDMD KCK45A1	18	19	TH	Nguyễn Đình Thư	27/09-17/10/21	3	8,9,10,11	A4.210											CDMDKCK45 A1	CDCQ 45
							Nguyễn Đình Thư					8,9,10,11	A4.210										CDCQ 45
							Nguyễn Đình Thư							8,9,10,11	A4.210								CDCQ 45
							Nguyễn Đình Thư									8,9,10,11	A4.210						CDCQ 45
							Nguyễn Đình Thư											8,9,10,11	A4.210				CDCQ 45
19	3DT227 CD	2	Lắp đặt hệ thống máy lạnh công nghiệp(121)_02_TH/CDMD KCK45A1	18	15	TH	Võ ĐìnhHiệp	29/11-19/12/21	3	8,9,10,11	A4.210											CDMDKCK45 A1	CDCQ 45
							Võ ĐìnhHiệp					8,9,10,11	A4.210										CDCQ 45
							Võ ĐìnhHiệp							8,9,10,11	A4.210								CDCQ 45
							Võ ĐìnhHiệp									8,9,10,11	A4.210						CDCQ 45
							Võ ĐìnhHiệp											8,9,10,11	A4.210				CDCQ 45
20	3DT227 CD	2	Lắp đặt hệ thống máy lạnh công nghiệp(121)_03_TH/CDMD KCK45A1	18	17	TH	Nguyễn Đình Thư	08/11-28/11/21	3	8,9,10,11	A4.210											CDMDKCK45 A1	CDCQ 45
							Nguyễn Đình Thư					8,9,10,11	A4.210										CDCQ 45
							Nguyễn Đình Thư							8,9,10,11	A4.210								CDCQ 45
							Nguyễn Đình Thư									8,9,10,11	A4.210						CDCQ 45
							Nguyễn Đình Thư											8,9,10,11	A4.210				CDCQ 45
21	3DT226 CD	4	Lắp đặt hệ thống máy lạnh dân dụng và thương nghiệp(121)_01_TH	20	18	TH	Thái Đình Hoa	06/09-17/10/21	6							8,9,10,11	A4.110					CDMDKCK46 A2	CDCQ 46
							Thái Đình Hoa											8,9,10,11	A4.110				CDCQ 46
22	3DT226 CD	4	Lắp đặt hệ thống máy lạnh dân dụng và thương nghiệp(121)_02_TH	20	14	TH	Võ ĐìnhHiệp	18/10-28/11/21	6	8,9,10,11	A4.110											CDMDKCK46 A2	CDCQ 46
							Võ ĐìnhHiệp					8,9,10,11	A4.110										CDCQ 46
							Võ ĐìnhHiệp							8,9,10,11	A4.110								CDCQ 46

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
							Võ ĐìnhHiệp									8,9,10, 11	A4.110						CDCQ 46
							Võ ĐìnhHiệp											8,9,10, 11	A4.110				CDCQ 46
23	3DT226 CD	4	Lắp đặt hệ thống máy lạnh dân dụng và thương nghiệp(121)_03_TH	19	18	TH	Nguyễn Đình Thư	18/10-28/11/21	6	1,2,3,4	A4.110												CDCQ 46
							Nguyễn Đình Thư					1,2,3,4	A4.110										CDCQ 46
							Nguyễn Đình Thư							1,2,3,4	A4.110								CDCQ 46
							Nguyễn Đình Thư									1,2,3,4	A4.110						CDCQ 46
							Nguyễn Đình Thư											1,2,3,4	A4.110				CDCQ 46
							Nguyễn Đình Thư																CDCQ 46
24	3DT226 CD	4	Lắp đặt hệ thống máy lạnh dân dụng và thương nghiệp(121)_04_TH	19	17	TH	Võ VănĐức	06/09-17/10/21	6	1,2,3,4	A4.110												CDCQ 46
							Võ VănĐức					1,2,3,4	A4.110										CDCQ 46
							Võ VănĐức									1,2,3,4	A4.110						CDCQ 46
							Võ VănĐức											1,2,3,4	A4.110				CDCQ 46
1	3DT130 DH	2	Cơ sở lý thuyết truyền tin(121)_01/DHKTMC15 A1	31	25	LT	Lê Thị Ngọc Hà	09/08-28/11/21	16									10,11	A2.104			DHKTMC15 A1	DHCQ 15
2	3DT105 DH	2	Điện tử thông tin(121)_01	20	14	LT	Nguyễn Đăng Thông	09/08-28/11/21	16					9,10	A2.108							DHDTVCK15A 1	DHCQ 15
3	3DT101 DC	2	Điện tử tương tự và số(121)_01/DHDDTCK15A 1	60	50	LT	Lê Thị Ngọc Hà	09/08-28/11/21	16					3,4	A2.401							DHDDTCK15A 1	DHCQ 15
4	3DT101 DC	2	Điện tử tương tự và số(121)_02/DHDDTCK15A 2	60	55	LT	Lê Thị Ngọc Hà	09/08-28/11/21	16					1,2	A2.310							DHDDTCK15A 2	DHCQ 15
5	3DT101 DC	2	Điện tử tương tự và số(121)_03/DHTDHCK15A 1	45	40	LT	Lê Thị Ngọc Hà	09/08-28/11/21	16							7,8	A2.108					DHTDHCK15A 1	DHCQ 15
6	3DT101 DC	2	Điện tử tương tự và số(121)_04/DHTDHCK15A 3	40	32	LT	Lê Thị Ngọc Hà	09/08-28/11/21	16							9,10	A2.101					DHTDHCK15A 3	DHCQ 15
7	3DT101 DC	2	Điện tử tương tự và số(121)_05/DHDDTCK15A 3	60	55	LT	Lê Thị Ngọc Hà	09/08-28/11/21	16					9,10	A2.310							DHDDTCK15A 3	DHCQ 15

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
8	3DT101 DC	2	Điện tử tương tự và số(121)_06/DHTDHCK15A2	60	48	LT	Lê Thị Ngọc Hà	09/08-28/11/21	16			3,4	A2.104									DHTDHCK15A2	DHCQ15
9	3DT224 DH	7	Đồ án tốt nghiệp(121)_01_DA_16A	4	0	DA	Bùi Xuân Vinh	09/08-21/11/21	15	6												DHDTVCK13Z	DHCQ13
10	3DT108 DH	1	Đồ án Vi điều khiển(121)_01_DA/DHDTVCK15A1	18	16	DA	Bùi Xuân Vinh	09/08-28/11/21	16	12												DHDTVCK15A1	DHCQ15
11	3DT108 DH	1	Đồ án Vi điều khiển(121)_02_DA/DHKT MCK15A1	31	23	DA	Bùi Xuân Vinh	09/08-28/11/21	16			12										DHKT MCK15A1	DHCQ15
12	3DT101 CD	2	Giải tích mạch điện(121)_01	60	24	LT	Bùi Xuân Vinh	09/08-05/12/21	17									3,4	A3.310			DHDTVCK16A1	DHCQ16
13	3DN131 DH	2	Kỹ thuật điện, điện tử(121)_01/DHOTOCK15A1	50	49	LT	Bùi Xuân Vinh	09/08-28/11/21	16							9,10	A2.410 (QPMC)					DHOTOCK15A1	DHCQ15
14	3DN131 DH	2	Kỹ thuật điện, điện tử(121)_02	50	49	LT	Lê Thị Ngọc Hà	09/08-28/11/21	16					7,8	A2.204							DHOTOCK15A2	DHCQ15
15	3DN131 DH	2	Kỹ thuật điện, điện tử(121)_03	50	39	LT	Lê Thị Ngọc Hà	09/08-28/11/21	16	9,10	A2.209											DHOTOCK15A6	DHCQ15
16	3DN131 DH	2	Kỹ thuật điện, điện tử(121)_04	50	27	LT	Bùi Xuân Vinh	09/08-28/11/21	16							7,8	A2.410 (QPMC)					DHOTOCK15A8	DHCQ15
17	3DN131 DH	2	Kỹ thuật điện, điện tử(121)_06	55	49	LT	Bùi Xuân Vinh	09/08-28/11/21	16							3,4	A2.410 (QPMC)					DHOTOCK15A4	DHCQ15
18	3DN131 DH	2	Kỹ thuật điện, điện tử(121)_07	55	46	LT	Lê Thị Ngọc Hà	09/08-28/11/21	16									1,2	A2.108			DHOTOCK15A5	DHCQ15
19	3DN131 DH	2	Kỹ thuật điện, điện tử(121)_08	50	48	LT	Lê Thị Ngọc Hà	09/08-28/11/21	16	3,4	A2.106											DHOTOCK15A7	DHCQ15
20	3DN131 DH	2	Kỹ thuật điện, điện tử(121)_09	50	47	LT	Lê Văn Biên	09/08-28/11/21	16							7,8	A2.404					DHCTMCK15A1	DHCQ15
21	3DN131 DH	2	Kỹ thuật điện, điện tử(121)_10	50	42	LT	Lê Thị Ngọc Hà	09/08-28/11/21	16							3,4	A2.401					DHCTMCK15A2	DHCQ15
22	3DN131 DH	2	Kỹ thuật điện, điện tử(121)_11	50	51	LT	Lê Thị Ngọc Hà	09/08-28/11/21	16			9,10	A2.401									DHCTMCK15A3	DHCQ15
23	3DN131 DH	2	Kỹ thuật điện, điện tử(121)_12/DHKCKCK15A1	37	38	LT	Bùi Xuân Vinh	09/08-28/11/21	16					1,2	A2.309							DHKCKCK15A1	DHCQ15
24	3DN131 DH	2	Kỹ thuật điện, điện tử(121)_13/DHKCKCK15A2	38	37	LT	Nguyễn Đăng Thông	09/08-28/11/21	16					7,8	A2.309							DHKCKCK15A2	DHCQ15

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
25	3DT112 DH	2	Kỹ thuật truyền số liệu và mạng(121)_01/DHDTVCK15A1	49	39	LT	Nguyễn Minh Quân	09/08-28/11/21	16			9,10	A2.209									Ghép: DHDTVCK15A1 + DHKTMCK15A1	DHCQ 15
26	3DT230 DH	2	Kỹ thuật truyền tin(121)_01_TH	17	12	TH	Lê VănBiên	18/10-07/11/21	3	1,2,3,4	A4.309											DHKTMCK15A1	DHCQ 15
							Lê VănBiên					1,2,3,4	A4.309										DHCQ 15
							Lê VănBiên							1,2,3,4	A4.309								DHCQ 15
							Lê VănBiên									1,2,3,4	A4.309						DHCQ 15
							Lê VănBiên											1,2,3,4	A4.309				DHCQ 15
27	3DT230 DH	2	Kỹ thuật truyền tin(121)_02_TH	17	13	TH	Lê VănBiên	08/11-28/11/21	3	1,2,3,4	A4.309											DHKTMCK15A1	DHCQ 15
							Lê VănBiên					1,2,3,4	A4.309										DHCQ 15
							Lê VănBiên							1,2,3,4	A4.309								DHCQ 15
							Lê VănBiên									1,2,3,4	A4.309						DHCQ 15
							Lê VănBiên											1,2,3,4	A4.309				DHCQ 15
28	3DT216 CD	2	Lắp đặt thiết bị thu phát vô tuyến(121)_01_TH	4	5	TH		11/10-23/10/21	2	8,9,10,11												DHDTVCK13Z	DHCQ 13
												8,9,10,11											DHCQ 13
													8,9,10,11										DHCQ 13
															8,9,10,11								DHCQ 13
																	8,9,10,11						DHCQ 13
																							DHCQ 13
							Nguyễn Đình Thư	24/10-30/10/21	1														DHCQ 13
								06/12-19/12/21	2	7,8,9,10	A4.306												DHCQ 16
												7,8,9,10	A4.306										DHCQ 16
														7,8,9,10	A4.306								DHCQ 16
																7,8,9,10	A4.306						DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
29	3DT201 CD	2	Lắp mạch điện tử cơ bản(121)_1	22	20	LT												7,8,9,10	A4.306				DHCQ 16
																				7,8,9,10	A4.306		DHCQ 16
								20/12-26/12/21	1	7,8,9,10	A4.306												DHCQ 16
												7,8,9,10	A4.306										DHCQ 16
														7,8,9,10	A4.306								DHCQ 16
30	3DT201 CD	2	Lắp mạch điện tử cơ bản(121)_2	22	23	LT		06/12-19/12/21	2	1,2,3,4	A4.306												DHCQ 16
												1,2,3,4	A4.306										DHCQ 16
														1,2,3,4	A4.306								DHCQ 16
																1,2,3,4	A4.306						DHCQ 16
																		1,2,3,4	A4.306				DHCQ 16
								20/12-26/12/21	1											1,2,3,4	A4.306		DHCQ 16
																							DHCQ 16
										1,2,3,4	A4.306												DHCQ 16
												1,2,3,4	A4.306										DHCQ 16
														1,2,3,4	A4.306								DHCQ 16
31	3DT201 CD	2	Lắp mạch điện tử cơ bản(121)_3	22	23	LT		20/12-26/12/21	1							7,8,9,10	A4.107						DHCQ 16
																		7,8,9,10	A4.107				DHCQ 16
																				7,8,9,10	A4.107		DHCQ 16
								27/12-09/01/22	2	7,8,9,10	A4.107												DHCQ 16
												7,8,9,10	A4.107										DHCQ 16
														7,8,9,10	A4.107								DHCQ 16
																7,8,9,10	A4.107						DHCQ 16
																		7,8,9,10	A4.107				DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
																				7,8,9,10	A4.107		DHCQ 16
32	3DT201 CD	2	Lắp mạch điện tử cơ bản(121)_4	22	24	LT		20/12-26/12/21	1							7,8,9,10	A4.108						DHCQ 16
																		7,8,9,10	A4.108				DHCQ 16
																				7,8,9,10	A4.108		DHCQ 16
								27/12-09/01/22	2	7,8,9,10	A4.108												DHCQ 16
												7,8,9,10	A4.108										DHCQ 16
														7,8,9,10	A4.108								DHCQ 16
																							DHCQ 16
																7,8,9,10	A4.108						DHCQ 16
																				7,8,9,10	A4.108		DHCQ 16
																							DHCQ 16
																							DHCQ 16
33	3DT201 CD	2	Lắp mạch điện tử cơ bản(121)_5	22	23	LT		20/12-26/12/21	1							1,2,3,4	DIEN. TU.12						DHCQ 16
																		1,2,3,4	DIEN. TU.12				DHCQ 16
																				1,2,3,4	DIEN. TU.12		DHCQ 16
								27/12-09/01/22	2	1,2,3,4	DIEN. TU.12												DHCQ 16
												1,2,3,4	DIEN. TU.12										DHCQ 16
														1,2,3,4	DIEN. TU.12								DHCQ 16
																1,2,3,4	DIEN. TU.12						DHCQ 16
																	1,2,3,4	DIEN. TU.12					DHCQ 16
																		1,2,3,4	DIEN. TU.12				DHCQ 16
																				1,2,3,4	DIEN. TU.12		DHCQ 16
																					1,2,3,4	DIEN. TU.12	DHCQ 16
34	3DT209 CD	2	Lắp mạch điện tử công suất(121)_01_TH/DHDTVCK15A1	18	15	TH	Lê TiếnHiếu	18/10-07/11/21	3	1,2,3,4	A4.308											DHDTVCK15A1	DHCQ 15
							Lê TiếnHiếu					1,2,3,4	A4.308										DHCQ 15
							Lê TiếnHiếu							1,2,3,4	A4.308								DHCQ 15

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
							Lê TiếnHiếu									1,2,3,4	A4.308						DHCQ 15
							Lê TiếnHiếu											1,2,3,4	A4.308				DHCQ 15
35	3DT206 CD	2	Lập trình vi điều khiển cơ bản.(121)_01_TH	22	20	TH	Nguyễn Minh Quân	06/09-26/09/21	3	1,2,3,4	A4.308												DHCQ 15
							Nguyễn Minh Quân					1,2,3,4	A4.308										DHCQ 15
							Nguyễn Minh Quân							1,2,3,4	A4.308								DHCQ 15
							Nguyễn Minh Quân									1,2,3,4	A4.308						DHCQ 15
							Nguyễn Minh Quân											1,2,3,4	A4.308				DHCQ 15
							Nguyễn Minh Quân																DHCQ 15
36	3DT206 CD	2	Lập trình vi điều khiển cơ bản.(121)_02_TH	22	20	TH	Nguyễn Minh Quân	27/09-17/10/21	3	1,2,3,4	A4.309												DHCQ 15
							Nguyễn Minh Quân					1,2,3,4	A4.309										DHCQ 15
							Nguyễn Minh Quân							1,2,3,4	A4.309								DHCQ 15
							Nguyễn Minh Quân									1,2,3,4	A4.309						DHCQ 15
							Nguyễn Minh Quân											1,2,3,4	A4.309				DHCQ 15
							Nguyễn Minh Quân																DHCQ 15
37	3DT121 DH	2	Thông tin số(121)_01	4	5	LT		09/08-21/11/21	15							4,5	A2.306						DHCQ 13
38	3DT225 DH	7	Tiểu luận tốt nghiệp(121)_01_DA_115	4	4	DA	Bùi Xuân Vinh	09/08-21/11/21	15					6									DHCQ 13
39	3DT218 CD	2	Vận hành mạng truyền dẫn(121)_01_TH	4	5	TH	Nguyễn Đăng Thông	27/09-17/10/21	3														DHCQ 13
40	3DT106 DH	3	Vi điều khiển(121)_01/DHDTVCK15A1	49	39	LT	Nguyễn Minh Quân	09/08-28/11/21	16									7,8,9	A2.108			Ghép: DHDTVCK15A1 + DHKTMCK15A1	DHCQ 15
41	3DT111 DH	2	Xử lý số tín hiệu(121)_01/DHDTVCK15A1	49	41	LT	Lê Thị Ngọc Hà	09/08-28/11/21	16			7,8	A2.209									Ghép: DHDTVCK15A1 + DHKTMCK15A1	DHCQ 15
1	3DN104 CD	2	Cơ sở điều khiển tự động(121)_01	15	14	LT	Bùi ThanhHòa	09/08-17/10/21	10									8,9,10	A2.210			CDTDHCK46A1	CDCQ 46
2	3DN103 CD	2	Cung cấp điện(121)_01	45	39	LT	Võ Tiến Trung	09/08-17/10/21	10	1,2,3	A2.402											CDDCNCK46A1	CDCQ 46

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
3	3DN103 CD	2	Cung cấp điện(121)_02	29	29	LT	Võ Tiến Trung	09/08-17/10/21	10					7,8,9	A2.402							CDDDTCK46A1	CDCQ 46
4	3DN213 CD	2	Kết nối mạng truyền thông công nghiệp(121)_01/CDTDHCK 45A1	15	13	TH	Nguyễn VănĐộ	08/11-28/11/21	3	8,9,10, 11	A3-107											CDTDHCK45A1	CDCQ 45
							Nguyễn VănĐộ					8,9,10, 11	A3-107										CDCQ 45
							Nguyễn VănĐộ							8,9,10, 11	A3-107								CDCQ 45
							Nguyễn VănĐộ									8,9,10, 11	A3-107						CDCQ 45
							Nguyễn VănĐộ											8,9,10, 11	A3-107				CDCQ 45
5	3DN208 CD	2	Lắp đặt hệ thống cung cấp điện(121)_01	18	24	TH	Hoàng Nghĩa Thắng	29/11-19/12/21	3	7,8,9,1 0	A4-101											CDDDTCK45A1	CDCQ 45
							Hoàng Nghĩa Thắng					7,8,9,1 0	A4-101										CDCQ 45
							Hoàng Nghĩa Thắng							7,8,9,1 0	A4-101								CDCQ 45
							Hoàng Nghĩa Thắng									7,8,9,1 0	A4-101						CDCQ 45
							Hoàng Nghĩa Thắng											7,8,9,1 0	A4-101				CDCQ 45
6	3DN212 CD	2	Lắp đặt mạch điện bảo vệ rơ le(121)_01	18	22	TH	Nguyễn Thị Thanh Ngân	08/11-28/11/21	3	7,8,9,1 0	A3-109											CDDDTCK45A1	CDCQ 45
							Nguyễn Thị Thanh Ngân					7,8,9,1 0	A3-109										CDCQ 45
							Nguyễn Thị Thanh Ngân							7,8,9,1 0	A3-109								CDCQ 45
							Nguyễn Thị Thanh Ngân									7,8,9,1 0	A3-109						CDCQ 45
							Nguyễn Thị Thanh Ngân											7,8,9,1 0	A3-109				CDCQ 45
7	3DN207 CD	2	Lắp đặt mạch điện các bộ biến đổi điện năng(121)_01	18	25	LT	Lê TiếnHiếu	18/10-07/11/21	3	8,9,10, 11	A4-209											CDDDTCK45A1	CDCQ 45
							Lê TiếnHiếu					8,9,10, 11	A4-209										CDCQ 45
							Lê TiếnHiếu							8,9,10, 11	A4-209								CDCQ 45
							Lê TiếnHiếu									8,9,10, 11	A4-209						CDCQ 45
							Lê TiếnHiếu											8,9,10, 11	A4-209				CDCQ 45

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
8	3DN207 CD	2	Lắp đặt mạch điện các bộ biến đổi điện năng(121)_05_TH	21	24	TH	Nguyễn Đăng Thông	18/10-07/11/21	3	1,2,3,4	A4-306											CDDCNCK45A 1	CDCQ 45
							Nguyễn Đăng Thông					1,2,3,4	A4-306										CDCQ 45
							Nguyễn Đăng Thông							1,2,3,4	A4-306								CDCQ 45
							Nguyễn Đăng Thông									1,2,3,4	A4-306						CDCQ 45
							Nguyễn Đăng Thông											1,2,3,4	A4-306				CDCQ 45
9	3DN207 CD	2	Lắp đặt mạch điện các bộ biến đổi điện năng(121)_06_TH	21	24	TH	Nguyễn Đăng Thông	29/11-19/12/21	3	1,2,3,4	A4-209											CDDCNCK45A 1	CDCQ 45
							Nguyễn Đăng Thông					1,2,3,4	A4-209										CDCQ 45
							Nguyễn Đăng Thông							1,2,3,4	A4-209								CDCQ 45
							Nguyễn Đăng Thông									1,2,3,4	A4-209						CDCQ 45
							Nguyễn Đăng Thông											1,2,3,4	A4-209				CDCQ 45
10	3DN207 CD	2	Lắp đặt mạch điện các bộ biến đổi điện năng(121)_07_TH	21	25	TH	Lê TiếnHiếu	20/12-09/01/22	3	1,2,3,4	A4-209											CDDCNCK45A 1	CDCQ 45
							Lê TiếnHiếu					1,2,3,4	A4-209										CDCQ 45
							Lê TiếnHiếu							1,2,3,4	A4-209								CDCQ 45
							Lê TiếnHiếu									1,2,3,4	A4-209						CDCQ 45
							Lê TiếnHiếu											1,2,3,4	A4-209				CDCQ 45
11	3DN203 CD	2	Lắp đặt mạch điện điều khiển động cơ điện dùng rơ le, công tắc tơ(121)_17_TH	21	21	TH	Nguyễn Thanh Long	29/11-19/12/21	3	1,2,3,4	A4-102											CDDCNCK46A 1	CDCQ 46
							Nguyễn Thanh Long					1,2,3,4	A4-102										CDCQ 46
							Nguyễn Thanh Long							1,2,3,4	A4-102								CDCQ 46
							Nguyễn Thanh Long									1,2,3,4	A4-102						CDCQ 46
							Nguyễn Thanh Long											1,2,3,4	A4-102				CDCQ 46
							Nguyễn Văn Minh			1,2,3,4	A4-103												CDCQ 46

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
12	3DN203 CD	2	Lắp đặt mạch điện điều khiển động cơ điện dùng rơ le, công tắc tơ(121)_18_TH	21	19	TH	Nguyễn Văn Minh	29/11-19/12/21	3			1,2,3,4	A4-103									CDDCNCK46A1	CDCQ 46
							Nguyễn Văn Minh							1,2,3,4	A4-103								CDCQ 46
							Nguyễn Văn Minh									1,2,3,4	A4-103						CDCQ 46
							Nguyễn Văn Minh											1,2,3,4	A4-103				CDCQ 46
13	3DN203 CD	2	Lắp đặt mạch điện điều khiển động cơ điện dùng rơ le, công tắc tơ(121)_19_TH	21	21	TH	Hà Quốc Tuấn	29/11-19/12/21	3	8,9,10,11	A4-102											CDDCNCK46A1	CDCQ 46
							Hà Quốc Tuấn					8,9,10,11	A4-102										CDCQ 46
							Hà Quốc Tuấn							8,9,10,11	A4-102								CDCQ 46
							Hà Quốc Tuấn									8,9,10,11	A4-102						CDCQ 46
							Hà Quốc Tuấn											8,9,10,11	A4-102				CDCQ 46
14	3DN203 CD	2	Lắp đặt mạch điện điều khiển động cơ điện dùng rơ le, công tắc tơ(121)_20_TH	21	21	TH	Nguyễn Thanh Long	29/11-19/12/21	3	8,9,10,11	A4-103											CDDCNCK46A1	CDCQ 46
							Nguyễn Thanh Long					8,9,10,11	A4-103										CDCQ 46
							Nguyễn Thanh Long							8,9,10,11	A4-103								CDCQ 46
							Nguyễn Thanh Long									8,9,10,11	A4-103						CDCQ 46
							Nguyễn Thanh Long											8,9,10,11	A4-103				CDCQ 46
15	3DN209 CD	2	Lắp đặt mạch điện điều khiển hệ thống bù và chuyển đổi nguồn trong cung cấp điện(121)_01	18	20	TH	Hoàng Nghĩa Thắng	20/12-09/01/22	3	7,8,9,10	A4-101											CDDDTCK45A1	CDCQ 45
							Hoàng Nghĩa Thắng					7,8,9,10	A4-101										CDCQ 45
							Hoàng Nghĩa Thắng							7,8,9,10	A4-101								CDCQ 45
							Hoàng Nghĩa Thắng									7,8,9,10	A4-101						CDCQ 45
							Hoàng Nghĩa Thắng											7,8,9,10	A4-101				CDCQ 45
							Nguyễn Trường Phúc			1,2,3,4	A3-207												CDCQ 45
							Nguyễn Trường Phúc					1,2,3,4	A3-207										CDCQ 45

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
16	3DN224 CD	2	Lắp đặt mạch điện khí nén và thủy lực(121)_01_TH	21	24	TH	Nguyễn Trường Phúc	18/10-07/11/21	3					1,2,3,4	A3-207							CDDCNCK45A1	CDCQ 45
							Nguyễn Trường Phúc									1,2,3,4	A3-207						CDCQ 45
							Nguyễn Trường Phúc											1,2,3,4	A3-207				CDCQ 45
17	3DN224 CD	2	Lắp đặt mạch điện khí nén và thủy lực(121)_02_TH	21	23	TH	Nguyễn Trường Phúc	08/11-28/11/21	3	1,2,3,4	A3-207											CDDCNCK45A1	CDCQ 45
							Nguyễn Trường Phúc					1,2,3,4	A3-207										CDCQ 45
							Nguyễn Trường Phúc							1,2,3,4	A3-207								CDCQ 45
							Nguyễn Trường Phúc									1,2,3,4	A3-207						CDCQ 45
							Nguyễn Trường Phúc											1,2,3,4	A3-207				CDCQ 45
18	3DN224 CD	2	Lắp đặt mạch điện khí nén và thủy lực(121)_03_TH	21	11	TH	Nguyễn Trường Phúc	29/11-19/12/21	3	1,2,3,4	A3-207											CDDCNCK45A1	CDCQ 45
							Nguyễn Trường Phúc					1,2,3,4	A3-207										CDCQ 45
							Nguyễn Trường Phúc							1,2,3,4	A3-207								CDCQ 45
							Nguyễn Trường Phúc									1,2,3,4	A3-207						CDCQ 45
							Nguyễn Trường Phúc											1,2,3,4	A3-207				CDCQ 45
19	3DN204 CD	2	Lắp đặt mạng điện chiếu sáng(121)_01_TH	18	18	TH	Hoàng Nghĩa Thắng	08/11-28/11/21	3	8,9,10, 11	A4-203											CDDCNCK46A1	CDCQ 46
							Hoàng Nghĩa Thắng					8,9,10, 11	A4-203										CDCQ 46
							Hoàng Nghĩa Thắng							8,9,10, 11	A4-203								CDCQ 46
							Hoàng Nghĩa Thắng									8,9,10, 11	A4-203						CDCQ 46
							Hoàng Nghĩa Thắng											8,9,10, 11	A4-203				CDCQ 46
20	3DN204 CD	2	Lắp đặt mạng điện chiếu sáng(121)_02_TH	18	20	TH	Trần Nguyễn Bảo Ninh	08/11-28/11/21	3	8,9,10, 11	A4-202											CDDCNCK46A1	CDCQ 46
							Trần Nguyễn Bảo Ninh					8,9,10, 11	A4-202										CDCQ 46
							Trần Nguyễn Bảo Ninh							8,9,10, 11	A4-202								CDCQ 46

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
							Trần Nguyễn Bảo Ninh									8,9,10, 11	A4-202						CDCQ 46
							Trần Nguyễn Bảo Ninh											8,9,10, 11	A4-202				CDCQ 46
21	3DN204 CD	2	Lắp đặt mạng điện chiếu sáng(121)_03_TH	18	19	TH	Trần Nguyễn Bảo Ninh	08/11-28/11/21	3	1,2,3,4	A4-202												CDCQ 46
							Trần Nguyễn Bảo Ninh					1,2,3,4	A4-202										CDCQ 46
							Trần Nguyễn Bảo Ninh							1,2,3,4	A4-202								CDCQ 46
							Trần Nguyễn Bảo Ninh									1,2,3,4	A4-202						CDCQ 46
							Trần Nguyễn Bảo Ninh											1,2,3,4	A4-202				CDCQ 46
							Trần Nguyễn Bảo Ninh																CDCQ 46
22	3DN204 CD	2	Lắp đặt mạng điện chiếu sáng(121)_04_TH	18	21	TH	Nguyễn Văn Minh	08/11-28/11/21	3	1,2,3,4	A4-203												CDCQ 46
							Nguyễn Văn Minh					1,2,3,4	A4-203										CDCQ 46
							Nguyễn Văn Minh							1,2,3,4	A4-203								CDCQ 46
							Nguyễn Văn Minh									1,2,3,4	A4-203						CDCQ 46
							Nguyễn Văn Minh											1,2,3,4	A4-203				CDCQ 46
							Nguyễn Văn Minh																CDCQ 46
23	3DN211 CD	2	Lắp đặt thiết bị tự động hóa(121)_01/CDTDHCK45 A1	15	13	TH	Bùi Trung Tuyển	29/11-19/12/21	3	1,2,3,4	A3-112												CDCQ 45
							Bùi Trung Tuyển					1,2,3,4	A3-112										CDCQ 45
							Bùi Trung Tuyển							1,2,3,4	A3-112								CDCQ 45
							Bùi Trung Tuyển									1,2,3,4	A3-112						CDCQ 45
							Bùi Trung Tuyển											1,2,3,4	A3-112				CDCQ 45
							Bùi Trung Tuyển																CDCQ 45
24	3DN205 CD	2	Lập trình PLC cơ bản(121)_01	18	19	TH	Nguyễn Thanh Long	06/09-26/09/21	3	8,9,10, 11	A3-108												CDCQ 45
							Nguyễn Thanh Long					8,9,10, 11	A3-108										CDCQ 45
							Nguyễn Thanh Long							8,9,10, 11	A3-108								CDCQ 45
							Nguyễn Thanh Long									8,9,10, 11	A3-108						CDCQ 45

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
							Nguyễn Thanh Long											8,9,10,11	A3-108				CDCQ 45
25	3DN205 CD	2	Lập trình PLC cơ bản(121)_05_TH	21	22	TH	Nguyễn Khắc Tuấn	30/08-05/09/21	1	1,2,3,4	A3-108												CDCQ 45
							Nguyễn Khắc Tuấn					1,2,3,4	A3-108										CDCQ 45
							Nguyễn Khắc Tuấn							1,2,3,4	A3-108								CDCQ 45
							Nguyễn Khắc Tuấn									1,2,3,4	A3-108						CDCQ 45
							Nguyễn Khắc Tuấn											1,2,3,4	A3-108				CDCQ 45
							Nguyễn Khắc Tuấn																CDCQ 45
								04/10-09/10/21	1	1,2,3,4													CDCQ 45
												1,2,3,4											CDCQ 45
														1,2,3,4									CDCQ 45
																1,2,3,4							CDCQ 45
																		1,2,3,4					CDCQ 45
																				1,2,3,4			CDCQ 45
								11/10-13/10/21	1											1,2,3,4			CDCQ 45
										1,2,3,4													CDCQ 45
												1,2,3,4											CDCQ 45
																							CDCQ 45
																							CDCQ 45
																							CDCQ 45
26	3DN205 CD	2	Lập trình PLC cơ bản(121)_06_TH	21	23	TH	Nguyễn Khắc Tuấn	27/09-17/10/21	3	1,2,3,4	A3-108												CDCQ 45
							Nguyễn Khắc Tuấn					1,2,3,4	A3-108										CDCQ 45
							Nguyễn Khắc Tuấn							1,2,3,4	A3-108								CDCQ 45
							Nguyễn Khắc Tuấn									1,2,3,4	A3-108						CDCQ 45
							Nguyễn Khắc Tuấn											1,2,3,4	A3-108				CDCQ 45
							Nguyễn Khắc Tuấn			1,2,3,4	A3-108												CDCQ 45

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
27	3DN205 CD	2	Lập trình PLC cơ bản(121)_07_TH	21	20	TH	Nguyễn Khắc Tuấn	06/09-26/09/21	3			1,2,3,4	A3-108									CDDCNCK45A1	CDCQ 45
							Nguyễn Khắc Tuấn							1,2,3,4	A3-108								CDCQ 45
							Nguyễn Khắc Tuấn									1,2,3,4	A3-108						CDCQ 45
							Nguyễn Khắc Tuấn											1,2,3,4	A3-108				CDCQ 45
28	3DN205 CD	2	Lập trình PLC cơ bản(121)_08_TH/CDKCKC K45A1	16	20	TH	Ngô Thị Lê	27/09-17/10/21	3	7,8,9,10	A3-110											CDKCKCK45A1	CDCQ 45
							Ngô Thị Lê					7,8,9,10	A3-110										CDCQ 45
							Ngô Thị Lê							7,8,9,10	A3-110								CDCQ 45
							Ngô Thị Lê									7,8,9,10	A3-110						CDCQ 45
							Ngô Thị Lê											7,8,9,10	A3-110				CDCQ 45
29	3DN217 CD	2	Lập trình PLC nâng cao(121)_01_TH	18	19	TH	Thái Hữu Nguyên	08/11-28/11/21	3	1,2,3,4	A3-107											CDDCNCK45A1	CDCQ 45
							Thái Hữu Nguyên					1,2,3,4	A3-107										CDCQ 45
							Thái Hữu Nguyên							1,2,3,4	A3-107								CDCQ 45
							Thái Hữu Nguyên									1,2,3,4	A3-107						CDCQ 45
							Thái Hữu Nguyên											1,2,3,4	A3-107				CDCQ 45
30	3DN217 CD	2	Lập trình PLC nâng cao(121)_02_TH	18	22	TH	Thái Hữu Nguyên	29/11-19/12/21	3	1,2,3,4	A3-107											CDDCNCK45A1	CDCQ 45
							Thái Hữu Nguyên					1,2,3,4	A3-107										CDCQ 45
							Thái Hữu Nguyên							1,2,3,4	A3-107								CDCQ 45
							Thái Hữu Nguyên									1,2,3,4	A3-107						CDCQ 45
							Thái Hữu Nguyên											1,2,3,4	A3-107				CDCQ 45
							Thái Hữu Nguyên			1,2,3,4	A3-107												CDCQ 45
							Thái Hữu Nguyên					1,2,3,4	A3-107										CDCQ 45

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
31	3DN217 CD	2	Lập trình PLC nâng cao(121)_03_TH	18	22	TH	Thái Hữu Nguyên	20/12-09/01/22	3					1,2,3,4	A3-107							CDDCNCK45A1	CDCQ 45
							Thái Hữu Nguyên									1,2,3,4	A3-107						CDCQ 45
							Thái Hữu Nguyên											1,2,3,4	A3-107				CDCQ 45
32	3DN206 CD	2	Lập trình vi điều khiển(121)_01	15	15	LT	Nguyễn Minh Quân	08/11-28/11/21	3	8,9,10,11	A3-211												CDCQ 46
												8,9,10,11	A3-211										CDCQ 46
							Nguyễn Minh Quân							8,9,10,11	A3-211								CDCQ 46
							Nguyễn Minh Quân									8,9,10,11	A3-211						CDCQ 46
																		8,9,10,11	A3-211				CDCQ 46
33	3DN214 CD	2	Sửa chữa mạch điện máy công nghiệp(121)_01_TH	18	21	TH	Nguyễn Thanh Long	27/09-17/10/21	3													CDDCNCK45A1	CDCQ 45
34	3DN214 CD	2	Sửa chữa mạch điện máy công nghiệp(121)_02_TH	18	21	TH	Nguyễn Thanh Long	18/10-07/11/21	3	1,2,3,4	A4-201												CDCQ 45
							Nguyễn Thanh Long					1,2,3,4	A4-201										CDCQ 45
							Nguyễn Thanh Long							1,2,3,4	A4-201								CDCQ 45
							Nguyễn Thanh Long									1,2,3,4	A4-201						CDCQ 45
							Nguyễn Thanh Long											1,2,3,4	A4-201				CDCQ 45
35	3DN214 CD	2	Sửa chữa mạch điện máy công nghiệp(121)_03_TH	18	20	TH	Trần Nguyễn Bảo Ninh	06/09-26/09/21	3	1,2,3,4	A4-201												CDCQ 45
							Trần Nguyễn Bảo Ninh					1,2,3,4	A4-201										CDCQ 45
							Trần Nguyễn Bảo Ninh							1,2,3,4	A4-201								CDCQ 45
							Trần Nguyễn Bảo Ninh									1,2,3,4	A4-201						CDCQ 45
							Trần Nguyễn Bảo Ninh											1,2,3,4	A4-201				CDCQ 45
							Phan Sỹ Phương			7,8,9,10	A4-202												CDCQ 45
							Phan Sỹ Phương					7,8,9,10	A4-202										CDCQ 45

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
36	3DN220 CD	2	Sửa chữa thiết bị điện hạ áp(121)_01_TH/CDMDKC K45A1	18	20	TH	Phan Sỹ Phương	18/10-07/11/21	3					7,8,9,10	A4-202							CDMDKCK45 A1	CDCQ 45
							Phan Sỹ Phương									7,8,9,10	A4-202						CDCQ 45
							Phan Sỹ Phương											7,8,9,10	A4-202				CDCQ 45
							Hà Quốc Tuấn			7,8,9,10	A4-202												CDCQ 45
							Hà Quốc Tuấn					7,8,9,10	A4-202										CDCQ 45
							Hà Quốc Tuấn							7,8,9,10	A4-202								CDCQ 45
							Hà Quốc Tuấn									7,8,9,10	A4-202						CDCQ 45
							Hà Quốc Tuấn											7,8,9,10	A4-202				CDCQ 45
							Nguyễn Trường Phúc			1,2,3,4	A4-202												CDCQ 45
							Nguyễn Trường Phúc					1,2,3,4	A4-202										CDCQ 45
							Nguyễn Trường Phúc							1,2,3,4	A4-202								CDCQ 45
							Nguyễn Trường Phúc									1,2,3,4	A4-202						CDCQ 45
							Nguyễn Trường Phúc											1,2,3,4	A4-202				CDCQ 45
1	3DN106 DH	2	Cơ sở truyền động điện (+ Bài tập dài)(121)_01/DHTDHCK14 A2	40	36	LT	Nguyễn Minh Thư	09/08-28/11/21	16			8,9	A2.107									DHTDHCK14A 2	DHCQ 14
2	3DN106 DH	2	Cơ sở truyền động điện (+ Bài tập dài)(121)_02/DHTDHCK14 A1	40	46	LT	Nguyễn Minh Thư	09/08-28/11/21	16					2,3	A2.107							DHTDHCK14A 1	DHCQ 14
3	3DN106 DH	2	Cơ sở truyền động điện (+ Bài tập dài)(121)_03/DHDDTCK14 (DCN)	55	56	LT	Nguyễn Minh Thư	09/08-28/11/21	16									2,3	A2.107			DHDDTCK14(DCN)	DHCQ 14
4	3DN106 DH	2	Cơ sở truyền động điện (+ Bài tập dài)(121)_04/DHDDTCK14 (HTD)	55	55	LT	Nguyễn Minh Thư	09/08-28/11/21	16									8,9	A2.107			DHDDTCK14(HTD)	DHCQ 14
										1,2,3	A2.405												DHCQ 12

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
5	2DN029 DC	3	Điều khiển quá trình(121)_1	10	6	LT		11/10-14/11/21	5											8,9,10	A2.405		DHCQ 12
																				1,2,3	A2.405		DHCQ 12
6	3DN220 DH	1	Đồ án Cung cấp điện(121)_01_DA/DHDDT CK14(DCN)	60	60	DA		09/08-28/11/21	16					6								DHDDTCK14(DCN)	DHCQ 14
7	3DN220 DH	1	Đồ án Cung cấp điện(121)_02_DA/DHDDT CK14(HTD)	55	56	DA		09/08-28/11/21	16					12								DHDDTCK14(HTD)	DHCQ 14
8	3DN221 DH	1	Đồ án thiết kế hệ thống truyền động điện(121)_01_DA1/DHTDH CK14A2	40	45	DA		09/08-28/11/21	16							12						DHTDHCK14A2	DHCQ 14
9	3DN221 DH	1	Đồ án thiết kế hệ thống truyền động điện(121)_01_DA2/DHTDH CK14A1	40	46	DA		09/08-28/11/21	16	5												DHTDHCK14A1	DHCQ 14
10	3DN230 DH	7	Đồ án tốt nghiệp(121)_01_DA	15	15	DA		09/08-26/09/21	7	6												DHTDHCK13B	DHCQ 13
11	3DN229 DH	7	Đồ án tốt nghiệp(121)_01_DA_124	6	6	DA		09/08-26/09/21	7	12												DHDDTCK13Z(HTD)	DHCQ 13
12	3DN229 DH	7	Đồ án tốt nghiệp(121)_02_DA_1E2	7	7	DA		09/08-26/09/21	7	6												DHDDTCK13Z(DCN)	DHCQ 13
13	3DN230 DH	7	Đồ án tốt nghiệp(121)_02_DA_1E8	14	14	DA		09/08-26/09/21	7	12												DHTDHCK13A	DHCQ 13
14	3DN138 DH	2	Hệ thống sản xuất Tự động hóa tích hợp máy tính(121)_01	44	40	LT	Trần Duy Trinh	09/08-17/10/21	10					1,2,3	A2.210							DHTDHCK13B	DHCQ 13
15	3DN138 DH	2	Hệ thống sản xuất Tự động hóa tích hợp máy tính(121)_02	42	41	LT	Trần Duy Trinh	09/08-17/10/21	10			10,11,12	A2.210									DHTDHCK13A	DHCQ 13
16	3DN213 CD	2	Kết nối mạng truyền thông công nghiệp(121)_01_TH/DHDDTCK14(HTD)	18	21	TH	Phạm VănTuấn	06/09-26/09/21	3	1,2,3,4	A3-107											DHDDTCK14(HTD)	DHCQ 14
							Phạm VănTuấn					1,2,3,4	A3-107										DHCQ 14
							Phạm VănTuấn							1,2,3,4	A3-107								DHCQ 14
							Phạm VănTuấn									1,2,3,4	A3-107						DHCQ 14
							Phạm VănTuấn											1,2,3,4	A3-107				DHCQ 14
							Phạm VănTuấn			1,2,3,4	A3-107												DHCQ 14

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
17	3DN213 CD	2	Kết nối mạng truyền thông công nghiệp(121)_02_TH/DHDD TCK14(HTD)	18	20	TH	Phạm VănTuấn	27/09-17/10/21	3			1,2,3,4	A3-107									DHDDTCK14(HTD)	DHCQ 14
							Phạm VănTuấn							1,2,3,4	A3-107								DHCQ 14
							Phạm VănTuấn									1,2,3,4	A3-107						DHCQ 14
							Phạm VănTuấn											1,2,3,4	A3-107				DHCQ 14
18	3DN213 CD	2	Kết nối mạng truyền thông công nghiệp(121)_03_TH/DHDD TCK14(HTD)	18	20	TH	Phạm VănTuấn	18/10-07/11/21	3	1,2,3,4	A3-107											DHDDTCK14(HTD)	DHCQ 14
							Phạm VănTuấn					1,2,3,4	A3-107										DHCQ 14
							Phạm VănTuấn							1,2,3,4	A3-107								DHCQ 14
							Phạm VănTuấn									1,2,3,4	A3-107						DHCQ 14
							Phạm VănTuấn											1,2,3,4	A3-107				DHCQ 14
19	3DN213 CD	2	Kết nối mạng truyền thông công nghiệp(121)_04_TH/DHDD TCK14(DCN)	19	20	TH	Ngô ThịLê	06/09-26/09/21	3	8,9,10, 11	A3-107											DHDDTCK14(DCN)	DHCQ 14
							Ngô ThịLê					8,9,10, 11	A3-107										DHCQ 14
							Ngô ThịLê							8,9,10, 11	A3-107								DHCQ 14
							Ngô ThịLê									8,9,10, 11	A3-107						DHCQ 14
							Ngô ThịLê											8,9,10, 11	A3-107				DHCQ 14
20	3DN213 CD	2	Kết nối mạng truyền thông công nghiệp(121)_05_TH/DHDD TCK14(DCN)	19	20	TH	Nguyễn VănĐộ	27/09-17/10/21	3													DHDDTCK14(DCN)	DHCQ 14
21	3DN213 CD	2	Kết nối mạng truyền thông công nghiệp(121)_06_TH/DHDD TCK14(DCN)	19	21	TH	Nguyễn VănĐộ	18/10-07/11/21	3	8,9,10, 11	A3-107											DHDDTCK14(DCN)	DHCQ 14
							Nguyễn VănĐộ					8,9,10, 11	A3-107										DHCQ 14
							Nguyễn VănĐộ							8,9,10, 11	A3-107								DHCQ 14
							Nguyễn VănĐộ									8,9,10, 11	A3-107						DHCQ 14
							Nguyễn VănĐộ											8,9,10, 11	A3-107				DHCQ 14
22	3DN108 DH	2	Kỹ thuật an toàn điện(121)_01/DHDDTCK14 (DCN)	55	59	LT	Nguyễn Thị Thanh Ngân	09/08-28/11/21	16					1,2	A2.105							DHDDTCK14(DCN)	DHCQ 14

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
23	3DN108 DH	2	Kỹ thuật an toàn điện(121)_02/DHDDTCK14 (HTD)	55	55	LT		09/08-28/11/21	16					7,8	A2.103							DHDDTCK14(HTD)	DHCQ 14
24	3DN111 DH	2	Kỹ thuật biến đổi điện năng (+ Thí nghiệm)(121)_01/DHDDTC K14(DCN)	55	53	LT	Trần Duy Trinh	09/08-28/11/21	16			4,5	A2.409 (QPMC)									DHDDTCK14(DCN)	DHCQ 14
25	3DN111 DH	2	Kỹ thuật biến đổi điện năng (+ Thí nghiệm)(121)_02/DHDDTC K14(HTD)	55	42	LT	Trần Duy Trinh	09/08-28/11/21	16							9,10	A2.411					DHDDTCK14(HTD)	DHCQ 14
26	3DN111 DH	2	Kỹ thuật biến đổi điện năng (+ Thí nghiệm)(121)_03	60	50	LT	Trần Duy Trinh	09/08-24/10/21	11			7,8,9	A2.210									DHDDTCK13Z (HTD)	DHCQ 13
27	3DN111 DH	2	Kỹ thuật biến đổi điện năng (+ Thí nghiệm)(121)_04	66	66	LT		09/08-24/10/21	11			1,2,3	A2.210									DHDDTCK13Z (DCN)	DHCQ 13
28	3DN140 DH	2	Kỹ thuật Robot(121)_01	44	43	LT	Nguyễn Anh Tuấn	09/08-24/10/21	11	1,2,3	A2.210											DHTDHCK13B	DHCQ 13
29	3DN140 DH	2	Kỹ thuật Robot(121)_02	42	45	LT	Thái Hữu Nguyên	09/08-24/10/21	11					7,8,9	A2.210							DHTDHCK13A	DHCQ 13
30	3DN212 CD	2	Lắp đặt mạch điện bảo vệ rơ le(121)_01_TH	20	19	TH	Võ Tiến Trung	18/10-07/11/21	3	1,2,3,4	A3-109											DHDDTCK13Z (HTD)	DHCQ 13
							Võ Tiến Trung					1,2,3,4	A3-109										DHCQ 13
							Võ Tiến Trung							1,2,3,4	A3-109								DHCQ 13
							Võ Tiến Trung									1,2,3,4	A3-109						DHCQ 13
							Võ Tiến Trung											1,2,3,4	A3-109				DHCQ 13
31	3DN212 CD	2	Lắp đặt mạch điện bảo vệ rơ le(121)_02_TH	20	20	TH	Võ Tiến Dũng	06/09-26/09/21	3	1,2,3,4	A3-109											DHDDTCK13Z (HTD)	DHCQ 13
							Võ Tiến Dũng					1,2,3,4	A3-109										DHCQ 13
							Võ Tiến Dũng							1,2,3,4	A3-109								DHCQ 13
							Võ Tiến Dũng									1,2,3,4	A3-109						DHCQ 13
							Võ Tiến Dũng											1,2,3,4	A3-109				DHCQ 13
							Nguyễn Thị Thanh Ngân			1,2,3,4	A3-109												DHCQ 13
							Nguyễn Thị Thanh Ngân					1,2,3,4	A3-109										DHCQ 13

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
32	3DN212 CD	2	Lắp đặt mạch điện bảo vệ rò le(121)_03_TH	20	19	TH		27/09-17/10/21	3					1,2,3,4	A3-109							DHDDTCK13Z (HTD)	DHCQ 13
							Nguyễn Thị Thanh Ngân									1,2,3,4	A3-109						DHCQ 13
							Nguyễn Thị Thanh Ngân											1,2,3,4	A3-109				DHCQ 13
33	3DN212 CD	2	Lắp đặt mạch điện bảo vệ rò le(121)_04_TH	22	23	TH	Nguyễn Thị Thanh Ngân	18/10-07/11/21	3	8,9,10, 11	A3-109											DHDDTCK13Z (DCN)	DHCQ 13
							Nguyễn Thị Thanh Ngân					8,9,10, 11	A3-109										DHCQ 13
							Nguyễn Thị Thanh Ngân							8,9,10, 11	A3-109								DHCQ 13
							Nguyễn Thị Thanh Ngân									8,9,10, 11	A3-109						DHCQ 13
							Nguyễn Thị Thanh Ngân											8,9,10, 11	A3-109				DHCQ 13
34	3DN212 CD	2	Lắp đặt mạch điện bảo vệ rò le(121)_05_TH	22	22	TH	Nguyễn VănĐộ	06/09-26/09/21	3	8,9,10, 11	A3-109											DHDDTCK13Z (DCN)	DHCQ 13
							Nguyễn VănĐộ					8,9,10, 11	A3-109										DHCQ 13
							Nguyễn VănĐộ							8,9,10, 11	A3-109								DHCQ 13
							Nguyễn VănĐộ									8,9,10, 11	A3-109						DHCQ 13
							Nguyễn VănĐộ											8,9,10, 11	A3-109				DHCQ 13
35	3DN212 CD	2	Lắp đặt mạch điện bảo vệ rò le(121)_06_TH	22	23	TH	Võ Tiến Trung	27/09-17/10/21	3													DHDDTCK13Z (DCN)	DHCQ 13
36	3DN207 CD	2	Lắp đặt mạch điện các bộ biến đổi điện năng(121)_01_TH/DHTDH CK14A2	20	24	TH	Lê TiếnHiếu	06/09-26/09/21	3	1,2,3,4	A4-209											DHTDHCK14A 2	DHCQ 14
							Lê TiếnHiếu					1,2,3,4	A4-209										DHCQ 14
							Lê TiếnHiếu							1,2,3,4	A4-209								DHCQ 14
							Lê TiếnHiếu									1,2,3,4	A4-209						DHCQ 14
							Lê TiếnHiếu											1,2,3,4	A4-209				DHCQ 14
37	3DN207 CD	2	Lắp đặt mạch điện các bộ biến đổi điện năng(121)_02_TH/DHTDH	20	24	TH	Lê TiếnHiếu	27/09-17/10/21	3	1,2,3,4	A4-209											DHTDHCK14A 2	DHCQ 14
							Lê TiếnHiếu					1,2,3,4	A4-209										DHCQ 14
							Lê TiếnHiếu							1,2,3,4	A4-209								DHCQ 14

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
			CK14A2				Lê TiếnHiếu									1,2,3,4	A4-209						DHCQ 14
							Lê TiếnHiếu											1,2,3,4	A4-209				DHCQ 14
38	3DN207 CD	2	Lắp đặt mạch điện các bộ biến đổi điện năng(121)_03_TH/DHTDH CK14A1	19	24	TH	Nguyễn Đăng Thông	06/09-26/09/21	3	8,9,10, 11	A4-209												DHCQ 14
							Nguyễn Đăng Thông					8,9,10, 11	A4-209										DHCQ 14
														8,9,10, 11	A4-209								DHCQ 14
							Nguyễn Đăng Thông									8,9,10, 11	A4-209						DHCQ 14
							Nguyễn Đăng Thông											8,9,10, 11	A4-209				DHCQ 14
							Nguyễn Đăng Thông																DHCQ 14
39	3DN207 CD	2	Lắp đặt mạch điện các bộ biến đổi điện năng(121)_04_TH/DHTDH CK14A1	19	25	TH	Lê TiếnHiếu	27/09-17/10/21	3	8,9,10, 11	A4-209												DHCQ 14
							Lê TiếnHiếu					8,9,10, 11	A4-209										DHCQ 14
							Lê TiếnHiếu							8,9,10, 11	A4-209								DHCQ 14
							Lê TiếnHiếu									8,9,10, 11	A4-209						DHCQ 14
							Lê TiếnHiếu											8,9,10, 11	A4-209				DHCQ 14
							Lê TiếnHiếu																DHCQ 14
40	3DN203 CD	2	Lắp đặt mạch điện điều khiển động cơ điện dùng rơ le, công tắc tơ(121)_01_TH/DHDDTCK 15A1	20	15	TH	Nguyễn Anh Tuấn	06/09-26/09/21	3	8,9,10, 11	A4-102												DHCQ 15
							Nguyễn Anh Tuấn					8,9,10, 11	A4-102										DHCQ 15
							Nguyễn Anh Tuấn							8,9,10, 11	A4-102								DHCQ 15
							Nguyễn Anh Tuấn									8,9,10, 11	A4-102						DHCQ 15
							Nguyễn Anh Tuấn											8,9,10, 11	A4-102				DHCQ 15
							Nguyễn Anh Tuấn																DHCQ 15
41	3DN203 CD	2	Lắp đặt mạch điện điều khiển động cơ điện dùng rơ le, công tắc tơ(121)_02_TH/DHDDTCK 15A1	20	20	TH	Nguyễn Anh Tuấn	27/09-17/10/21	3			8,9,10, 11	A4-102									DHDDTCK15A 1	DHCQ 15
42	3DN203 CD	2	Lắp đặt mạch điện điều khiển động cơ điện dùng rơ le, công tắc tơ(121)_03_TH/DHDDTCK	20	15	TH	Bùi ThanhHòa	06/09-26/09/21	3	13,14,1 5,16	A4-102												DHCQ 15
							Bùi ThanhHòa					13,14,1 5,16	A4-102										DHCQ 15
							Bùi ThanhHòa							13,14,1 5,16	A4-102								DHCQ 15

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
			to(121)_03_TH/DHDDTCK 15A1				Bùi ThanhHòa									13,14,15,16	A4-102						DHCQ 15
							Bùi ThanhHòa											13,14,15,16	A4-102				DHCQ 15
43	3DN203 CD	2	Lắp đặt mạch điện điều khiển động cơ điện dùng rơ le, công tắc tơ(121)_04_TH/DHDDTCK 15A2	20	19	TH	Hà Quốc Tuấn	18/10-07/11/21	3	8,9,10,11	A4-102												DHCQ 15
							Hà Quốc Tuấn					8,9,10,11	A4-102										DHCQ 15
							Hà Quốc Tuấn							8,9,10,11	A4-102								DHCQ 15
							Hà Quốc Tuấn									8,9,10,11	A4-102						DHCQ 15
							Hà Quốc Tuấn											8,9,10,11	A4-102				DHCQ 15
44	3DN203 CD	2	Lắp đặt mạch điện điều khiển động cơ điện dùng rơ le, công tắc tơ(121)_05_TH/DHDDTCK 15A2	20	20	TH	Hà Quốc Tuấn	08/11-28/11/21	3	8,9,10,11	A4-102												DHCQ 15
							Hà Quốc Tuấn					8,9,10,11	A4-102										DHCQ 15
							Hà Quốc Tuấn							8,9,10,11	A4-102								DHCQ 15
							Hà Quốc Tuấn									8,9,10,11	A4-102						DHCQ 15
							Hà Quốc Tuấn											8,9,10,11	A4-102				DHCQ 15
45	3DN203 CD	2	Lắp đặt mạch điện điều khiển động cơ điện dùng rơ le, công tắc tơ(121)_06_TH/DHDDTCK 15A2	20	20	TH	Nguyễn Anh Tuấn	18/10-06/11/21	3	13,14,15,16	A4-102												DHCQ 15
							Nguyễn Anh Tuấn					13,14,15,16	A4-102										DHCQ 15
							Nguyễn Anh Tuấn							13,14,15,16	A4-102								DHCQ 15
							Nguyễn Anh Tuấn									13,14,15,16	A4-102						DHCQ 15
							Nguyễn Anh Tuấn											13,14,15,16	A4-102				DHCQ 15
46	3DN203 CD	2	Lắp đặt mạch điện điều khiển động cơ điện dùng rơ le, công tắc tơ(121)_07_TH/DHTDHCK 15A1	20	20	TH	Hà Quốc Tuấn	06/09-26/09/21	3	1,2,3,4	A4-102												DHCQ 15
							Hà Quốc Tuấn					1,2,3,4	A4-102										DHCQ 15
							Hà Quốc Tuấn							1,2,3,4	A4-102								DHCQ 15
							Hà Quốc Tuấn									1,2,3,4	A4-102						DHCQ 15
							Hà Quốc Tuấn											1,2,3,4	A4-102				DHCQ 15

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
47	3DN203 CD	2	Lắp đặt mạch điện điều khiển động cơ điện dùng rơ le, công tắc tơ(121)_08_TH/DHTDHCK 15A1	20	20	TH	Trần Nguyễn Bảo Ninh	27/09-17/10/21	3	1,2,3,4	A4-102											DHTDHCK15A 1	DHCQ 15
							Trần Nguyễn Bảo Ninh					1,2,3,4	A4-102										DHCQ 15
							Trần Nguyễn Bảo Ninh							1,2,3,4	A4-102								DHCQ 15
							Trần Nguyễn Bảo Ninh									1,2,3,4	A4-102						DHCQ 15
							Trần Nguyễn Bảo Ninh											1,2,3,4	A4-102				DHCQ 15
48	3DN203 CD	2	Lắp đặt mạch điện điều khiển động cơ điện dùng rơ le, công tắc tơ(121)_09_TH/DHTDHCK 15A3	20	19	TH	Trần Nguyễn Bảo Ninh	18/10-07/11/21	3	1,2,3,4	A4-102											DHTDHCK15A 3	DHCQ 15
							Trần Nguyễn Bảo Ninh					1,2,3,4	A4-102										DHCQ 15
							Trần Nguyễn Bảo Ninh							1,2,3,4	A4-102								DHCQ 15
							Trần Nguyễn Bảo Ninh									1,2,3,4	A4-102						DHCQ 15
							Trần Nguyễn Bảo Ninh											1,2,3,4	A4-102				DHCQ 15
49	3DN203 CD	2	Lắp đặt mạch điện điều khiển động cơ điện dùng rơ le, công tắc tơ(121)_10_TH/DHTDHCK 15A3	20	19	TH	Bùi ThanhHòa	08/11-28/11/21	3	1,2,3,4	A4-102											DHTDHCK15A 3	DHCQ 15
							Bùi ThanhHòa					1,2,3,4	A4-102										DHCQ 15
							Bùi ThanhHòa							1,2,3,4	A4-102								DHCQ 15
							Bùi ThanhHòa									1,2,3,4	A4-102						DHCQ 15
							Bùi ThanhHòa											1,2,3,4	A4-102				DHCQ 15
										1,2,3,4	A4-102												DHCQ 15
												1,2,3,4	A4-102										DHCQ 15

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
50	3DN203 CD	2	Lắp đặt mạch điện điều khiển động cơ điện dùng rơ le, công tắc tơ(121)_11_TH/DHDDTCK 15A3	20	15	TH		30/08-05/09/21	1					1,2,3,4	A4-102							DHDDTCK15A3	DHCQ 15
																1,2,3,4	A4-102						DHCQ 15
																	1,2,3,4	A4-102					DHCQ 15
								04/10-09/10/21	1	1,2,3,4													DHCQ 15
												1,2,3,4											DHCQ 15
														1,2,3,4									DHCQ 15
																1,2,3,4							DHCQ 15
																	1,2,3,4						DHCQ 15
								11/10-13/10/21	1	1,2,3,4													DHCQ 15
												1,2,3,4											DHCQ 15
														1,2,3,4									DHCQ 15
																							DHCQ 15
51	3DN203 CD	2	Lắp đặt mạch điện điều khiển động cơ điện dùng rơ le, công tắc tơ(121)_12_TH/DHDDTCK 15A3	20	17	TH	Nguyễn Văn Minh	06/09-26/09/21	3	1,2,3,4	A4-103											DHDDTCK15A3	DHCQ 15
							Nguyễn Văn Minh					1,2,3,4	A4-103										DHCQ 15
							Nguyễn Văn Minh							1,2,3,4	A4-103								DHCQ 15
							Nguyễn Văn Minh									1,2,3,4	A4-103						DHCQ 15
							Nguyễn Văn Minh										1,2,3,4	A4-103					DHCQ 15
52	3DN203 CD	2	Lắp đặt mạch điện điều khiển động cơ điện dùng rơ le, công tắc tơ(121)_13_TH/DHDDTCK 15A3	20	12	TH	Bùi ThanhHòa	18/10-07/11/21	3	1,2,3,4	A4-103											DHDDTCK15A3	DHCQ 15
							Bùi ThanhHòa					1,2,3,4	A4-103										DHCQ 15
							Bùi ThanhHòa							1,2,3,4	A4-103								DHCQ 15
							Bùi ThanhHòa									1,2,3,4	A4-103						DHCQ 15
							Bùi ThanhHòa										1,2,3,4	A4-103					DHCQ 15
							Hà Quốc Tuấn			8,9,10, 11													DHCQ 15

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
53	3DN203 CD	2	Lắp đặt mạch điện điều khiển động cơ điện dùng rơle, công tắc tơ(121)_14_TH/DHTDHCK15A2	20	18	TH	Hà Quốc Tuấn	30/08-05/09/21	1			8,9,10,11										DHTDHCK15A2	DHCQ15
							Hà Quốc Tuấn							8,9,10,11									DHCQ15
							Hà Quốc Tuấn									8,9,10,11							DHCQ15
							Hà Quốc Tuấn											8,9,10,11					DHCQ15
								04/10-09/10/21	1	8,9,10,11													DHCQ15
												8,9,10,11											DHCQ15
														8,9,10,11									DHCQ15
																8,9,10,11							DHCQ15
								11/10-13/10/21	1	8,9,10,11													DHCQ15
												8,9,10,11											DHCQ15
														8,9,10,11									DHCQ15
																							DHCQ15
54	3DN203 CD	2	Lắp đặt mạch điện điều khiển động cơ điện dùng rơle, công tắc tơ(121)_15_TH/DHTDHCK15A2	20	20	TH	Trần Nguyễn Bảo Ninh	27/09-17/10/21	3	13,14,15,16	A4-102											DHTDHCK15A2	DHCQ15
							Trần Nguyễn Bảo Ninh					13,14,15,16	A4-102										DHCQ15
							Trần Nguyễn Bảo Ninh							13,14,15,16	A4-102								DHCQ15
							Trần Nguyễn Bảo Ninh									13,14,15,16	A4-102						DHCQ15
							Trần Nguyễn Bảo Ninh											13,14,15,16	A4-102				DHCQ15
55	3DN203 CD	2	Lắp đặt mạch điện điều khiển động cơ điện dùng rơle, công tắc tơ(121)_16_TH/DHTDHCK15A2	20	18	TH	Bùi ThanhHòa	27/09-17/10/21	3	13,14,15,16	A4-103											DHTDHCK15A2	DHCQ15
							Bùi ThanhHòa					13,14,15,16	A4-103										DHCQ15
							Bùi ThanhHòa							13,14,15,16	A4-103								DHCQ15

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
			6(121)_10_TH/DHDDTCK15A2				Bùi ThanhHòa									13,14,15,16	A4-103						DHCQ 15
							Bùi ThanhHòa											13,14,15,16	A4-103				DHCQ 15
56	3DN209 CD	2	Lắp đặt mạch điện điều khiển hệ thống bù và chuyển đổi nguồn trong cung cấp điện(121)_01_TH/DHDDTCK14(HTD)	18	20	TH	Hoàng Nghĩa Thắng	08/11-28/11/21	3	1,2,3,4	A4-101												DHCQ 14
							Hoàng Nghĩa Thắng					1,2,3,4	A4-101										DHCQ 14
							Hoàng Nghĩa Thắng							1,2,3,4	A4-101								DHCQ 14
							Hoàng Nghĩa Thắng									1,2,3,4	A4-101						DHCQ 14
							Hoàng Nghĩa Thắng											1,2,3,4	A4-101				DHCQ 14
57	3DN209 CD	2	Lắp đặt mạch điện điều khiển hệ thống bù và chuyển đổi nguồn trong cung cấp điện(121)_02_TH/DHDDTCK14(HTD)	18	19	TH	Hoàng Nghĩa Thắng	27/09-17/10/21	3	1,2,3,4	A4-101												DHCQ 14
							Hoàng Nghĩa Thắng					1,2,3,4	A4-101										DHCQ 14
							Hoàng Nghĩa Thắng							1,2,3,4	A4-101								DHCQ 14
							Hoàng Nghĩa Thắng									1,2,3,4	A4-101						DHCQ 14
							Hoàng Nghĩa Thắng											1,2,3,4	A4-101				DHCQ 14
58	3DN209 CD	2	Lắp đặt mạch điện điều khiển hệ thống bù và chuyển đổi nguồn trong cung cấp điện(121)_03_TH/DHDDTCK14(HTD)	18	18	TH	Hoàng Nghĩa Thắng	18/10-07/11/21	3	1,2,3,4	A4-101												DHCQ 14
							Hoàng Nghĩa Thắng					1,2,3,4	A4-101										DHCQ 14
							Hoàng Nghĩa Thắng							1,2,3,4	A4-101								DHCQ 14
							Hoàng Nghĩa Thắng									1,2,3,4	A4-101						DHCQ 14
							Hoàng Nghĩa Thắng											1,2,3,4	A4-101				DHCQ 14
59	3DN209 CD	2	Lắp đặt mạch điện điều khiển hệ thống bù và chuyển đổi nguồn trong cung cấp điện(121)_04_TH/DHDDTCK14(DCN)	19	20	TH	Hoàng Nghĩa Thắng	06/09-26/09/21	3	8,9,10,11	A4-101												DHCQ 14
							Hoàng Nghĩa Thắng					8,9,10,11	A4-101										DHCQ 14
							Hoàng Nghĩa Thắng							8,9,10,11	A4-101								DHCQ 14
							Hoàng Nghĩa Thắng									8,9,10,11	A4-101						DHCQ 14
							Hoàng Nghĩa Thắng											8,9,10,11	A4-101				DHCQ 14

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
60	3DN209 CD	2	Lắp đặt mạch điện điều khiển hệ thống bù và chuyển đổi nguồn trong cung cấp điện(121)_05_TH/DHDDT	19	17	TH	Hoàng Nghĩa Thắng Hoàng Nghĩa Thắng	27/09-17/10/21	3	8,9,10,11	A4-101											DHDDTCK14(DCN)	DHCQ 14 DHCQ 14
61	3DN209 CD	2	Lắp đặt mạch điện điều khiển hệ thống bù và chuyển đổi nguồn trong cung cấp điện(121)_06_TH/DHDDT CK14(DCN)	19	18	TH	Hoàng Nghĩa Thắng	30/08-05/09/21	1	8,9,10,11												DHDDTCK14(DCN)	DHCQ 14
							Hoàng Nghĩa Thắng					8,9,10,11											DHCQ 14
							Hoàng Nghĩa Thắng						8,9,10,11										DHCQ 14
							Hoàng Nghĩa Thắng							8,9,10,11									DHCQ 14
							Hoàng Nghĩa Thắng									8,9,10,11							DHCQ 14
								04/10-09/10/21	1	8,9,10,11													DHCQ 14
												8,9,10,11											DHCQ 14
													8,9,10,11										DHCQ 14
														8,9,10,11									DHCQ 14
																8,9,10,11							DHCQ 14
62	3DN240 DH	2	Lắp đặt mạch điện từ số(121)_01_TH/DHTDHCK 15A1	20	21	TH	Thái Đình Hoa	06/09-26/09/21	3	1,2,3,4	A4-207											DHTDHCK15A1	DHCQ 15
							Thái Đình Hoa					1,2,3,4	A4-207										DHCQ 15
							Thái Đình Hoa							1,2,3,4	A4-207								DHCQ 15
							Thái Đình Hoa									1,2,3,4	A4-207						DHCQ 15
							Thái Đình Hoa										1,2,3,4	A4-207					DHCQ 15
63	3DN240 DH	2	Lắp đặt mạch điện từ số(121)_02_TH/DHTDHCK 15A1	20	21	TH	Thái Đình Hoa	27/09-17/10/21	3	1,2,3,4	A4-207											DHTDHCK15A1	DHCQ 15
							Thái Đình Hoa					1,2,3,4	A4-207										DHCQ 15
							Thái Đình Hoa							1,2,3,4	A4-207								DHCQ 15

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
							Thái Đình Hoa									1,2,3,4	A4-207						DHCQ 15
							Thái Đình Hoa											1,2,3,4	A4-207				DHCQ 15
64	3DN240 DH	2	Lắp đặt mạch điện từ số(121)_03_TH/DHTDHCK 15A3	20	15	TH	Nguyễn Minh Quân	18/10-07/11/21	3	1,2,3,4	A4-207												DHCQ 15
							Nguyễn Minh Quân					1,2,3,4	A4-207										DHCQ 15
							Nguyễn Minh Quân							1,2,3,4	A4-207								DHCQ 15
							Nguyễn Minh Quân									1,2,3,4	A4-207						DHCQ 15
							Nguyễn Minh Quân											1,2,3,4	A4-207				DHCQ 15
							Nguyễn Minh Quân																DHCQ 15
65	3DN240 DH	2	Lắp đặt mạch điện từ số(121)_04_TH/DHTDHCK 15A3	20	16	TH	Nguyễn Minh Quân	08/11-28/11/21	3	1,2,3,4	A4-207												DHCQ 15
							Nguyễn Minh Quân					1,2,3,4	A4-207										DHCQ 15
							Nguyễn Minh Quân							1,2,3,4	A4-207								DHCQ 15
							Nguyễn Minh Quân									1,2,3,4	A4-207						DHCQ 15
							Nguyễn Minh Quân											1,2,3,4	A4-207				DHCQ 15
							Nguyễn Minh Quân																DHCQ 15
66	3DN240 DH	2	Lắp đặt mạch điện từ số(121)_05_TH/DHTDHCK 15A2	20	16	TH	Thái Đình Hoa	08/11-28/11/21	3	8,9,10, 11	A4-207												DHCQ 15
							Thái Đình Hoa					8,9,10, 11	A4-207										DHCQ 15
							Thái Đình Hoa							8,9,10, 11	A4-207								DHCQ 15
							Thái Đình Hoa									8,9,10, 11	A4-207						DHCQ 15
							Thái Đình Hoa											8,9,10, 11	A4-207				DHCQ 15
							Thái Đình Hoa																DHCQ 15
67	3DN240 DH	2	Lắp đặt mạch điện từ số(121)_06_TH/DHTDHCK 15A2	20	15	TH	Thái Đình Hoa	18/10-07/11/21	3	8,9,10, 11	A4-207												DHCQ 15
							Thái Đình Hoa					8,9,10, 11	A4-207										DHCQ 15
							Thái Đình Hoa							8,9,10, 11	A4-207								DHCQ 15
							Thái Đình Hoa									8,9,10, 11	A4-207						DHCQ 15
							Thái Đình Hoa											8,9,10, 11	A4-207				DHCQ 15
							Thái Đình Hoa																DHCQ 15

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
68	3DN240 DH	2	Lắp đặt mạch điện tử số(121)_07_TH/DHTDHCK15A2	20	22	TH	Nguyễn Minh Quân	06/09-26/09/21	3	8,9,10,11	A4-207											DHTDHCK15A2	DHCQ15
												8,9,10,11	A4-207										DHCQ15
							Nguyễn Minh Quân							8,9,10,11	A4-207								DHCQ15
							Nguyễn Minh Quân									8,9,10,11	A4-207						DHCQ15
																		8,9,10,11	A4-207				DHCQ15
69	3DN239 DH	2	Lắp đặt thiết bị tự động và điều khiển công nghiệp(121)_01_TH	22	22	TH	Bùi Trung Tuyền	30/08-19/09/21	3	8,9,10,11	A3-111											DHTDHCK13B	DHCQ13
							Bùi Trung Tuyền					8,9,10,11	A3-111										DHCQ13
							Bùi Trung Tuyền							8,9,10,11	A3-111								DHCQ13
							Bùi Trung Tuyền									8,9,10,11	A3-111						DHCQ13
							Bùi Trung Tuyền											8,9,10,11	A3-111				DHCQ13
70	3DN239 DH	2	Lắp đặt thiết bị tự động và điều khiển công nghiệp(121)_02_TH	22	19	TH	Bùi Trung Tuyền	20/09-10/10/21	3	8,9,10,11	A3-111											DHTDHCK13B	DHCQ13
							Bùi Trung Tuyền					8,9,10,11	A3-111										DHCQ13
							Bùi Trung Tuyền							8,9,10,11	A3-111								DHCQ13
							Bùi Trung Tuyền									8,9,10,11	A3-111						DHCQ13
							Bùi Trung Tuyền											8,9,10,11	A3-111				DHCQ13
71	3DN239 DH	2	Lắp đặt thiết bị tự động và điều khiển công nghiệp(121)_03_TH	22	22	TH	Bùi Trung Tuyền	30/08-19/09/21	3	1,2,3,4	A3-111											DHTDHCK13A	DHCQ13
							Bùi Trung Tuyền					1,2,3,4	A3-111										DHCQ13
							Bùi Trung Tuyền							1,2,3,4	A3-111								DHCQ13
							Bùi Trung Tuyền									1,2,3,4	A3-111						DHCQ13
							Bùi Trung Tuyền											1,2,3,4	A3-111				DHCQ13
			Lắp đặt thiết bị tự động và				Bùi Trung Tuyền			1,2,3,4	A3-111												DHCQ13
							Bùi Trung Tuyền					1,2,3,4	A3-111										DHCQ13

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
72	3DN239 DH	2	Lập đặt thiết bị tự động và điều khiển công nghiệp(121)_04_TH	22	22	TH	Bùi Trung Tuyển	20/09-10/10/21	3					1,2,3,4	A3-111							DHTDHCK13A	DHCQ 13
							Bùi Trung Tuyển									1,2,3,4	A3-111						DHCQ 13
							Bùi Trung Tuyển											1,2,3,4	A3-111				DHCQ 13
73	3DN205 CD	2	Lập trình PLC cơ bản(121)_01_TH/DHTDHC K14A2	20	24	TH	Nguyễn Khắc Tuấn	08/11-28/11/21	3	1,2,3,4	A3-108											DHTDHCK14A 2	DHCQ 14
							Nguyễn Khắc Tuấn					1,2,3,4	A3-108										DHCQ 14
							Nguyễn Khắc Tuấn							1,2,3,4	A3-108								DHCQ 14
							Nguyễn Khắc Tuấn									1,2,3,4	A3-108						DHCQ 14
							Nguyễn Khắc Tuấn											1,2,3,4	A3-108				DHCQ 14
74	3DN205 CD	2	Lập trình PLC cơ bản(121)_02_TH/DHTDHC K14A2	20	24	TH	Nguyễn Khắc Tuấn	18/10-07/11/21	3	1,2,3,4	A3-108											DHTDHCK14A 2	DHCQ 14
							Nguyễn Khắc Tuấn					1,2,3,4	A3-108										DHCQ 14
							Nguyễn Khắc Tuấn							1,2,3,4	A3-108								DHCQ 14
							Nguyễn Khắc Tuấn									1,2,3,4	A3-108						DHCQ 14
							Nguyễn Khắc Tuấn											1,2,3,4	A3-108				DHCQ 14
75	3DN205 CD	2	Lập trình PLC cơ bản(121)_03_TH/DHTDHC K14A1	19	25	TH	Ngô Thị Lê	08/11-28/11/21	3	8,9,10, 11	A3-108											DHTDHCK14A 1	DHCQ 14
							Ngô Thị Lê					8,9,10, 11	A3-108										DHCQ 14
							Ngô Thị Lê							8,9,10, 11	A3-108								DHCQ 14
							Ngô Thị Lê									8,9,10, 11	A3-108						DHCQ 14
							Ngô Thị Lê											8,9,10, 11	A3-108				DHCQ 14
76	3DN205 CD	2	Lập trình PLC cơ bản(121)_04_TH/DHTDHC K14A1	19	25	TH	Ngô Thị Lê	18/10-07/11/21	3	8,9,10, 11	A3-108											DHTDHCK14A 1	DHCQ 14
							Ngô Thị Lê					8,9,10, 11	A3-108										DHCQ 14
							Ngô Thị Lê							8,9,10, 11	A3-108								DHCQ 14
							Ngô Thị Lê									8,9,10, 11	A3-108						DHCQ 14

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
							Ngô Thị Lê											8,9,10,11	A3-108				DHCQ 14
77	3DN141 DH	2	Lý thuyết điều khiển tự động (+ Bài tập dài)(121)_01/DHTDHCK14A2	40	38	LT	Bùi Thanh Hòa	09/08-28/11/21	16					7,8	A2.302							DHTDHCK14A2	DHCQ 14
78	3DN141 DH	2	Lý thuyết điều khiển tự động (+ Bài tập dài)(121)_02/DHTDHCK14A1	40	34	LT		09/08-28/11/21	16			3,4	A2.302									DHTDHCK14A1	DHCQ 14
79	3DN101 DH	2	Lý thuyết mạch điện 1 (+ Thi nghiệm)(121)_01/DHTDHC K15A3	45	32	LT	Võ Tiến Dũng	09/08-28/11/21	16									7,8	A2.105			DHTDHCK15A3	DHCQ 15
80	3DN101 DH	2	Lý thuyết mạch điện 1 (+ Thi nghiệm)(121)_02/DHTDHC K15A2	60	51	LT	Nguyễn Anh Tuấn	09/08-28/11/21	16					3,4	A2.204							DHTDHCK15A2	DHCQ 15
81	3DN101 DH	2	Lý thuyết mạch điện 1 (+ Thi nghiệm)(121)_03/DHTDHC K15A1	45	40	LT	Võ Tiến Dũng	09/08-28/11/21	16	9,10	A2.106											DHTDHCK15A1	DHCQ 15
82	3DN102 DH	2	Lý thuyết mạch điện 2 (+ Bài tập dài)(121)_01/DHDDTCK15A1	60	48	LT	Nguyễn Anh Tuấn	09/08-28/11/21	16					1,2	A2.401							DHDDTCK15A1	DHCQ 15
83	3DN102 DH	2	Lý thuyết mạch điện 2 (+ Bài tập dài)(121)_02/DHDDTCK15A2	60	55	LT	Nguyễn Anh Tuấn	09/08-28/11/21	16	4,5	A2.209											DHDDTCK15A2	DHCQ 15
84	3DN102 DH	2	Lý thuyết mạch điện 2 (+ Bài tập dài)(121)_05/DHDDTCK15A3	60	55	LT	Võ Tiến Dũng	09/08-28/11/21	16							9,10	A2.401					DHDDTCK15A3	DHCQ 15
85	3DN142 DH	2	Máy điện (+TN)(121)_01/DHTDHCK15A1	45	32	LT	Phạm Văn Tuấn	09/08-28/11/21	16	7,8	A2.203											DHTDHCK15A1	DHCQ 15
86	3DN142 DH	2	Máy điện (+TN)(121)_02/DHTDHCK15A3	40	40	LT	Phạm Văn Tuấn	09/08-28/11/21	16					9,10	A2.203							DHTDHCK15A3	DHCQ 15
87	3DN142 DH	2	Máy điện (+TN)(121)_03/DHTDHCK15A2	60	47	LT	Nguyễn Văn Độ	09/08-28/11/21	16							1,2	A2.203					DHTDHCK15A2	DHCQ 15

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
88	3DN105 DH	3	Máy điện và Khí cụ điện (+ Thí nghiệm)(121)_01/DHDDTC K15A1	60	45	LT	Nguyễn VănĐộ	09/08-28/11/21	16									1,2,3	A2.310			DHDDTCK15A 1	DHCQ 15
89	3DN105 DH	3	Máy điện và Khí cụ điện (+ Thí nghiệm)(121)_02/DHDDTC K15A2	60	51	LT	Nguyễn VănĐộ	09/08-28/11/21	16	1,2,3	A2.209											DHDDTCK15A 2	DHCQ 15
90	3DN105 DH	3	Máy điện và Khí cụ điện (+ Thí nghiệm)(121)_03/DHDDTC K15A3	60	55	LT	Phạm VănTuấn	09/08-28/11/21	16									7,8,9	A2.309			DHDDTCK15A 3	DHCQ 15
91	3DN201 CD	2	Sử dụng dụng cụ đồ nghề và đo lường điện(121)_1	23	20	LT		06/12-19/12/21	2	7,8,9,10	A4-203												DHCQ 16
												7,8,9,10	A4-203										DHCQ 16
												7,8,9,10	A4-203										DHCQ 16
														7,8,9,10	A4-203								DHCQ 16
								20/12-26/12/21	1							7,8,9,10	A4-203			7,8,9,10	A4-203		DHCQ 16
																							DHCQ 16
										7,8,9,10	A4-203												DHCQ 16
												7,8,9,10	A4-203										DHCQ 16
92	3DN201 CD	2	Sử dụng dụng cụ đồ nghề và đo lường điện(121)_2	23	20	LT		06/12-19/12/21	2	7,8,9,10	A4-304												DHCQ 16
												7,8,9,10	A4-304										DHCQ 16
												7,8,9,10	A4-304										DHCQ 16
														7,8,9,10	A4-304								DHCQ 16
																7,8,9,10	A4-304						DHCQ 16
																	7,8,9,10	A4-304					DHCQ 16
																		7,8,9,10	A4-304				DHCQ 16
										7,8,9,10	A4-304												DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
								20/12-26/12/21	1			7,8,9,10	A4-304										DHCQ 16
														7,8,9,10	A4-304								DHCQ 16
93	3DN201 CD	2	Sử dụng dụng cụ đồ nghề và đo lường điện(121)_3	23	18	LT		06/12-19/12/21	2	7,8,9,10	A4-302												DHCQ 16
												7,8,9,10	A4-302										DHCQ 16
														7,8,9,10	A4-302								DHCQ 16
																7,8,9,10	A4-302						DHCQ 16
																		7,8,9,10	A4-302				DHCQ 16
																				7,8,9,10	A4-302		DHCQ 16
								20/12-26/12/21	1	7,8,9,10	A4-302												DHCQ 16
												7,8,9,10	A4-302										DHCQ 16
														7,8,9,10	A4-302								DHCQ 16
94	3DN201 CD	2	Sử dụng dụng cụ đồ nghề và đo lường điện(121)_4	23	21	LT		20/12-26/12/21	1							7,8,9,10	A4-203						DHCQ 16
																		7,8,9,10	A4-203				DHCQ 16
																				7,8,9,10	A4-203		DHCQ 16
										7,8,9,10	A4-203												DHCQ 16
												7,8,9,10	A4-203										DHCQ 16
														7,8,9,10	A4-203								DHCQ 16
																7,8,9,10	A4-203						DHCQ 16
																		7,8,9,10	A4-203				DHCQ 16
																				7,8,9,10	A4-203		DHCQ 16
								20/12-26/12/21	1							7,8,9,10	A4-304						DHCQ 16
																		7,8,9,10	A4-304				DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
95	3DN201 CD	2	Sử dụng dụng cụ đồ nghề và đo lường điện(121)_5	23	17	LT														7,8,9,10	A4-304		DHCQ 16
								27/12-09/01/22	2	7,8,9,10	A4-304												DHCQ 16
												7,8,9,10	A4-304										DHCQ 16
														7,8,9,10	A4-304								DHCQ 16
																7,8,9,10	A4-304						DHCQ 16
																		7,8,9,10	A4-304				DHCQ 16
																				7,8,9,10	A4-304		DHCQ 16
96	3DN201 CD	2	Sử dụng dụng cụ đồ nghề và đo lường điện(121)_6	23	19	LT		20/12-26/12/21	1							7,8,9,10	A4-302						DHCQ 16
																		7,8,9,10	A4-302				DHCQ 16
																				7,8,9,10	A4-302		DHCQ 16
								27/12-09/01/22	2	7,8,9,10	A4-302												DHCQ 16
												7,8,9,10	A4-302										DHCQ 16
														7,8,9,10	A4-302								DHCQ 16
																7,8,9,10	A4-302						DHCQ 16
97	3DN201 CD	2	Sử dụng dụng cụ đồ nghề và đo lường điện(121)_7	23	18	LT		20/12-26/12/21	1							13,14,15,16	A4-202						DHCQ 16
																		13,14,15,16	A4-202				DHCQ 16
																				13,14,15,16	A4-202		DHCQ 16
										13,14,15,16	A4-202												DHCQ 16
												13,14,15,16	A4-202										DHCQ 16
														13,14,15,16	A4-202								DHCQ 16
																							DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
								27/12-09/01/22	2							13,14,15,16	A4-202						DHCQ 16
																		13,14,15,16	A4-202				DHCQ 16
																				13,14,15,16	A4-202		DHCQ 16
98	3DN201 CD	2	Sử dụng dụng cụ đồ nghề và đo lường điện(121)_8	23	20	LT		20/12-26/12/21	1							13,14,15,16	A4-203						DHCQ 16
																		13,14,15,16	A4-203				DHCQ 16
																				13,14,15,16	A4-203		DHCQ 16
								27/12-09/01/22	2	13,14,15,16	A4-203												DHCQ 16
												13,14,15,16	A4-203										DHCQ 16
														13,14,15,16	A4-203								DHCQ 16
																13,14,15,16	A4-203						DHCQ 16
																		13,14,15,16	A4-203				DHCQ 16
																				13,14,15,16	A4-203		DHCQ 16
																							DHCQ 16
																							DHCQ 16
																							DHCQ 16
																							DHCQ 16
99	3DN201 CD	2	Sử dụng dụng cụ đồ nghề và đo lường điện(121)_9	23	20	LT		20/12-26/12/21	1							13,14,15,16	A4-304						DHCQ 16
																		13,14,15,16	A4-304				DHCQ 16
																				13,14,15,16	A4-304		DHCQ 16
								27/12-09/01/22	2	13,14,15,16	A4-304												DHCQ 16
												13,14,15,16	A4-304										DHCQ 16
														13,14,15,16	A4-304								DHCQ 16
																13,14,15,16	A4-304						DHCQ 16
																		13,14,15,16	A4-304				DHCQ 16
																							DHCQ 16
																							DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
																				13,14,15,16	A4-304		DHCQ 16
100	3DN201 CD	2	Sử dụng dụng cụ đồ nghề và đo lường điện(121)_10	23	18	LT		06/12-19/12/21	2	13,14,15,16	A4-202												DHCQ 16
												13,14,15,16	A4-202										DHCQ 16
														13,14,15,16	A4-202								DHCQ 16
																13,14,15,16	A4-202						DHCQ 16
																		13,14,15,16	A4-202				DHCQ 16
																				13,14,15,16	A4-202		DHCQ 16
								20/12-26/12/21	1	13,14,15,16	A4-202												DHCQ 16
												13,14,15,16	A4-202										DHCQ 16
														13,14,15,16	A4-202								DHCQ 16
																							DHCQ 16
101	3DN201 CD	2	Sử dụng dụng cụ đồ nghề và đo lường điện(121)_11	23	20	LT		06/12-19/12/21	2	13,14,15,16	A4-203												DHCQ 16
												13,14,15,16	A4-203										DHCQ 16
														13,14,15,16	A4-203								DHCQ 16
																13,14,15,16	A4-203						DHCQ 16
																		13,14,15,16	A4-203				DHCQ 16
																				13,14,15,16	A4-203		DHCQ 16
								20/12-26/12/21	1	13,14,15,16	A4-203												DHCQ 16
												13,14,15,16	A4-203										DHCQ 16
														13,14,15,16	A4-203								DHCQ 16
																							DHCQ 16
										13,14,15,16	A4-302												DHCQ 16
												13,14,15,16	A4-302										DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa				
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học						
102	3DN201 CD	2	Sử dụng dụng cụ đồ nghề và đo lường điện(121)_12	23	20	LT		06/12-19/12/21	2					13,14,15,16	A4-302								DHCQ 16				
															13,14,15,16	A4-302											
															13,14,15,16	A4-302											
																	13,14,15,16	A4-302									
								20/12-26/12/21	1	13,14,15,16	A4-302															DHCQ 16	
											13,14,15,16	A4-302													DHCQ 16		
													13,14,15,16	A4-302												DHCQ 16	
																											DHCQ 16
103	3DN201 CD	2	Sử dụng dụng cụ đồ nghề và đo lường điện(121)_13	23	18	LT		06/12-19/12/21	2	13,14,15,16	A4-304												DHCQ 16				
											13,14,15,16	A4-304														DHCQ 16	
													13,14,15,16	A4-304												DHCQ 16	
													13,14,15,16	A4-304												DHCQ 16	
								20/12-26/12/21	1																		DHCQ 16
																											DHCQ 16
																											DHCQ 16
																											DHCQ 16
104	3DN201 CD	2	Sử dụng dụng cụ đồ nghề và đo lường điện(121)_14	23	19	LT		20/12-26/12/21	1							13,14,15,16	A4-302						DHCQ 16				
																	13,14,15,16	A4-302								DHCQ 16	
																			13,14,15,16	A4-302						DHCQ 16	
										13,14,15,16	A4-302															DHCQ 16	
											13,14,15,16	A4-302														DHCQ 16	
																											DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
								27/12-09/01/22	2					13,14,15,16	A4-302								DHCQ 16
																13,14,15,16	A4-302						DHCQ 16
																		13,14,15,16	A4-302				DHCQ 16
																				13,14,15,16	A4-302		DHCQ 16
105	3DN201 CD	2	Sử dụng dụng cụ đồ nghề và đo lường điện(121)_15	23	19	LT		06/12-19/12/21	2	1,2,3,4	A4-202												DHCQ 16
												1,2,3,4	A4-202										DHCQ 16
														1,2,3,4	A4-202								DHCQ 16
																1,2,3,4	A4-202						DHCQ 16
																		1,2,3,4	A4-202				DHCQ 16
																				1,2,3,4	A4-202		DHCQ 16
							20/12-26/12/21	1		1,2,3,4	A4-202												DHCQ 16
												1,2,3,4	A4-202										DHCQ 16
														1,2,3,4	A4-202								DHCQ 16
																							DHCQ 16
																							DHCQ 16
																							DHCQ 16
106	3DN201 CD	2	Sử dụng dụng cụ đồ nghề và đo lường điện(121)_16	23	21	LT		06/12-19/12/21	2	1,2,3,4	A4-203												DHCQ 16
												1,2,3,4	A4-203										DHCQ 16
														1,2,3,4	A4-203								DHCQ 16
																1,2,3,4	A4-203						DHCQ 16
																		1,2,3,4	A4-203				DHCQ 16
																				1,2,3,4	A4-203		DHCQ 16
							20/12-26/12/21	1		1,2,3,4	A4-203												DHCQ 16
												1,2,3,4	A4-203										DHCQ 16
																							DHCQ 16
														1,2,3,4	A4-203								DHCQ 16
																							DHCQ 16
																							DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
107	3DN201 CD	2	Sử dụng dụng cụ đồ nghề và đo lường điện(121)_17	23	20	LT	06/12-19/12/21	2		1,2,3,4	A4-302												DHCQ 16
												1,2,3,4	A4-302										DHCQ 16
														1,2,3,4	A4-302								DHCQ 16
																1,2,3,4	A4-302						DHCQ 16
																		1,2,3,4	A4-302				DHCQ 16
																				1,2,3,4	A4-302		DHCQ 16
							20/12-26/12/21	1												1,2,3,4	A4-302		DHCQ 16
										1,2,3,4	A4-302												DHCQ 16
												1,2,3,4	A4-302										DHCQ 16
																							DHCQ 16
108	3DN201 CD	2	Sử dụng dụng cụ đồ nghề và đo lường điện(121)_18	23	20	LT	06/12-19/12/21	2		1,2,3,4	A4-304												DHCQ 16
												1,2,3,4	A4-304										DHCQ 16
														1,2,3,4	A4-304								DHCQ 16
																1,2,3,4	A4-304						DHCQ 16
																		1,2,3,4	A4-304				DHCQ 16
																				1,2,3,4	A4-304		DHCQ 16
							20/12-26/12/21	1												1,2,3,4	A4-304		DHCQ 16
										1,2,3,4	A4-304												DHCQ 16
														1,2,3,4	A4-304								DHCQ 16
																							DHCQ 16
							20/12-26/12/21	1								1,2,3,4	A4-304						DHCQ 16
																		1,2,3,4	A4-304				DHCQ 16
																				1,2,3,4	A4-304		DHCQ 16
										1,2,3,4	A4-304												DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
109	3DN201 CD	2	Sử dụng dụng cụ đồ nghề và đo lường điện(121)_19	23	21	LT		27/12-09/01/22	2			1,2,3,4	A4-304										DHCQ 16
														1,2,3,4	A4-304								DHCQ 16
																1,2,3,4	A4-304						DHCQ 16
																		1,2,3,4	A4-304				DHCQ 16
																				1,2,3,4	A4-304		DHCQ 16
110	3DN201 CD	2	Sử dụng dụng cụ đồ nghề và đo lường điện(121)_20	23	16	LT		20/12-26/12/21	1							1,2,3,4	A4-202						DHCQ 16
																		1,2,3,4	A4-202				DHCQ 16
																				1,2,3,4	A4-202		DHCQ 16
								27/12-09/01/22	2	1,2,3,4	A4-202												DHCQ 16
												1,2,3,4	A4-202										DHCQ 16
														1,2,3,4	A4-202								DHCQ 16
																1,2,3,4	A4-202						DHCQ 16
																		1,2,3,4	A4-202				DHCQ 16
111	3DN201 CD	2	Sử dụng dụng cụ đồ nghề và đo lường điện(121)_21	23	19	LT		20/12-26/12/21	1							1,2,3,4	A4-203						DHCQ 16
																		1,2,3,4	A4-203				DHCQ 16
																				1,2,3,4	A4-203		DHCQ 16
								27/12-09/01/22	2	1,2,3,4	A4-203												DHCQ 16
												1,2,3,4	A4-203										DHCQ 16
														1,2,3,4	A4-203								DHCQ 16
																1,2,3,4	A4-203						DHCQ 16
																		1,2,3,4	A4-203				DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa					
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học							
																				1,2,3,4	A4-203		DHCQ 16					
112	3DN201 CD	2	Sử dụng dụng cụ đồ nghề và đo lường điện(121)_22	23	19	LT		20/12-26/12/21	1							1,2,3,4	A4-302					DHDDTCK15A1	DHCQ 16					
																	1,2,3,4	A4-302			DHCQ 16							
																	1,2,3,4	A4-302			DHCQ 16							
								27/12-09/01/22	2	1,2,3,4	A4-302																	DHCQ 16
											1,2,3,4	A4-302															DHCQ 16	
													1,2,3,4	A4-302														DHCQ 16
															1,2,3,4	A4-302												DHCQ 16
																	1,2,3,4	A4-302										DHCQ 16
																			1,2,3,4	A4-302								DHCQ 16
																					1,2,3,4		A4-302					DHCQ 16
														1,2,3,4	A4-302				DHCQ 16									
																1,2,3,4	A4-302			DHCQ 16								
																		1,2,3,4	A4-302		DHCQ 16							
113	3DN226 DC	2	Sửa chữa khí cụ điện(121)_01_TH/DHDDTCK15A1	20	20	TH	Bùi Xuân Vinh	06/09-26/09/21	3	8,9,10,11	A4-103											DHDDTCK15A1	DHCQ 15					
							Bùi Xuân Vinh					8,9,10,11	A4-103													DHCQ 15		
							Bùi Xuân Vinh							8,9,10,11	A4-103												DHCQ 15	
															8,9,10,11	A4-103											DHCQ 15	
							Bùi Xuân Vinh										8,9,10,11	A4-103										DHCQ 15
	3DN226		Sửa chữa khí cụ				Hồ Xuân Bằng	30/08-05/09/21	1	13,14,15,16	A4-103											DHDDTCK15A1	DHCQ 15					
							Hồ Xuân Bằng					13,14,15,16	A4-103													DHCQ 15		
							Hồ Xuân Bằng							13,14,15,16	A4-103												DHCQ 15	
							Hồ Xuân Bằng									13,14,15,16	A4-103										DHCQ 15	
							Hồ Xuân Bằng										13,14,15,16	A4-103									DHCQ 15	
							Hồ Xuân Bằng											13,14,15,16	A4-103									DHCQ 15
							Hồ Xuân Bằng																		DHCQ 15			
							Hồ Xuân Bằng																			DHCQ 15		

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa		
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học				
114	3DN226 DC	2	điện(121)_02_TH/DHDDT CK15A1	20	16	TH	Hồ Xuân Bàng	04/10-09/10/21	1					13,14,15,16								DHDDTCK15A1	DHCQ 15		
						Hồ Xuân Bàng										13,14,15,16								DHCQ 15	
						Hồ Xuân Bàng											13,14,15,16							DHCQ 15	
						Hồ Xuân Bàng													13,14,15,16					DHCQ 15	
						Hồ Xuân Bàng	11/10-13/10/21	1	13,14,15,16														DHCQ 15		
						Hồ Xuân Bàng					13,14,15,16														DHCQ 15
						Hồ Xuân Bàng							13,14,15,16												DHCQ 15
						Hồ Xuân Bàng																			DHCQ 15
115	3DN226 DC	2	Sửa chữa khí cụ điện(121)_03_TH/DHDDT CK15A1	20	18	TH	Bùi Xuân Vinh	27/09-17/10/21	3			8,9,10,11	A4-103									DHDDTCK15A1	DHCQ 15		
116	3DN226 DC	2	Sửa chữa khí cụ điện(121)_04_TH/DHDDT CK15A2	20	19	TH	Bùi Xuân Vinh	18/10-07/11/21	3	8,9,10,11	A4-103											DHDDTCK15A2	DHCQ 15		
											8,9,10,11	A4-103											DHCQ 15		
													8,9,10,11	A4-103									DHCQ 15		
															8,9,10,11	A4-103							DHCQ 15		
																8,9,10,11	A4-103							DHCQ 15	
117	3DN226 DC	2	Sửa chữa khí cụ điện(121)_05_TH/DHDDT CK15A2	20	22	TH	Bùi Xuân Vinh	08/11-28/11/21	3	8,9,10,11	A4-103											DHDDTCK15A2	DHCQ 15		
											8,9,10,11	A4-103											DHCQ 15		
													8,9,10,11	A4-103									DHCQ 15		
															8,9,10,11	A4-103							DHCQ 15		
																8,9,10,11	A4-103							DHCQ 15	
118	3DN226 DC	2	Sửa chữa khí cụ điện(121)_06_TH/DHDDT CK15A2	20	19	TH	Nguyễn Thị Thanh Bình	18/10-06/11/21	3	13,14,15,16	A4-103											DHDDTCK15A2	DHCQ 15		
											13,14,15,16	A4-103											DHCQ 15		
													13,14,15,16	A4-103									DHCQ 15		

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
							Nguyễn Thị Thanh Bình									13,14,15,16	A4-103						DHCQ 15
							Nguyễn Thị Thanh Bình											13,14,15,16	A4-103				DHCQ 15
119	3DN226 DC	2	Sửa chữa khí cụ điện(121)_07_TH/DHDDT CK15A3	20	20	TH	Nguyễn Trường Phúc	30/08-05/09/21	1	1,2,3,4	A4-103												DHCQ 15
							Nguyễn Trường Phúc					1,2,3,4	A4-103										DHCQ 15
							Nguyễn Trường Phúc							1,2,3,4	A4-103								DHCQ 15
							Nguyễn Trường Phúc									1,2,3,4	A4-103						DHCQ 15
							Nguyễn Trường Phúc										1,2,3,4	A4-103					DHCQ 15
							Nguyễn Trường Phúc																DHCQ 15
								04/10-09/10/21	1	1,2,3,4	A4-103												DHCQ 15
												1,2,3,4	A4-103										DHCQ 15
														1,2,3,4	A4-103								DHCQ 15
																1,2,3,4	A4-103						DHCQ 15
																		1,2,3,4					DHCQ 15
																			1,2,3,4				DHCQ 15
								11/10-13/10/21	1	1,2,3,4	A4-103												DHCQ 15
												1,2,3,4	A4-103										DHCQ 15
														1,2,3,4	A4-103								DHCQ 15
120	3DN226 DC	2	Sửa chữa khí cụ điện(121)_08_TH/DHDDT CK15A3	20	20	TH	Nguyễn Thị Thanh Bình	27/09-17/10/21	3													DHDDTCK15A3	DHCQ 15
121	3DN226 DC	2	Sửa chữa khí cụ điện(121)_09_TH/DHDDT CK15A3	20	18	TH	Lê TiếnHiếu	08/11-28/11/21	3	1,2,3,4	A4-103												DHCQ 15
							Lê TiếnHiếu					1,2,3,4	A4-103										DHCQ 15
							Lê TiếnHiếu							1,2,3,4	A4-103								DHCQ 15
							Lê TiếnHiếu									1,2,3,4	A4-103						DHCQ 15
							Lê TiếnHiếu											1,2,3,4	A4-103				DHCQ 15

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
122	3DN226 DC	2	Sửa chữa khí cụ điện(121)_10_TH	22	20	TH	Bùi Xuân Vinh	30/08-05/09/21	1	8,9,10,11	A4-103											DHDDTCK13Z (DCN)	DHCQ 13
							Bùi Xuân Vinh					8,9,10,11	A4-103										DHCQ 13
							Bùi Xuân Vinh							8,9,10,11	A4-103								DHCQ 13
																8,9,10,11	A4-103						DHCQ 13
							Bùi Xuân Vinh											8,9,10,11	A4-103				DHCQ 13
								04/10-09/10/21	1	8,9,10,11													DHCQ 13
												8,9,10,11											DHCQ 13
														8,9,10,11									DHCQ 13
																8,9,10,11							DHCQ 13
																		8,9,10,11					DHCQ 13
								11/10-13/10/21	1											8,9,10,11			DHCQ 13
										8,9,10,11													DHCQ 13
												8,9,10,11											DHCQ 13
														8,9,10,11									DHCQ 13
																							DHCQ 13
123	3DN226 DC	2	Sửa chữa khí cụ điện(121)_11_TH	20	21	TH	Nguyễn Anh Tuấn	08/11-28/11/21	3	13,14,15,16	A4-102											DHDDTCK13Z (HTD)	DHCQ 13
							Nguyễn Anh Tuấn					13,14,15,16	A4-102										DHCQ 13
							Nguyễn Anh Tuấn							13,14,15,16	A4-102								DHCQ 13
							Nguyễn Anh Tuấn									13,14,15,16	A4-102						DHCQ 13
							Nguyễn Anh Tuấn											13,14,15,16	A4-102				DHCQ 13
124	3DN226 DC	2	Sửa chữa khí cụ điện(121)_12_TH	20	21	TH	Nguyễn Thị Thanh Bình	08/11-28/11/21	3	13,14,15,16	A4-103											DHDDTCK13Z (HTD)	DHCQ 13
							Nguyễn Thị Thanh Bình					13,14,15,16	A4-103										DHCQ 13
							Nguyễn Thị Thanh Bình							13,14,15,16	A4-103								DHCQ 13

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
							Nguyễn Thị Thanh Bình									13,14,15,16	A4-103						DHCQ 13
							Nguyễn Thị Thanh Bình											13,14,15,16	A4-103				DHCQ 13
125	3DN226 DC	2	Sửa chữa khí cụ điện(121)_13_TH	22	20	TH	Nguyễn Trường Phúc	30/08-05/09/21	1	13,14,15,16	A4-102												DHCQ 13
							Nguyễn Trường Phúc					13,14,15,16	A4-102										DHCQ 13
							Nguyễn Trường Phúc							13,14,15,16	A4-102								DHCQ 13
							Nguyễn Trường Phúc									13,14,15,16	A4-102						DHCQ 13
							Nguyễn Trường Phúc											13,14,15,16	A4-102				DHCQ 13
							Nguyễn Trường Phúc																DHCQ 13
								04/10-09/10/21	1	13,14,15,16													DHCQ 13
												13,14,15,16											DHCQ 13
														13,14,15,16									DHCQ 13
																13,14,15,16							DHCQ 13
																		13,14,15,16					DHCQ 13
																				13,14,15,16			DHCQ 13
								11/10-13/10/21	1	13,14,15,16													DHCQ 13
												13,14,15,16											DHCQ 13
														13,14,15,16									DHCQ 13
																							DHCQ 13
126	3DN226 DC	2	Sửa chữa khí cụ điện(121)_14_TH	22	22	TH	Nguyễn Thị Thanh Bình	06/09-26/09/21	3	13,14,15,16	A4-103												DHCQ 13
							Nguyễn Thị Thanh Bình					13,14,15,16	A4-103										DHCQ 13
							Nguyễn Thị Thanh Bình							13,14,15,16	A4-103								DHCQ 13
							Nguyễn Thị Thanh Bình									13,14,15,16	A4-103						DHCQ 13
							Nguyễn Thị Thanh Bình											13,14,15,16	A4-103				DHCQ 13

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
127	3DN214 CD	2	Sửa chữa mạch điện máy công nghiệp(121)_04_TH	18	23	TH	Trần Nguyễn Bảo Ninh	06/09-26/09/21	3	8,9,10, 11	A4-201											DHCCKCK15A 1	DHCQ 15
							Trần Nguyễn Bảo Ninh					8,9,10, 11	A4-201										DHCQ 15
							Trần Nguyễn Bảo Ninh							8,9,10, 11	A4-201								DHCQ 15
							Trần Nguyễn Bảo Ninh									8,9,10, 11	A4-201						DHCQ 15
							Trần Nguyễn Bảo Ninh											8,9,10, 11	A4-201				DHCQ 15
128	3DN214 CD	2	Sửa chữa mạch điện máy công nghiệp(121)_05_TH	18	23	TH	Nguyễn Thanh Long	27/09-17/10/21	3	8,9,10, 11	A4-201											DHCCKCK15A 1	DHCQ 15
							Nguyễn Thanh Long					8,9,10, 11	A4-201										DHCQ 15
							Nguyễn Thanh Long							8,9,10, 11	A4-201								DHCQ 15
							Nguyễn Thanh Long									8,9,10, 11	A4-201						DHCQ 15
							Nguyễn Thanh Long											8,9,10, 11	A4-201				DHCQ 15
129	3DN214 CD	2	Sửa chữa mạch điện máy công nghiệp(121)_06_TH/DHCK KCK15A2	18	22	TH	Nguyễn Thanh Long	30/08-05/09/21	1	1,2,3,4	A4-201											DHCCKCK15A 2	DHCQ 15
							Nguyễn Thanh Long					1,2,3,4	A4-201										DHCQ 15
							Nguyễn Thanh Long							1,2,3,4	A4-201								DHCQ 15
							Nguyễn Thanh Long									1,2,3,4	A4-201						DHCQ 15
							Nguyễn Thanh Long											1,2,3,4	A4-201				DHCQ 15
							Nguyễn Thanh Long																DHCQ 15
								04/10-09/10/21	1	1,2,3,4													DHCQ 15
												1,2,3,4											DHCQ 15
														1,2,3,4									DHCQ 15
																1,2,3,4							DHCQ 15
																		1,2,3,4					DHCQ 15

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
								11/10-13/10/21	1	1,2,3,4													DHCQ 15
												1,2,3,4											DHCQ 15
														1,2,3,4									DHCQ 15
130	3DN214 CD	2	Sửa chữa mạch điện máy công nghiệp(121)_07_TH/DHKC KCK15A2	18	23	TH	Nguyễn Thanh Long	08/11-28/11/21	3	1,2,3,4	A4-201											DHKCKCK15A 2	DHCQ 15
							Nguyễn Thanh Long					1,2,3,4	A4-201										DHCQ 15
							Nguyễn Thanh Long							1,2,3,4	A4-201								DHCQ 15
							Nguyễn Thanh Long									1,2,3,4	A4-201						DHCQ 15
							Nguyễn Thanh Long											1,2,3,4	A4-201				DHCQ 15
131	3DN218 DH	2	Sửa chữa máy biến áp và máy điện không đồng bộ(121)_01_TH/DHDDTCK 15A1	20	22	TH	Đào Thị Thu Hậu	27/09-17/10/21	3													DHDDTCK15A 1	DHCQ 15
132	3DN218 DH	2	Sửa chữa máy biến áp và máy điện không đồng bộ(121)_02_TH/DHDDTCK 15A1	20	21	TH	Đào Thị Thu Hậu	18/10-07/11/21	3	8,9,10, 11	A4-302											DHDDTCK15A 1	DHCQ 15
							Đào Thị Thu Hậu					8,9,10, 11	A4-302										DHCQ 15
							Đào Thị Thu Hậu							8,9,10, 11	A4-302								DHCQ 15
							Đào Thị Thu Hậu									8,9,10, 11	A4-302						DHCQ 15
							Đào Thị Thu Hậu											8,9,10, 11	A4-302				DHCQ 15
133	3DN218 DH	2	Sửa chữa máy biến áp và máy điện không đồng bộ(121)_03_TH/DHDDTCK 15A1	20	13	TH	Đào Thị Thu Hậu	30/08-05/09/21	1													DHDDTCK15A 1	DHCQ 15
							Đào Thị Thu Hậu	04/10-09/10/21	1	7,8,9,1 0													DHCQ 15
							Đào Thị Thu Hậu					7,8,9,1 0											DHCQ 15
							Đào Thị Thu Hậu							7,8,9,1 0									DHCQ 15
							Đào Thị Thu Hậu									7,8,9,1 0							DHCQ 15
							Đào Thị Thu Hậu											7,8,9,1 0					DHCQ 15
							Đào Thị Thu Hậu	11/10-17/10/21	1	7,8,9,1 0													DHCQ 15

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
							Đào Thị Thu Hậu	11/10-17/10/21	1			7,8,9,10											DHCQ 15
134	3DN218 DH	2	Sửa chữa máy biến áp và máy điện không đồng bộ(121)_04_TH/DHDDTCK 15A2	20	21	TH	Đào Thị Thu Hậu	08/11-28/11/21	3	8,9,10,11	A4-302											DHDDTCK15A 2	DHCQ 15
							Đào Thị Thu Hậu					8,9,10,11	A4-302										DHCQ 15
							Đào Thị Thu Hậu							8,9,10,11	A4-302								DHCQ 15
							Đào Thị Thu Hậu									8,9,10,11	A4-302						DHCQ 15
							Đào Thị Thu Hậu											8,9,10,11	A4-302				DHCQ 15
							Đào Thị Thu Hậu																DHCQ 15
135	3DN218 DH	2	Sửa chữa máy biến áp và máy điện không đồng bộ(121)_05_TH/DHDDTCK 15A2	20	18	TH	Đào Thị Thu Hậu	06/09-26/09/21	3	8,9,10,11	A4-302											DHDDTCK15A 2	DHCQ 15
							Đào Thị Thu Hậu					8,9,10,11	A4-302										DHCQ 15
							Đào Thị Thu Hậu							8,9,10,11	A4-302								DHCQ 15
							Đào Thị Thu Hậu									8,9,10,11	A4-302						DHCQ 15
							Đào Thị Thu Hậu											8,9,10,11	A4-302				DHCQ 15
							Đào Thị Thu Hậu																DHCQ 15
136	3DN218 DH	2	Sửa chữa máy biến áp và máy điện không đồng bộ(121)_06_TH/DHDDTCK 15A2	20	20	TH	Nguyễn Văn Minh	18/10-07/11/21	3	13,14,15,16	A4-302											DHDDTCK15A 2	DHCQ 15
							Nguyễn Văn Minh					13,14,15,16	A4-302										DHCQ 15
							Nguyễn Văn Minh							13,14,15,16	A4-302								DHCQ 15
							Nguyễn Văn Minh									13,14,15,16	A4-302						DHCQ 15
							Nguyễn Văn Minh											13,14,15,16	A4-302				DHCQ 15
							Nguyễn Văn Minh																DHCQ 15
137	3DN218 DH	2	Sửa chữa máy biến áp và máy điện không đồng bộ(121)_07_TH/DHDDTCK 15A3	20	15	TH	Đào Thị Thu Hậu	06/09-26/09/21	3	1,2,3,4	A4-302											DHDDTCK15A 3	DHCQ 15
							Đào Thị Thu Hậu					1,2,3,4	A4-302										DHCQ 15
							Đào Thị Thu Hậu							1,2,3,4	A4-302								DHCQ 15
							Đào Thị Thu Hậu									1,2,3,4	A4-302						DHCQ 15
							Đào Thị Thu Hậu											1,2,3,4	A4-302				DHCQ 15
							Đào Thị Thu Hậu																DHCQ 15

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
138	3DN218 DH	2	Sửa chữa máy biến áp và máy điện không đồng bộ(121)_08_TH/DHDDTCK15A3	20	20	TH	Nguyễn Văn Minh	27/09-17/10/21	3													DHDDTCK15A3	DHCQ15
139	3DN218 DH	2	Sửa chữa máy biến áp và máy điện không đồng bộ(121)_09_TH/DHDDTCK15A3	20	18	TH	Đào Thị Thu Hậu	18/10-07/11/21	3	1,2,3,4	A4-302											DHDDTCK15A3	DHCQ15
							Đào Thị Thu Hậu					1,2,3,4	A4-302										DHCQ15
							Đào Thị Thu Hậu							1,2,3,4	A4-302								DHCQ15
							Đào Thị Thu Hậu									1,2,3,4	A4-302						DHCQ15
							Đào Thị Thu Hậu											1,2,3,4	A4-302				DHCQ15
140	3DN202 CD	2	Sửa chữa máy điện(121)_01_TH/DHTDHCK15A1	20	22	TH	Phan Sỹ Phương	06/09-26/09/21	3	1,2,3,4	A4-303											DHTDHCK15A1	DHCQ15
							Phan Sỹ Phương					1,2,3,4	A4-303										DHCQ15
							Phan Sỹ Phương							1,2,3,4	A4-303								DHCQ15
							Phan Sỹ Phương									1,2,3,4	A4-303						DHCQ15
							Phan Sỹ Phương											1,2,3,4	A4-303				DHCQ15
141	3DN202 CD	2	Sửa chữa máy điện(121)_02_TH/DHTDHCK15A1	20	22	TH	Phan Sỹ Phương	27/09-17/10/21	3	1,2,3,4	A4-303											DHTDHCK15A1	DHCQ15
							Phan Sỹ Phương					1,2,3,4	A4-303										DHCQ15
							Phan Sỹ Phương							1,2,3,4	A4-303								DHCQ15
							Phan Sỹ Phương									1,2,3,4	A4-303						DHCQ15
							Phan Sỹ Phương											1,2,3,4	A4-303				DHCQ15
142	3DN202 CD	2	Sửa chữa máy điện(121)_03_TH/DHTDHCK15A3	20	19	TH	Phan Sỹ Phương	18/10-07/11/21	3	1,2,3,4	A4-303											DHTDHCK15A3	DHCQ15
							Phan Sỹ Phương					1,2,3,4	A4-303										DHCQ15
							Phan Sỹ Phương							1,2,3,4	A4-303								DHCQ15
							Phan Sỹ Phương									1,2,3,4	A4-303						DHCQ15
							Phan Sỹ Phương											1,2,3,4	A4-303				DHCQ15

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
143	3DN202 CD	2	Sửa chữa máy điện(121)_04_TH/DHTDH CK15A3	20	17	TH	Phan Sỹ Phương	08/11-28/11/21	3	1,2,3,4	A4-303											DHTDHCK15A3	DHCQ 15
							Phan Sỹ Phương					1,2,3,4	A4-303										DHCQ 15
							Phan Sỹ Phương							1,2,3,4	A4-303								DHCQ 15
							Phan Sỹ Phương									1,2,3,4	A4-303						DHCQ 15
							Phan Sỹ Phương											1,2,3,4	A4-303				DHCQ 15
144	3DN202 CD	2	Sửa chữa máy điện(121)_05_TH/DHTDH CK15A2	20	22	TH	Phan Sỹ Phương	30/08-05/09/21	1	8,9,10, 11	A4-303											DHTDHCK15A2	DHCQ 15
							Phan Sỹ Phương					8,9,10, 11	A4-303										DHCQ 15
							Phan Sỹ Phương							8,9,10, 11	A4-303								DHCQ 15
							Phan Sỹ Phương									8,9,10, 11	A4-303						DHCQ 15
							Phan Sỹ Phương											8,9,10, 11	A4-303				DHCQ 15
							Phan Sỹ Phương	04/10-09/10/21	1	8,9,10, 11	A4-303												DHCQ 15
							Phan Sỹ Phương					8,9,10, 11	A4-303										DHCQ 15
							Phan Sỹ Phương							8,9,10, 11	A4-303								DHCQ 15
							Phan Sỹ Phương									8,9,10, 11	A4-303						DHCQ 15
							Phan Sỹ Phương											8,9,10, 11	A4-303				DHCQ 15
145	3DN202 CD	2	Sửa chữa máy điện(121)_06_TH/DHTDH CK15A2	20	20	TH	Nguyễn Văn Minh	18/10-07/11/21	3	8,9,10, 11	A4-303											DHTDHCK15A2	DHCQ 15
							Nguyễn Văn Minh					8,9,10, 11	A4-303										DHCQ 15
							Nguyễn Văn Minh							8,9,10, 11	A4-303								DHCQ 15
							Nguyễn Văn Minh									8,9,10, 11	A4-303						DHCQ 15
							Nguyễn Văn Minh											8,9,10, 11	A4-303				DHCQ 15

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
146	3DN202 CD	2	Sửa chữa máy điện(121)_07_TH/DHTDHCK15A2	20	12	TH	Nguyễn Văn Minh	08/11-28/11/21	3	8,9,10,11	A4-303											DHTDHCK15A2	DHCQ15
							Nguyễn Văn Minh					8,9,10,11	A4-303										DHCQ15
							Nguyễn Văn Minh							8,9,10,11	A4-303								DHCQ15
							Nguyễn Văn Minh									8,9,10,11	A4-303						DHCQ15
							Nguyễn Văn Minh											8,9,10,11	A4-303				DHCQ15
147	3DN223 DH	2	Thiết kế hệ thống nhúng(121)_01_TH/DHTDHCK14A2	20	24	TH	Bùi Trung Tuyển	08/11-28/11/21	3	1,2,3,4	A3-209											DHTDHCK14A2	DHCQ14
							Bùi Trung Tuyển					1,2,3,4	A3-209										DHCQ14
							Bùi Trung Tuyển							1,2,3,4	A3-209								DHCQ14
							Bùi Trung Tuyển									1,2,3,4	A3-209						DHCQ14
							Bùi Trung Tuyển											1,2,3,4	A3-209				DHCQ14
148	3DN223 DH	2	Thiết kế hệ thống nhúng(121)_02_TH/DHTDHCK14A2	20	24	TH	Bùi Trung Tuyển	18/10-07/11/21	3	1,2,3,4	A3-209											DHTDHCK14A2	DHCQ14
							Bùi Trung Tuyển					1,2,3,4	A3-209										DHCQ14
							Bùi Trung Tuyển							1,2,3,4	A3-209								DHCQ14
							Bùi Trung Tuyển									1,2,3,4	A3-209						DHCQ14
							Bùi Trung Tuyển											1,2,3,4	A3-209				DHCQ14
149	3DN223 DH	2	Thiết kế hệ thống nhúng(121)_03_TH/DHTDHCK14A1	19	24	TH	Bùi Trung Tuyển	08/11-28/11/21	3	8,9,10,11	A3-209											DHTDHCK14A1	DHCQ14
							Bùi Trung Tuyển					8,9,10,11	A3-209										DHCQ14
							Bùi Trung Tuyển							8,9,10,11	A3-209								DHCQ14
							Bùi Trung Tuyển									8,9,10,11	A3-209						DHCQ14
							Bùi Trung Tuyển											8,9,10,11	A3-209				DHCQ14
			Thiết kế hệ thống nhúng				Bùi Trung Tuyển			8,9,10,11	A3-209												DHCQ14
							Bùi Trung Tuyển					8,9,10,11	A3-209										DHCQ14

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
150	3DN223 DH	2	Tính kế hệ thống nhúng(121)_04_TH/DHTD HCK14A1	19	24	TH	Bùi Trung Tuyển	18/10-07/11/21	3					8,9,10, 11	A3-209							DHTDHCK14A1	DHCQ 14
							Bùi Trung Tuyển									8,9,10, 11	A3-209						DHCQ 14
							Bùi Trung Tuyển											8,9,10, 11	A3-209				DHCQ 14
151	3DN245 DH	7	Tiểu luận tốt nghiệp(121)_01_DA	47	46	DA		09/08-26/09/21	7					6								DHTDHCK13B	DHCQ 13
152	3DN231 DH	7	Tiểu luận tốt nghiệp(121)_01_DA_13C	27	27	DA		09/08-26/09/21	7			12										DHDDTCK13Z (HTD)	DHCQ 13
153	3DN245 DH	7	Tiểu luận tốt nghiệp(121)_02_DA	16	12	DA		27/09-21/11/21	8			6										DHTDHCK13A	DHCQ 13
154	3DN231 DH	7	Tiểu luận tốt nghiệp(121)_02_DA_104	23	23	DA		09/08-26/09/21	7			6										DHDDTCK13Z (DCN)	DHCQ 13
155	3DN231 DH	7	Tiểu luận tốt nghiệp(121)_03_DA_17D	67	57	DA		27/09-21/11/21	8			6										DHDDTCK13Z (DCN)	DHCQ 13
156	3DN148 DH	2	Tính toán thiết kế hệ thống bảo vệ (+ Bài tập dài)(121)_01/DHDDTCK14 (DCN)	55	56	LT		09/08-28/11/21	16	3,4	A2.411											DHDDTCK14 (DCN)	DHCQ 14
157	3DN148 DH	2	Tính toán thiết kế hệ thống bảo vệ (+ Bài tập dài)(121)_02/DHDDTCK14 (HTD)	55	58	LT	Võ Tiến Dũng	09/08-28/11/21	16			7,8	A2.409 (QPMC)									DHDDTCK14 (HTD)	DHCQ 14
158	3DN102 CD	2	Vật liệu điện, điện tử(121)_01/DHDDTCK15A1	60	47	LT	Dương Thị TuyếtMai	09/08-28/11/21	16	3,4	A2.309											DHDDTCK15A1	DHCQ 15
159	3DN102 CD	2	Vật liệu điện, điện tử(121)_02/DHDDTCK15A2	60	52	LT	Dương Thị TuyếtMai	09/08-28/11/21	16								1,2	A2.309				DHDDTCK15A2	DHCQ 15
160	3DN102 CD	2	Vật liệu điện, điện tử(121)_03/DHTDHCK15A1	45	40	LT	Dương Thị TuyếtMai	09/08-28/11/21	16			7,8	A2.106									DHTDHCK15A1	DHCQ 15
161	3DN102 CD	2	Vật liệu điện, điện tử(121)_04/DHTDHCK15A3	40	29	LT	Đặng Quang Khoa	09/08-28/11/21	16							7,8	A2.101					DHTDHCK15A3	DHCQ 15
162	3DN102 CD	2	Vật liệu điện, điện tử(121)_05/DHDDTCK15A3	60	52	LT	Đặng Quang Khoa	09/08-28/11/21	16			10,11	A2.204									DHDDTCK15A3	DHCQ 15
163	3DN102 CD	2	Vật liệu điện, điện tử(121)_06/DHTDHCK15A2	60	41	LT	Đặng Quang Khoa	09/08-28/11/21	16					1,2	A2.204							DHTDHCK15A2	DHCQ 15
										1,2,3,4	X.SC.T BCK A												CDCQ 46

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
1	3DL208 DC	2	Bảo dưỡng hệ thống thủy lực – khí nén(121)_01	11	16	LT		06/09-26/09/21	3			1,2,3,4	X.SC.T BCK A									CDKCKCK46A 1	CDCQ 46
														1,2,3,4	X.SC.T BCK A								CDCQ 46
																1,2,3,4	X.SC.T BCK A						CDCQ 46
																		1,2,3,4	X.SC.T BCK A				CDCQ 46
2	3DL213 DC	2	Bảo dưỡng máy CNC(121)_01	11	13	TH		27/09-17/10/21	3	1,2,3,4	X.SC.T BCK A											CDKCKCK46A 1	CDCQ 46
												1,2,3,4	X.SC.T BCK A										CDCQ 46
														1,2,3,4	X.SC.T BCK A								CDCQ 46
																1,2,3,4	X.SC.T BCK A						CDCQ 46
																		1,2,3,4	X.SC.T BCK A				CDCQ 46
3	3DL203 DC	4	Bảo trì động cơ đốt trong(121)_11_TH	20	18	TH		06/09-17/10/21	6	13,14,15,16	X.DON G CO-1C											CDOTOCK46A 2	CDCQ 46
												13,14,15,16	X.DON G CO-1C										CDCQ 46
														13,14,15,16	X.DON G CO-1C								CDCQ 46
																13,14,15,16	X.DON G CO-1C						CDCQ 46
																		13,14,15,16	X.DON G CO-1C				CDCQ 46
4	3DL203 DC	4	Bảo trì động cơ đốt trong(121)_12_TH	20	20	TH		06/09-17/10/21	6	1,2,3,4	X.DON G CO-1A											CDOTOCK46A 2	CDCQ 46
												1,2,3,4	X.DON G CO-1A										CDCQ 46
														1,2,3,4	X.DON G CO-1A								CDCQ 46
																1,2,3,4	X.DON G CO-1A						CDCQ 46
																		1,2,3,4	X.DON G CO-1A				CDCQ 46
										13,14,15,16	X.DON G CO-1C												CDCQ 46
												13,14,15,16	X.DON G CO-1C										CDCQ 46

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
5	3DL203 DC	4	Bảo trì động cơ đốt trong(121)_13_TH	20	20	TH		18/10-28/11/21	6					13,14,15,16	X.DON G CO-1C							CDOTOCK46A1	CDCQ46
																13,14,15,16	X.DON G CO-1C						CDCQ46
																	13,14,15,16	X.DON G CO-1C					CDCQ46
6	3DL203 DC	4	Bảo trì động cơ đốt trong(121)_14_TH	20	13	TH		18/10-28/11/21	6	13,14,15,16	X.DON G CO-1B											CDOTOCK46A1	CDCQ46
												13,14,15,16	X.DON G CO-1B										CDCQ46
														13,14,15,16	X.DON G CO-1B								CDCQ46
																13,14,15,16	X.DON G CO-1B						CDCQ46
																	13,14,15,16	X.DON G CO-1B					CDCQ46
7	3DL204 DC	4	Bảo trì hệ thống gầm ô tô(121)_06_TH	20	20	TH		06/09-17/10/21	6	13,14,15,16	X.DON G CO-1B											CDOTOCK46A2	CDCQ46
												13,14,15,16	X.DON G CO-1B										CDCQ46
														13,14,15,16	X.DON G CO-1B								CDCQ46
																13,14,15,16	X.DON G CO-1B						CDCQ46
																	13,14,15,16	X.DON G CO-1B					CDCQ46
8	3DL204 DC	4	Bảo trì hệ thống gầm ô tô(121)_07_TH	20	20	TH		06/09-17/10/21	6	13,14,15,16	X.DON G CO-1A											CDOTOCK46A2	CDCQ46
												13,14,15,16	X.DON G CO-1A										CDCQ46
														13,14,15,16	X.DON G CO-1A								CDCQ46
																13,14,15,16	X.DON G CO-1A						CDCQ46
																	13,14,15,16	X.DON G CO-1A					CDCQ46
9	3DL204 DC	4	Bảo trì hệ thống gầm ô tô(121)_08_TH	20	20	TH		18/10-28/11/21	6	7,8,9,10	X.DON G CO-1A											CDOTOCK46A1	CDCQ46
												7,8,9,10	X.DON G CO-1A										CDCQ46
														7,8,9,10	X.DON G CO-1A								CDCQ46

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa						
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học								
																7,8,9,10	X.LĐ.N G CO-1A						CDCQ 46						
																		7,8,9,10	X.LĐ.N G CO-1A				CDCQ 46						
10	3DL204 DC	4	Bảo trì hệ thống gầm ô tô(121)_09_TH	20	14	TH		18/10-28/11/21	6	13,14,15,16	X.LĐ.N G CO-1A												CDCQ 46						
												13,14,15,16	X.LĐ.N G CO-1A													CDCQ 46			
														13,14,15,16	X.LĐ.N G CO-1A												CDCQ 46		
																13,14,15,16	X.LĐ.N G CO-1A											CDCQ 46	
																		13,14,15,16	X.LĐ.N G CO-1A										
																		13,14,15,16	X.LĐ.N G CO-1A				CDCQ 46						
11	3DL217 DC	4	Chẩn đoán thiết bị cơ khí(121)_01_TH/CDKCKC K45A1	16	15	TH		18/10-28/11/21	6	7,8,9,10	X.LĐ.T BCK A												CDCQ 45						
												7,8,9,10	X.LĐ.T BCK A														CDCQ 45		
														7,8,9,10	X.LĐ.T BCK A													CDCQ 45	
																7,8,9,10	X.LĐ.T BCK A											CDCQ 45	
																		7,8,9,10	X.LĐ.T BCK A										CDCQ 45
																		7,8,9,10	X.LĐ.T BCK A				CDCQ 45						
12	3DL102 DC	3	Công nghệ chẩn đoán và sửa chữa TBCK + PTL(121)_01	11	10	LT	Nguyễn Thanh Bình	09/08-28/11/21	16							7,8,9	A2.102					CDKCKCK46A 1	CDCQ 46						
13	3DL201 DC	2	Gia công hỗ trợ trong sửa chữa ô tô(121)_1	20	19	LT		06/12-19/12/21	2	7,8,9,10	X.SC.T BCK D												CDCQ 47						
												7,8,9,10	X.SC.T BCK D													CDCQ 47			
														7,8,9,10	X.SC.T BCK D												CDCQ 47		
														7,8,9,10	X.SC.T BCK D												CDCQ 47		
																				7,8,9,10	X.SC.T BCK D						CDCQ 47		
																								7,8,9,10	X.SC.TBCK D				CDCQ 47
																													CDCQ 47
																													CDCQ 47
																						CDCQ 47							
																						CDCQ 47							
																						CDCQ 47							
																						CDCQ 47							
																						CDCQ 47							
																						CDCQ 47							
																						CDCQ 47							
																						CDCQ 47							
																						CDCQ 47							
																						CDCQ 47							
																						CDCQ 47							
																						CDCQ 47							
																						CDCQ 47							
																						CDCQ 47							
																						CDCQ 47							
																						CDCQ 47							
																						CDCQ 47							
																						CDCQ 47							
																						CDCQ 47							
																						CDCQ 47							
																						CDCQ 47							
																						CDCQ 47							
																						CDCQ 47							
																						CDCQ 47							
																						CDCQ 47							
																						CDCQ 47							
																						CDCQ 47							
																						CDCQ 47							
																						CDCQ 47							
																						CDCQ 47							
																						CDCQ 47							
																						CDCQ 47							
																						CDCQ 47							
																						CDCQ 47							
																						CDCQ 47							
																						CDCQ 47							
																						CDCQ 47							
																						CDCQ 47							
																						CDCQ 47							
																						CDCQ 47							
																						CDCQ 47							
																						CDCQ 47							
																						CDCQ 47							

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
														7,8,9,10	X.SC.T BCK D								CDCQ 47
14	3DL201 DC	2	Gia công hỗ trợ trong sửa chữa ô tô(121)_2	20	18	LT		20/12-26/12/21	1							7,8,9,10	X.SC.T BCK E						CDCQ 47
																		7,8,9,10	X.SC.T BCK E				CDCQ 47
																				7,8,9,10	X.SC. TBCK E		CDCQ 47
								27/12-09/01/22	2	7,8,9,10	X.SC.T BCK E												CDCQ 47
												7,8,9,10	X.SC.T BCK E										CDCQ 47
														7,8,9,10	X.SC.T BCK E								CDCQ 47
																7,8,9,10	X.SC.T BCK E						CDCQ 47
																		7,8,9,10	X.SC. TBCK E				CDCQ 47
15	3DL201 DC	2	Gia công hỗ trợ trong sửa chữa ô tô(121)_3	20	20	LT		20/12-26/12/21	1							7,8,9,10	X.SC.T BCK D						CDCQ 47
																		7,8,9,10	X.SC.T BCK D				CDCQ 47
																				7,8,9,10	X.SC. TBCK D		CDCQ 47
								27/12-09/01/22	2	7,8,9,10	X.SC.T BCK D												CDCQ 47
												7,8,9,10	X.SC.T BCK D										CDCQ 47
														7,8,9,10	X.SC.T BCK D								CDCQ 47
																7,8,9,10	X.SC.T BCK D						CDCQ 47
																		7,8,9,10	X.SC.T BCK D				CDCQ 47
																				7,8,9,10	X.SC. TBCK D		CDCQ 47
								20/12-26/12/21	1							13,14,15,16	X.SC.T BCK E						CDCQ 47
																		13,14,15,16	X.SC.T BCK E				CDCQ 47

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
16	3DL201 DC	2	Gia công hỗ trợ trong sửa chữa ô tô(121)_4	20	19	LT														13,14,15,16	X.SC.TBCK E		CDCQ 47
								27/12-09/01/22	2	13,14,15,16	X.SC.TBCK E												CDCQ 47
												13,14,15,16	X.SC.TBCK E										CDCQ 47
														13,14,15,16	X.SC.TBCK E								CDCQ 47
																13,14,15,16	X.SC.TBCK E						CDCQ 47
																		13,14,15,16	X.SC.TBCK E				CDCQ 47
																				13,14,15,16	X.SC.TBCK E		CDCQ 47
17	3DL201 DC	2	Gia công hỗ trợ trong sửa chữa ô tô(121)_5	20	20	LT		20/12-26/12/21	1							13,14,15,16	X.SC.TBCK D						CDCQ 47
																		13,14,15,16	X.SC.TBCK D				CDCQ 47
																				13,14,15,16	X.SC.TBCK D		CDCQ 47
								27/12-09/01/22	2	13,14,15,16	X.SC.TBCK D												CDCQ 47
												13,14,15,16	X.SC.TBCK D										CDCQ 47
														13,14,15,16	X.SC.TBCK D								CDCQ 47
																13,14,15,16	X.SC.TBCK D						CDCQ 47
																		13,14,15,16	X.SC.TBCK D				CDCQ 47
																				13,14,15,16	X.SC.TBCK D		CDCQ 47
18	3DL211 DC	2	Gia công nguội(121)_01_TH	20	14	TH		20/12-26/12/21	1							1,2,3,4	X.NGU OI CB R						CDCQ 47
																		1,2,3,4	X.NGU OI CB R				CDCQ 47
																				1,2,3,4	X.NGU OI CB R		CDCQ 47
										1,2,3,4	X.NGU OI CB R												CDCQ 47
												1,2,3,4	X.NGU OI CB R										CDCQ 47

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
								27/12-09/01/22	2					1,2,3,4	X.INGU OI CB P								
																1,2,3,4	X.INGU OI CB P						
																		1,2,3,4	X.INGU OI CB P				
																				1,2,3,4	X.ING UOI CB P		
19	3DL101 CD	3	Kỹ thuật chung ô tô và công nghệ sửa chữa + Bài tập (121)_01	60	50	LT	Nguyễn Văn Đại	09/08-05/12/21	17	1,2,3	A2.404											CDOTOCK47A 1	CDCQ 47
20	3DL101 CD	3	Kỹ thuật chung ô tô và công nghệ sửa chữa + Bài tập (121)_02	60	61	LT	Nguyễn Văn Đại	16/08-05/12/21	16	7,8,9	A2.310											CDOTOCK47A 2	CDCQ 47
21	3DL216 DC	2	Sửa các cơ cấu và bộ phận máy điện hình 1(121)_01	11	14	LT		18/10-07/11/21	3	1,2,3,4	X.SC.T BCK A											CDKCKCK46A 1	CDCQ 46
												1,2,3,4	X.SC.T BCK A										CDCQ 46
														1,2,3,4	X.SC.T BCK A								CDCQ 46
																1,2,3,4	X.SC.T BCK A						CDCQ 46
																		1,2,3,4	X.SC.T BCK A				CDCQ 46
22	3DL218 DC	2	Sửa chữa máy có chuyển động chính là chuyển động quay(121)_01_TH/CDKCKCK45A1	16	14	TH		06/09-26/09/21	3	7,8,9,10	X.SC.T BCK A											CDKCKCK45A 1	CDCQ 45
												7,8,9,10	X.SC.T BCK A										CDCQ 45
														7,8,9,10	X.SC.T BCK A								CDCQ 45
																7,8,9,10	X.SC.T BCK A						CDCQ 45
																		7,8,9,10	X.SC.T BCK A				CDCQ 45
23	3DL220 DC	2	Sửa chữa máy nâng chuyển(121)_01_TH/CDKCKCK45A1	16	16	TH		29/11-19/12/21	3	7,8,9,10	X.SC.T BCK A											CDKCKCK45A 1	CDCQ 45
												7,8,9,10	X.SC.T BCK A										CDCQ 45
														7,8,9,10	X.SC.T BCK A								CDCQ 45
																7,8,9,10	X.SC.T BCK A						CDCQ 45
																		7,8,9,10	X.SC.T BCK A				CDCQ 45

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
1	3DL140 DH	2	An toàn và môi trường công nghiệp(121)_01/DHKCKCK14A1	42	45	LT	Phạm Huy Bằng	09/08-28/11/21	16	7,8	A2.103											DHKCKCK14A1	DHCQ14
2	3DL208 DC	2	Bảo dưỡng hệ thống thủy lực – khí nén(121)_01_TH/DHKCKCK14A1	21	23	TH		06/09-26/09/21	3	1,2,3,4	X.SC.T L-KN A											DHKCKCK14A1	DHCQ14
												1,2,3,4	X.SC.T L-KN A										DHCQ14
														1,2,3,4	X.SC.T L-KN A								DHCQ14
																1,2,3,4	X.SC.T L-KN A						DHCQ14
																		1,2,3,4	X.SC.T L-KN A				DHCQ14
3	3DL208 DC	2	Bảo dưỡng hệ thống thủy lực – khí nén(121)_02_TH/DHKCKCK14A1	21	22	TH		27/09-17/10/21	3	1,2,3,4	X.SC.T L-KN A											DHKCKCK14A1	DHCQ14
												1,2,3,4	X.SC.T L-KN A										DHCQ14
														1,2,3,4	X.SC.T L-KN A								DHCQ14
																1,2,3,4	X.SC.T L-KN A						DHCQ14
																		1,2,3,4	X.SC.T L-KN A				DHCQ14
4	3DL201 DH	2	Bảo dưỡng, sửa chữa dây chuyền sản xuất công nghiệp(121)_01_TH/DHKCKCK14A1	21	20	TH		06/09-26/09/21	3	1,2,3,4	X.SC.T BCK D											DHKCKCK14A1	DHCQ14
												1,2,3,4	X.SC.T BCK D										DHCQ14
														1,2,3,4	X.SC.T BCK D								DHCQ14

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
																1,2,3,4	X.SC.T BCK D						DHCQ 14
																		1,2,3,4	X.SC.T BCK D				DHCQ 14
5	3DL201 DH	2	Bảo dưỡng, sửa chữa dây chuyền sản xuất công nghiệp(121)_02_TH/DHKC KCK14A1	21	23	TH		27/09-17/10/21	3	1,2,3,4	X.SC.T BCK D												DHCQ 14
												1,2,3,4	X.SC.T BCK D										DHCQ 14
														1,2,3,4	X.SC.T BCK D								DHCQ 14
																1,2,3,4	X.SC.T BCK D						DHCQ 14
																		1,2,3,4	X.SC.T BCK D				DHCQ 14
6	3DL203 DC	4	Bảo trì động cơ đốt trong(121)_01_TH/DHOTO CK15A1	19	19	TH		18/10-27/11/21	6	1,2,3,4	X.DON G CO-1A												DHCQ 15
												1,2,3,4	X.DON G CO-1A										DHCQ 15
														1,2,3,4	X.DON G CO-1A								DHCQ 15
																1,2,3,4	X.DON G CO-1A						DHCQ 15
																		1,2,3,4	X.DON G CO-1A				DHCQ 15
										1,2,3,4	X.GA M OTO-1B												DHCQ 15

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
7	3DL203 DC	4	Bảo trì động cơ đốt trong(121)_02_TH/DHOTO CK15A1	19	19	TH		06/09-17/10/21	6			1,2,3,4	X.GA M OTO-1B									DHOTOCK15A1	DHCQ 15
														1,2,3,4	X.GA M OTO-1B								DHCQ 15
																1,2,3,4	X.GA M OTO-1B						DHCQ 15
																		1,2,3,4	X.GA M OTO-1B				DHCQ 15
8	3DL203 DC	4	Bảo trì động cơ đốt trong(121)_03_TH/DHOTO CK15A1	19	19	TH		06/09-17/10/21	6	1,2,3,4	X.GA M OTO-1A											DHOTOCK15A1	DHCQ 15
												1,2,3,4	X.GA M OTO-1A										DHCQ 15
														1,2,3,4	X.GA M OTO-1A								DHCQ 15
																1,2,3,4	X.GA M OTO-1A						DHCQ 15
																		1,2,3,4	X.GA M OTO-1A				DHCQ 15
										1,2,3,4	VH.ĐC DIEZE N-1B												DHCQ 15
												1,2,3,4	VH.ĐC DIEZE N-1B										DHCQ 15

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
9	3DL203 DC	4	Bảo trì động cơ đốt trong(121)_04_TH	20	20	TH		06/09-17/10/21	6					1,2,3,4	VH.ĐC DIEZE N-1B							DHOTOCK15A 2	DHCQ 15
																1,2,3,4	VH.ĐC DIEZE N-1B						DHCQ 15
																		1,2,3,4	VH.ĐC DIEZE N-1B				DHCQ 15
10	3DL203 DC	4	Bảo trì động cơ đốt trong(121)_05_TH	20	20	TH		06/09-17/10/21	6	1,2,3,4	VH.ĐC DIEZE N-1A											DHOTOCK15A 2	DHCQ 15
												1,2,3,4	VH.ĐC DIEZE N-1A										DHCQ 15
														1,2,3,4	VH.ĐC DIEZE N-1A								DHCQ 15
																1,2,3,4	VH.ĐC DIEZE N-1A						DHCQ 15
11	3DL203 DC	4	Bảo trì động cơ đốt trong(121)_06_TH	20	20	TH		18/10-28/11/21	6	1,2,3,4	VH.ĐC DIEZE N-1A											DHOTOCK15A 2	DHCQ 15
												1,2,3,4	VH.ĐC DIEZE N-1A										DHCQ 15
														1,2,3,4	VH.ĐC DIEZE N-1A								DHCQ 15

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
																1,2,3,4	VH.ĐC DIEZE N-1A						DHCQ 15
																		1,2,3,4	VH.ĐC DIEZE N-1A				DHCQ 15
12	3DL203 DC	4	Bảo trì động cơ đốt trong(121)_07_TH	20	20	TH		18/10-28/11/21	6	1,2,3,4	VH.ĐC XANG-1A												DHCQ 15
												1,2,3,4	VH.ĐC XANG-1A										DHCQ 15
														1,2,3,4	VH.ĐC XANG-1A								DHCQ 15
														1,2,3,4	VH.ĐC XANG-1A								DHCQ 15
																1,2,3,4	VH.ĐC XANG-1A						DHCQ 15
																		1,2,3,4	VH.ĐC XANG-1A				DHCQ 15
13	3DL203 DC	4	Bảo trì động cơ đốt trong(121)_08_TH	20	20	TH		18/10-28/11/21	6	1,2,3,4	VH.ĐC DIEZE N-1C												DHCQ 15
												1,2,3,4	VH.ĐC DIEZE N-1C										DHCQ 15
														1,2,3,4	VH.ĐC DIEZE N-1C								DHCQ 15
																1,2,3,4	VH.ĐC DIEZE N-1C						DHCQ 15
																1,2,3,4	VH.ĐC DIEZE N-1C						DHCQ 15

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
																		1,2,3,4	VH.ĐC DIEZE N-1C				DHCQ 15
14	3DL203 DC	4	Bảo trì động cơ đốt trong(121)_09_TH	20	20	TH		18/10-28/11/21	6	1,2,3,4	VH.ĐC DIEZE N-1B											DHOTOCK15A 6	DHCQ 15
												1,2,3,4	VH.ĐC DIEZE N-1B										DHCQ 15
														1,2,3,4	VH.ĐC DIEZE N-1B								DHCQ 15
																							DHCQ 15
																1,2,3,4	VH.ĐC DIEZE N-1B						DHCQ 15
																		1,2,3,4	VH.ĐC DIEZE N-1B				DHCQ 15
15	3DL203 DC	4	Bảo trì động cơ đốt trong(121)_10_TH	20	20	TH		18/10-28/11/21	6	1,2,3,4	VH.ĐC XANG-1B											DHOTOCK15A 8	DHCQ 15
												1,2,3,4	VH.ĐC XANG-1B										DHCQ 15
														1,2,3,4	VH.ĐC XANG-1B								DHCQ 15
																		1,2,3,4	VH.ĐC XANG-1B				DHCQ 15
																							DHCQ 15
																		1,2,3,4	VH.ĐC XANG-1B				DHCQ 15

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
16	3DL203 DC	4	Bảo trì động cơ đốt trong(121)_15_TH	22	16	TH		06/09-17/10/21	6	8,9,10, 11	VH.ĐC DIEZE N-1A											DHOTOCK15A 3	DHCQ 15
												8,9,10, 11	VH.ĐC DIEZE N-1A										DHCQ 15
														8,9,10, 11	VH.ĐC DIEZE N-1A								DHCQ 15
																8,9,10, 11	VH.ĐC DIEZE N-1A						DHCQ 15
																		8,9,10, 11	VH.ĐC DIEZE N-1A				DHCQ 15
																							DHCQ 15
17	3DL203 DC	4	Bảo trì động cơ đốt trong(121)_16_TH	22	18	TH		06/09-17/10/21	6	8,9,10, 11	VH.ĐC DIEZE N-1B											DHOTOCK15A 3	DHCQ 15
												8,9,10, 11	VH.ĐC DIEZE N-1B										DHCQ 15
														8,9,10, 11	VH.ĐC DIEZE N-1B								DHCQ 15
																8,9,10, 11	VH.ĐC DIEZE N-1B						DHCQ 15
																		8,9,10, 11	VH.ĐC DIEZE N-1B				DHCQ 15
																							DHCQ 15
										8,9,10, 11	VH.ĐC DIEZE N-1C												DHCQ 15

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
18	3DL203 DC	4	Bảo trì động cơ đốt trong(121)_17_TH	22	16	TH		06/09-17/10/21	6			8,9,10, 11	VH.ĐC DIEZE N-1C									DHOTOCK15A 3	DHCQ 15
														8,9,10, 11	VH.ĐC DIEZE N-1C								DHCQ 15
																8,9,10, 11	VH.ĐC DIEZE N-1C						DHCQ 15
																		8,9,10, 11	VH.ĐC DIEZE N-1C				DHCQ 15
19	3DL203 DC	4	Bảo trì động cơ đốt trong(121)_18_TH	22	19	TH		06/09-17/10/21	6	8,9,10, 11	VH.ĐC XANG-1A											DHOTOCK15A 4	DHCQ 15
												8,9,10, 11	VH.ĐC XANG-1A										DHCQ 15
														8,9,10, 11	VH.ĐC XANG-1A								DHCQ 15
																8,9,10, 11	VH.ĐC XANG-1A						DHCQ 15
																		8,9,10, 11	VH.ĐC XANG-1A				DHCQ 15
										8,9,10, 11	VH.ĐC XANG-1B												DHCQ 15
												8,9,10, 11	VH.ĐC XANG-1B										DHCQ 15

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
20	3DL203 DC	4	Bảo trì động cơ đốt trong(121)_19_TH	22	20	TH		06/09-17/10/21	6					8,9,10, 11	VH.ĐC XANG-1B							DHOTOCK15A 4	DHCQ 15
																8,9,10, 11	VH.ĐC XANG-1B						DHCQ 15
																		8,9,10, 11	VH.ĐC XANG-1B				DHCQ 15
21	3DL203 DC	4	Bảo trì động cơ đốt trong(121)_20_TH	22	14	TH		18/10-28/11/21	6	8,9,10, 11	VH.ĐC XANG-1A											DHOTOCK15A 4	DHCQ 15
												8,9,10, 11	VH.ĐC XANG-1A										DHCQ 15
														8,9,10, 11	VH.ĐC XANG-1A								DHCQ 15
																8,9,10, 11	VH.ĐC XANG-1A						DHCQ 15
																		8,9,10, 11	VH.ĐC XANG-1A				DHCQ 15
																							DHCQ 15
22	3DL203 DC	4	Bảo trì động cơ đốt trong(121)_21_TH	22	21	TH		18/10-28/11/21	6	8,9,10, 11	VH.ĐC DIEZE N-1A											DHOTOCK15A 5	DHCQ 15
												8,9,10, 11	VH.ĐC DIEZE N-1A										DHCQ 15
														8,9,10, 11	VH.ĐC DIEZE N-1A								DHCQ 15

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
																8,9,10, 11	VH.ĐC DIEZE N-1A						DHCQ 15
																		8,9,10, 11	VH.ĐC DIEZE N-1A				DHCQ 15
23	3DL203 DC	4	Bảo trì động cơ đốt trong(121)_23_TH	22	14	TH		18/10-28/11/21	6	8,9,10, 11	VH.ĐC DIEZE N-1C												DHCQ 15
												8,9,10, 11	VH.ĐC DIEZE N-1C										DHCQ 15
														8,9,10, 11	VH.ĐC DIEZE N-1C								DHCQ 15
																							DHCQ 15
																8,9,10, 11	VH.ĐC DIEZE N-1C						DHCQ 15
																		8,9,10, 11	VH.ĐC DIEZE N-1C				DHCQ 15
24	3DL203 DC	4	Bảo trì động cơ đốt trong(121)_24_TH	22	15	TH		18/10-28/11/21	6	8,9,10, 11	VH.ĐC XANG-1C												DHCQ 15
												8,9,10, 11	VH.ĐC XANG-1C										DHCQ 15
														8,9,10, 11	VH.ĐC XANG-1C								DHCQ 15
																8,9,10, 11	VH.ĐC XANG-1C						DHCQ 15

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
																		8,9,10,11	VH.ĐC XANG-1C				DHCQ 15
25	3DL204 DC	4	Bảo trì hệ thống gầm ô tô(121)_01_TH	18	18	TH		11/10-20/11/21	6	1,2,3,4	X.DON G CO-1B											DHOTOCK14A 2	DHCQ 14
												1,2,3,4	X.DON G CO-1B										DHCQ 14
														1,2,3,4	X.DON G CO-1B								DHCQ 14
																1,2,3,4	X.DON G CO-1B						DHCQ 14
																		1,2,3,4	X.DON G CO-1B				DHCQ 14
26	3DL204 DC	4	Bảo trì hệ thống gầm ô tô(121)_02_TH	18	18	TH		30/08-10/10/21	6	1,2,3,4	X.DON G CO-1C											DHOTOCK14A 2	DHCQ 14
												1,2,3,4	X.DON G CO-1C										DHCQ 14
														1,2,3,4	X.DON G CO-1C								DHCQ 14
																1,2,3,4	X.DON G CO-1C						DHCQ 14
																		1,2,3,4	X.DON G CO-1C				DHCQ 14

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
27	3DL204 DC	4	Bảo trì hệ thống gầm ô tô(121)_03_TH	22	18	TH		11/10-21/11/21	6	7,8,9,10												DHOTOCK14A5	DHCQ14
												7,8,9,10											DHCQ14
														7,8,9,10									DHCQ14
																7,8,9,10							DHCQ14
																		7,8,9,10					DHCQ14
																							DHCQ14
28	3DL204 DC	4	Bảo trì hệ thống gầm ô tô(121)_04_TH	22	18	TH		30/08-10/10/21	6	7,8,9,10												DHOTOCK14A5	DHCQ14
												7,8,9,10											DHCQ14
														7,8,9,10									DHCQ14
																7,8,9,10							DHCQ14
																		7,8,9,10					DHCQ14
																							DHCQ14
29	3DL204 DC	4	Bảo trì hệ thống gầm ô tô(121)_05_TH	18	18	TH		11/10-21/11/21	6	1,2,3,4	X.DON G CO-1C											DHOTOCK14A2	DHCQ14
												1,2,3,4	X.DON G CO-1C										DHCQ14
														1,2,3,4	X.DON G CO-1C								DHCQ14
																1,2,3,4	X.DON G CO-1C						DHCQ14
																		1,2,3,4	X.DON G CO-1C				DHCQ14
																							DHCQ14
										7,8,9,10	X.DIE N OTO-1C												DHCQ14

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
30	3DL205 DC	4	Bảo trì hệ thống trang bị điện ô tô(121)_01_TH	22	22	TH		30/08-10/10/21	6			7,8,9,10	X.DIE N OTO-1C									DHOTOCK14A3	DHCQ14
														7,8,9,10	X.DIE N OTO-1C								DHCQ14
																7,8,9,10	X.DIE N OTO-1C						DHCQ14
																		7,8,9,10	X.DIE N OTO-1C				DHCQ14
31	3DL205 DC	4	Bảo trì hệ thống trang bị điện ô tô(121)_02_TH	22	22	TH		30/08-10/10/21	6	7,8,9,10	X.DIE N OTO-1B											DHOTOCK14A3	DHCQ14
												7,8,9,10	X.DIE N OTO-1B										DHCQ14
														7,8,9,10	X.DIE N OTO-1B								DHCQ14
																7,8,9,10	X.DIE N OTO-1B						DHCQ14
																		7,8,9,10	X.DIE N OTO-1B				DHCQ14
																							DHCQ14
										1,2,3,4	X.DIE N OTO-1C												DHCQ14
												1,2,3,4	X.DIE N OTO-1C										DHCQ14

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
32	3DL205 DC	4	Bảo trì hệ thống trang bị điện ô tô(121)_01_TH1	21	21	TH		30/08-10/10/21	6					1,2,3,4	X.DIE N OTO-1C							DHOTOCK14A 1	DHCQ 14
																1,2,3,4	X.DIE N OTO-1C						DHCQ 14
																		1,2,3,4	X.DIE N OTO-1C				DHCQ 14
33	3DL205 DC	4	Bảo trì hệ thống trang bị điện ô tô(121)_01_TH2	21	21	TH		30/08-10/10/21	6	1,2,3,4	X.DIE N OTO-1B											DHOTOCK14A 1	DHCQ 14
												1,2,3,4	X.DIE N OTO-1B										DHCQ 14
														1,2,3,4	X.DIE N OTO-1B								DHCQ 14
																1,2,3,4	X.DIE N OTO-1B						DHCQ 14
34	3DL205 DC	4	Bảo trì hệ thống trang bị điện ô tô(121)_01_TH3	21	18	TH		11/10-21/11/21	6	1,2,3,4	X.DIE N OTO-1B											DHOTOCK14A 1	DHCQ 14
												1,2,3,4	X.DIE N OTO-1B										DHCQ 14
														1,2,3,4	X.DIE N OTO-1B								DHCQ 14

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
																1,2,3,4	X.DIE N OTO- 1B						DHCQ 14
																		1,2,3,4	X.DIE N OTO- 1B				DHCQ 14
35	3DL205 DC	4	Bảo trì hệ thống trang bị điện ô tô(121)_01_TH4	19	20	TH		11/10-21/11/21	6	7,8,9,1 0	X.DIE N OTO- 1C												DHCQ 14
												7,8,9,1 0	X.DIE N OTO- 1C										DHCQ 14
														7,8,9,1 0	X.DIE N OTO- 1C								DHCQ 14
																							DHCQ 14
																7,8,9,1 0	X.DIE N OTO- 1C						DHCQ 14
																		7,8,9,1 0	X.DIE N OTO- 1C				DHCQ 14
36	3DL205 DC	4	Bảo trì hệ thống trang bị điện ô tô(121)_01_TH5	19	20	TH		11/10-21/11/21	6	7,8,9,1 0	X.DIE N OTO- 1B												DHCQ 14
												7,8,9,1 0	X.DIE N OTO- 1B										DHCQ 14
														7,8,9,1 0	X.DIE N OTO- 1B								DHCQ 14
																7,8,9,1 0	X.DIE N OTO- 1B						DHCQ 14

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
																		7,8,9,10	X.DIE N OTO-1B				DHCQ 14
37	3DL209 DC	2	Bảo trì mô tô - xe máy(121)_1	20	17	LT		06/12-19/12/21	2	13,14,15,16	VH.ĐC DIEZE N-1A												DHCQ 16
												13,14,15,16	VH.ĐC DIEZE N-1A										DHCQ 16
														13,14,15,16	VH.ĐC DIEZE N-1A								DHCQ 16
																13,14,15,16	VH.ĐC DIEZE N-1A						DHCQ 16
																		13,14,15,16	VH.ĐC DIEZE N-1A				DHCQ 16
																				13,14,15,16	VH.ĐC DIEZE N-1A		DHCQ 16
								20/12-26/12/21	1	13,14,15,16	VH.ĐC DIEZE N-1A												DHCQ 16
												13,14,15,16	VH.ĐC DIEZE N-1A										DHCQ 16
														13,14,15,16	VH.ĐC DIEZE N-1A								DHCQ 16
										13,14,15,16	VH.ĐC XANG-1A												DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
38	3DL209 DC	2	Bảo trì mô tô - xe máy(121)_2	20	18	LT		06/12-19/12/21	2			13,14,15,16	VH.ĐC XANG-1A										DHCQ 16
														13,14,15,16	VH.ĐC XANG-1A								DHCQ 16
																13,14,15,16	VH.ĐC XANG-1A						DHCQ 16
																		13,14,15,16	VH.ĐC XANG-1A				DHCQ 16
																				13,14,15,16	VH.ĐC XANG-1A		DHCQ 16
								20/12-26/12/21	1	13,14,15,16	VH.ĐC XANG-1A												DHCQ 16
												13,14,15,16	VH.ĐC XANG-1A										DHCQ 16
														13,14,15,16	VH.ĐC XANG-1A								DHCQ 16
																13,14,15,16	VH.ĐC XANG-1B						DHCQ 16
								20/12-26/12/21	1									13,14,15,16	VH.ĐC XANG-1B				DHCQ 16
																							DHCQ 16
																				13,14,15,16	VH.ĐC XANG-1B		DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
39	3DL209 DC	2	Bảo trì mô tô - xe máy(121)_3	20	19	LT		27/12-09/01/22	2	13,14,15,16	VH.ĐC XANG-1B												DHCQ 16
												13,14,15,16	VH.ĐC XANG-1B										DHCQ 16
														13,14,15,16	VH.ĐC XANG-1B								DHCQ 16
																13,14,15,16	VH.ĐC XANG-1B						DHCQ 16
																		13,14,15,16	VH.ĐC XANG-1B				DHCQ 16
																				13,14,15,16	VH.ĐC XANG-1B		DHCQ 16
40	3DL209 DC	2	Bảo trì mô tô - xe máy(121)_4	20	18	LT		20/12-26/12/21	1							13,14,15,16	VH.ĐC XANG-1C						DHCQ 16
																		13,14,15,16	VH.ĐC XANG-1C				DHCQ 16
																				13,14,15,16	VH.ĐC XANG-1C		DHCQ 16
										13,14,15,16	VH.ĐC XANG-1C												DHCQ 16
												13,14,15,16	VH.ĐC XANG-1C										DHCQ 16
																							DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa					
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học							
								27/12-09/01/22	2					13,14,15,16	VH.ĐC XANG-1C									DHCQ 16				
																13,14,15,16	VH.ĐC XANG-1C							DHCQ 16				
																		13,14,15,16	VH.ĐC XANG-1C					DHCQ 16				
																				13,14,15,16	VH.ĐC XANG-1C			DHCQ 16				
41	3DL209 DC	2	Bảo trì mô tô - xe máy(121)_5	20	17	LT		20/12-26/12/21	1							13,14,15,16	X.CHAN DOAN A							DHCQ 16				
																13,14,15,16	X.CHAN DOAN A					DHCQ 16						
																	13,14,15,16	X.CHAN DOAN A				DHCQ 16						
																						DHCQ 16						
								27/12-09/01/22	2	13,14,15,16	X.CHAN DOAN A																	DHCQ 16
																											DHCQ 16	
																											DHCQ 16	
																											DHCQ 16	

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
																		13,14,15,16	X.CHAN DOAN A				DHCQ 16
																				13,14,15,16	X.CHAN DOAN A		DHCQ 16
42	3DL209 DC	2	Bảo trì mô tô - xe máy(121)_6	20	16	LT		06/12-19/12/21	2	7,8,9,10	X.DONG CO-1A												DHCQ 16
												7,8,9,10	X.DONG CO-1A										DHCQ 16
														7,8,9,10	X.DONG CO-1A								DHCQ 16
																7,8,9,10	X.DONG CO-1A						DHCQ 16
																		7,8,9,10	X.DONG CO-1A				DHCQ 16
																				7,8,9,10	X.DONG CO-1A		DHCQ 16
																							DHCQ 16
								20/12-26/12/21	1	7,8,9,10	X.DONG CO-1A												DHCQ 16
												7,8,9,10	X.DONG CO-1A										DHCQ 16
														7,8,9,10	X.DONG CO-1A								DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
43	3DL209 DC	2	Bảo trì mô tô - xe máy(121)_7	20	21	LT		20/12-26/12/21	1							7,8,9,10	X.DON G CO-1A						DHCQ 16
																		7,8,9,10	X.DON G CO-1A				DHCQ 16
																				7,8,9,10	X.DO NG CO-1A		DHCQ 16
								27/12-09/01/22	2	7,8,9,10	X.DON G CO-1A												DHCQ 16
												7,8,9,10	X.DON G CO-1A										DHCQ 16
														7,8,9,10	X.DON G CO-1A								DHCQ 16
																7,8,9,10	X.DON G CO-1A						DHCQ 16
																		7,8,9,10	X.DON G CO-1A				DHCQ 16
																				7,8,9,10	X.DO NG CO-1A		DHCQ 16
																							DHCQ 16
								20/12-26/12/21	1							7,8,9,10	X.DON G CO-1B						DHCQ 16
																		7,8,9,10	X.DON G CO-1B				DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
44	3DL209 DC	2	Bảo trì mô tô - xe máy(121)_8	20	21	LT														7,8,9,10	X.DO NG CO-1B		DHCQ 16
								27/12-09/01/22	2	7,8,9,10	X.DON G CO-1B												DHCQ 16
												7,8,9,10	X.DON G CO-1B										DHCQ 16
														7,8,9,10	X.DON G CO-1B								DHCQ 16
																7,8,9,10	X.DON G CO-1B						DHCQ 16
																		7,8,9,10	X.DON G CO-1B				DHCQ 16
																				7,8,9,10	X.DO NG CO-1B		DHCQ 16
								20/12-26/12/21	1							7,8,9,10	X.DON G CO-1C						DHCQ 16
																		7,8,9,10	X.DON G CO-1C				DHCQ 16
																				7,8,9,10	X.DO NG CO-1C		DHCQ 16
										7,8,9,10	X.DON G CO-1C												DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
45	3DL209 DC	2	Bảo trì mô tô - xe máy(121)_9	20	21	LT		27/12-09/01/22	2			7,8,9,10	X.DON G CO-1C										DHCQ 16
														7,8,9,10	X.DON G CO-1C								DHCQ 16
																7,8,9,10	X.DON G CO-1C						DHCQ 16
																		7,8,9,10	X.DON G CO-1C				DHCQ 16
																				7,8,9,10	X.DO NG CO-1C		DHCQ 16
46	3DL209 DC	2	Bảo trì mô tô - xe máy(121)_10	20	18	LT		06/12-19/12/21	2	7,8,9,10	VH.ĐC DIEZE N-1A												DHCQ 16
												7,8,9,10	VH.ĐC DIEZE N-1A										DHCQ 16
														7,8,9,10	VH.ĐC DIEZE N-1A								DHCQ 16
																7,8,9,10	VH.ĐC DIEZE N-1A						DHCQ 16
																		7,8,9,10	VH.ĐC DIEZE N-1A				DHCQ 16
																				7,8,9,10	VH.ĐC DIEZE N-1A		DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
								20/12-26/12/21	1	7,8,9,10	VH.ĐC DIEZE N-1A												DHCQ 16
								20/12-26/12/21	1			7,8,9,10	VH.ĐC DIEZE N-1A										DHCQ 16
								20/12-26/12/21	1					7,8,9,10	VH.ĐC DIEZE N-1A								DHCQ 16
								06/12-19/12/21	2	7,8,9,10	VH.ĐC DIEZE N-1B												DHCQ 16
								06/12-19/12/21	2			7,8,9,10	VH.ĐC DIEZE N-1B										DHCQ 16
								06/12-19/12/21	2					7,8,9,10	VH.ĐC DIEZE N-1B								DHCQ 16
								06/12-19/12/21	2							7,8,9,10	VH.ĐC DIEZE N-1B						DHCQ 16
								06/12-19/12/21	2									7,8,9,10	VH.ĐC DIEZE N-1B				DHCQ 16
								06/12-19/12/21	2											7,8,9,10	VH.ĐC DIEZE N-1B		DHCQ 16
47	3DL209 DC	2	Bảo trì mô tô - xe máy(121)_11	20	18	LT		20/12-26/12/21	1	7,8,9,10	VH.ĐC DIEZE N-1B												DHCQ 16
								20/12-26/12/21	1			7,8,9,10	VH.ĐC DIEZE N-1B										DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa						
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học								
														7,8,9,10	VH.ĐC DIEZE N-1B								DHCQ 16						
48	3DL209 DC	2	Bảo trì mô tô - xe máy(121)_12	20	20	LT		06/12-19/12/21	2	1,2,3,4	VH.ĐC DIEZE N-1A												DHCQ 16						
												1,2,3,4	VH.ĐC DIEZE N-1A											DHCQ 16					
														1,2,3,4	VH.ĐC DIEZE N-1A										DHCQ 16				
														1,2,3,4	VH.ĐC DIEZE N-1A											DHCQ 16			
																1,2,3,4	VH.ĐC DIEZE N-1A									DHCQ 16			
																			1,2,3,4	VH.ĐC DIEZE N-1A							DHCQ 16		
																					1,2,3,4	VH.ĐC DIEZE N-1A					DHCQ 16		
																						1,2,3,4	VH.ĐC DIEZE N-1A				DHCQ 16		
								20/12-26/12/21	1	1,2,3,4	VH.ĐC DIEZE N-1A																		DHCQ 16
												1,2,3,4	VH.ĐC DIEZE N-1A															DHCQ 16	
						1,2,3,4	VH.ĐC DIEZE N-1A														DHCQ 16								
										1,2,3,4	VH.ĐC DIEZE N-1B											DHCQ 16							

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
49	3DL209 DC	2	Bảo trì mô tô - xe máy(121)_13	20	19	LT		06/12-19/12/21	2			1,2,3,4	VH.ĐC DIEZE N-1B										DHCQ 16
													1,2,3,4	VH.ĐC DIEZE N-1B									
															1,2,3,4	VH.ĐC DIEZE N-1B							
																1,2,3,4	VH.ĐC DIEZE N-1B						
																		1,2,3,4	VH.ĐC DIEZE N-1B				
																		1,2,3,4	VH.ĐC DIEZE N-1B				
								20/12-26/12/21	1	1,2,3,4	VH.ĐC DIEZE N-1B												
												1,2,3,4	VH.ĐC DIEZE N-1B										
					1,2,3,4	VH.ĐC DIEZE N-1B																	
																						DHCQ 16	
																						DHCQ 16	

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
50	3DL209 DC	2	Bảo trì mô tô - xe máy(121)_14	20	20	LT														1,2,3,4	VH.Đ C DIEZE N-1A		DHCQ 16
								27/12-09/01/22	2	1,2,3,4	VH.ĐC DIEZE N-1A												DHCQ 16
												1,2,3,4	VH.ĐC DIEZE N-1A										DHCQ 16
														1,2,3,4	VH.ĐC DIEZE N-1A								DHCQ 16
																1,2,3,4	VH.ĐC DIEZE N-1A						DHCQ 16
																		1,2,3,4	VH.ĐC DIEZE N-1A				DHCQ 16
																				1,2,3,4	VH.Đ C DIEZE N-1A		DHCQ 16
								20/12-26/12/21	1							1,2,3,4	VH.ĐC DIEZE N-1B						DHCQ 16
																		1,2,3,4	VH.ĐC DIEZE N-1B				DHCQ 16
																				1,2,3,4	VH.Đ C DIEZE N-1B		DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
51	3DL209 DC	2	Bảo trì mô tô - xe máy(121)_15	20	20	LT		27/12-09/01/22	2	1,2,3,4	VH.ĐC DIEZE N-1B												DHCQ 16
												1,2,3,4	VH.ĐC DIEZE N-1B										DHCQ 16
														1,2,3,4	VH.ĐC DIEZE N-1B								DHCQ 16
																1,2,3,4	VH.ĐC DIEZE N-1B						DHCQ 16
																		1,2,3,4	VH.ĐC DIEZE N-1B				DHCQ 16
																				1,2,3,4	VH.ĐC DIEZE N-1B		DHCQ 16
																					1,2,3,4 VH.ĐC DIEZE N-1B		DHCQ 16
52	3DL202 CD	2	Bảo trì thiết bị xưởng và vận hành xe ô tô(121)_1	20	23	LT		20/12-26/12/21	1							7,8,9,10	X.GA M OTO-1A						DHCQ 16
																		7,8,9,10	X.GA M OTO-1A				DHCQ 16
																				7,8,9,10	X.GA M OTO-1A		DHCQ 16
										7,8,9,10	X.GA M OTO-1A												DHCQ 16
												7,8,9,10	X.GA M OTO-1A										DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
								27/12-09/01/22	2					7,8,9,10	X.GA M OTO-1A								
																7,8,9,10	X.GA M OTO-1A						
																		7,8,9,10	X.GA M OTO-1A				
																				7,8,9,10	X.GA M OTO-1A		
										7,8,9,10	X.DON G CO-1C												
												7,8,9,10	X.DON G CO-1C										
														7,8,9,10	X.DON G CO-1C								
								06/12-19/12/21	2							7,8,9,10	X.DON G CO-1C						
																		7,8,9,10	X.DON G CO-1C				
																		7,8,9,10	X.DON G CO-1C				
																				7,8,9,10	X.DO NG CO-1C		
										7,8,9,10	X.DON G CO-1C												

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
								20/12-26/12/21	1			7,8,9,10	X.DON G CO-1C										DHCQ 16
														7,8,9,10	X.DON G CO-1C								DHCQ 16
54	3DL202 CD	2	Bảo trì thiết bị xưởng và vận hành xe ô tô(121)_3	20	18	LT		06/12-19/12/21	2	7,8,9,10	X.GA M OTO-1A												DHCQ 16
												7,8,9,10	X.GA M OTO-1A										DHCQ 16
														7,8,9,10	X.GA M OTO-1A								DHCQ 16
																7,8,9,10	X.GA M OTO-1A						DHCQ 16
																		7,8,9,10	X.GA M OTO-1A				DHCQ 16
																				7,8,9,10	X.GA M OTO-1A		DHCQ 16
								20/12-26/12/21	1	7,8,9,10	X.GA M OTO-1A												DHCQ 16
												7,8,9,10	X.GA M OTO-1A										DHCQ 16
														7,8,9,10	X.GA M OTO-1A								DHCQ 16
																							DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
55	3DL202 CD	2	Bảo trì thiết bị xưởng và vận hành xe ô tô(121)_4	20	17	LT		20/12-26/12/21	1							7,8,9,10	X.GA M OTO-1B						DHCQ 16
																		7,8,9,10	X.GA M OTO-1B				DHCQ 16
																				7,8,9,10	X.GA M OTO-1B		DHCQ 16
								27/12-09/01/22	2	7,8,9,10	X.GA M OTO-1B												DHCQ 16
												7,8,9,10	X.GA M OTO-1B										DHCQ 16
														7,8,9,10	X.GA M OTO-1B								DHCQ 16
																7,8,9,10	X.GA M OTO-1B						DHCQ 16
																		7,8,9,10	X.GA M OTO-1B				DHCQ 16
																				7,8,9,10	X.GA M OTO-1B		DHCQ 16
																							DHCQ 16
										13,14,15,16	X.GA M OTO-1C												DHCQ 16
												13,14,15,16	X.GA M OTO-1C										DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
56	3DL202 CD	2	Bảo trì thiết bị xưởng và vận hành xe ô tô(121)_5	20	19	LT		06/12-19/12/21	2					13,14,15,16	X.GA M OTO-1C								DHCQ 16
																13,14,15,16	X.GA M OTO-1C						DHCQ 16
																		13,14,15,16	X.GA M OTO-1C				DHCQ 16
																				13,14,15,16	X.GA M OTO-1C		DHCQ 16
								20/12-26/12/21	1	13,14,15,16	X.GA M OTO-1A												DHCQ 16
												13,14,15,16	X.GA M OTO-1A										DHCQ 16
														13,14,15,16	X.GA M OTO-1A								DHCQ 16
								06/12-19/12/21	2	13,14,15,16	X.GA M OTO-1A												DHCQ 16
												13,14,15,16	X.GA M OTO-1A										DHCQ 16
														13,14,15,16	X.GA M OTO-1A								DHCQ 16
																13,14,15,16	X.GA M OTO-1A						DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
57	3DL202 CD	2	Bảo trì thiết bị xưởng và vận hành xe ô tô(121)_6	20	19	LT												13,14,15,16	X.GA M OTO-1A				DHCQ 16
																				13,14,15,16	X.GA M OTO-1A		DHCQ 16
										13,14,15,16	X.GA M OTO-1B												DHCQ 16
												13,14,15,16	X.GA M OTO-1B										DHCQ 16
														13,14,15,16	X.GA M OTO-1B								DHCQ 16
58	3DL202 CD	2	Bảo trì thiết bị xưởng và vận hành xe ô tô(121)_7	20	18	LT		20/12-26/12/21	1							13,14,15,16	X.GA M OTO-1C						DHCQ 16
																		13,14,15,16	X.GA M OTO-1C				DHCQ 16
																				13,14,15,16	X.GA M OTO-1C		DHCQ 16
										13,14,15,16	X.GA M OTO-1C												DHCQ 16
												13,14,15,16	X.GA M OTO-1C										DHCQ 16
58	3DL202 CD	2	Bảo trì thiết bị xưởng và vận hành xe ô tô(121)_7	20	18	LT		27/12-09/01/22	2					13,14,15,16	X.GA M OTO-1C								DHCQ 16
																							DHCQ 16
																							DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
								27/12-09/01/22	2							13,14,15,16	X.GA M OTO-1C						
																		13,14,15,16	X.GA M OTO-1C				
																				13,14,15,16	X.GA M OTO-1C		
								20/12-26/12/21	1							13,14,15,16	X.DON G CO-1B						
																		13,14,15,16	X.DON G CO-1B				
																				13,14,15,16	X.DO NG CO-1B		
										13,14,15,16	X.DON G CO-1B												
												13,14,15,16	X.DON G CO-1B										
								27/12-09/01/22	2					13,14,15,16	X.DON G CO-1B								
																13,14,15,16	X.DON G CO-1B						
																		13,14,15,16	X.DON G CO-1B				

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
																				13,14,15,16	X.DO NG CO-1B		DHCQ 16
60	3DL202 CD	2	Bảo trì thiết bị xưởng và vận hành xe ô tô(121)_9	20	20	LT		20/12-26/12/21	1							1,2,3,4	X.GA M OTO-1C						DHCQ 16
																		1,2,3,4	X.GA M OTO-1C				DHCQ 16
																				1,2,3,4	X.GA M OTO-1C		DHCQ 16
								27/12-09/01/22	2	1,2,3,4	X.GA M OTO-1C												DHCQ 16
												1,2,3,4	X.GA M OTO-1C										DHCQ 16
														1,2,3,4	X.GA M OTO-1C								DHCQ 16
																1,2,3,4	X.GA M OTO-1C						DHCQ 16
																		1,2,3,4	X.GA M OTO-1C				DHCQ 16
																				1,2,3,4	X.GA M OTO-1C		DHCQ 16
																							DHCQ 16
																							DHCQ 16
										1,2,3,4	X.GA M OTO-1B												DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
61	3DL202 CD	2	Bảo trì thiết bị xường và vận hành xe ô tô(121)_10	20	19	LT		06/12-19/12/21	2			1,2,3,4	X.GA M OTO- 1B										DHCQ 16
														1,2,3,4	X.GA M OTO- 1B								DHCQ 16
																1,2,3,4	X.GA M OTO- 1B						DHCQ 16
																		1,2,3,4	X.GA M OTO- 1B				DHCQ 16
																				1,2,3,4	X.GA M OTO- 1B		DHCQ 16
								20/12-26/12/21	1	1,2,3,4	X.GA M OTO- 1B												DHCQ 16
												1,2,3,4	X.GA M OTO- 1B										DHCQ 16
														1,2,3,4	X.GA M OTO- 1B								DHCQ 16
								06/12-19/12/21	2	1,2,3,4	X.DON G CO- 1C												DHCQ 16
												1,2,3,4	X.DON G CO- 1C										DHCQ 16
														1,2,3,4	X.DON G CO- 1C								DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
62	3DL202 CD	2	Bảo trì thiết bị xưởng và vận hành xe ô tô(121)_11	20	19	LT		06/12-17/12/21	2							1,2,3,4	X.DON G CO-1C						DHCQ 16
																		1,2,3,4	X.DON G CO-1C				DHCQ 16
																				1,2,3,4	X.DO NG CO-1C		DHCQ 16
								20/12-26/12/21	1	1,2,3,4	X.DON G CO-1C												DHCQ 16
												1,2,3,4	X.DON G CO-1C										DHCQ 16
														1,2,3,4	X.DON G CO-1C								DHCQ 16
63	3DL202 CD	2	Bảo trì thiết bị xưởng và vận hành xe ô tô(121)_12	20	18	LT		06/12-19/12/21	2	1,2,3,4	X.GA M OTO-1A												DHCQ 16
												1,2,3,4	X.GA M OTO-1A										DHCQ 16
														1,2,3,4	X.GA M OTO-1A								DHCQ 16
																1,2,3,4	X.GA M OTO-1A						DHCQ 16
																		1,2,3,4	X.GA M OTO-1A				DHCQ 16
																							DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
																				1,2,3,4	X.GA M OTO-1A		DHCQ 16
								20/12-26/12/21	1	1,2,3,4	X.GA M OTO-1A												DHCQ 16
								20/12-26/12/21	1			1,2,3,4	X.GA M OTO-1A										DHCQ 16
								20/12-26/12/21	1					1,2,3,4	X.GA M OTO-1A								DHCQ 16
								20/12-26/12/21	1					1,2,3,4	X.GA M OTO-1B								DHCQ 16
								20/12-26/12/21	1									1,2,3,4	X.GA M OTO-1B				DHCQ 16
								20/12-26/12/21	1											1,2,3,4	X.GA M OTO-1B		DHCQ 16
								27/12-09/01/22	2	1,2,3,4	X.GA M OTO-1B												DHCQ 16
								27/12-09/01/22	2			1,2,3,4	X.GA M OTO-1B										DHCQ 16
								27/12-09/01/22	2					1,2,3,4	X.GA M OTO-1B								DHCQ 16
								27/12-09/01/22	2							1,2,3,4	X.GA M OTO-1B						DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
																		1,2,3,4	X.GA M OTO- 1B				DHCQ 16
																				1,2,3,4	X.GA M OTO- 1B		DHCQ 16
																1,2,3,4	X.GA M OTO- 1A						DHCQ 16
								20/12-26/12/21	1									1,2,3,4	X.GA M OTO- 1A				DHCQ 16
																				1,2,3,4	X.GA M OTO- 1A		DHCQ 16
										1,2,3,4	X.GA M OTO- 1A												DHCQ 16
												1,2,3,4	X.GA M OTO- 1A										DHCQ 16
								27/12-09/01/22	2					1,2,3,4	X.GA M OTO- 1A								DHCQ 16
																1,2,3,4	X.GA M OTO- 1A						DHCQ 16
																		1,2,3,4	X.GA M OTO- 1A				DHCQ 16
																				1,2,3,4	X.GA M OTO- 1A		DHCQ 16
																							DHCQ 16
65	3DL202 CD	2	Bảo trì thiết bị xưởng và vận hành xe ô tô(121)_14	20	20	LT																	

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa				
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học						
66	3DL206 DC	2	Chẩn đoán trạng thái kỹ thuật ô tô(121)_01_TH	20	21	TH	Lê Xuân Đồng	30/08-05/09/21	1	8,9,10,11	X.DON G CO-1B											DHOTOCK13D	DHCQ 13				
											8,9,10,11	X.DON G CO-1B												DHCQ 13			
													8,9,10,11	X.DON G CO-1B										DHCQ 13			
															8,9,10,11	X.DON G CO-1B								DHCQ 13			
															8,9,10,11	X.DON G CO-1B								DHCQ 13			
							Lê Xuân Đồng	07/10-09/10/21	1										8,9,10,11	X.DON G CO-1B							DHCQ 13
																	8,9,10,11	X.DON G CO-1B							DHCQ 13		
																									DHCQ 13		
																					8,9,10,11					DHCQ 13	
																					DHCQ 13						
67	3DL206 DC	2	Chẩn đoán trạng thái kỹ thuật ô tô(121)_02_TH	20	25	TH	Lê Xuân Đồng	13/09-19/09/21	1													DHOTOCK13D	DHCQ 13				
							Lê Xuân Đồng	20/09-26/09/21	1																DHCQ 13		
							Lê Xuân Đồng	12/10-16/10/21	1			8,9,10,11														DHCQ 13	
							Lê Xuân Đồng						8,9,10,11												DHCQ 13		
							Lê Xuân Đồng								8,9,10,11										DHCQ 13		
							Lê Xuân Đồng										8,9,10								DHCQ 13		

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
68	3DL206 DC	2	Chẩn đoán trạng thái kỹ thuật ô tô(121)_03_TH	20	20	TH	Trần Viết Phương	30/08-05/09/21	1	1,2,3,4	X.DON G CO-1A											DHOTOCK13B	DHCQ 13
							Trần Viết Phương					1,2,3,4	X.DON G CO-1A										DHCQ 13
							Trần Viết Phương							1,2,3,4	X.DON G CO-1A								DHCQ 13
							Trần Viết Phương									1,2,3,4	X.DON G CO-1A						DHCQ 13
							Trần Viết Phương											1,2,3,4	X.DON G CO-1A				DHCQ 13
							Trần Viết Phương	07/10-09/10/21	1							1,2,3,4							DHCQ 13
							Trần Viết Phương											1,2,3,4					DHCQ 13
							Trần Viết Phương													1,2,3,4			DHCQ 13
							Trần Viết Phương	11/10-12/10/21	1	1,2,3													DHCQ 13
69	3DL206 DC	2	Chẩn đoán trạng thái kỹ thuật ô tô(121)_03_TH	20	10	TH	Phạm Văn Thành	07/10-09/10/21	1							1,2,3,4	X.CHAN DOAN B					DHOTOCK13B	DHCQ 13
							Phạm Văn Thành											1,2,3,4	X.CHAN DOAN B				DHCQ 13
							Phạm Văn Thành													1,2,3,4			DHCQ 13
							Phạm Văn Thành	11/10-12/10/21	1	1,2,3													DHCQ 13
							Phạm Văn Thành			1,2,3,4	X.CHAN DOAN B												DHCQ 13

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
69	DC	2	thuật ô tô(121)_04_TH	20	19	TH	Phạm Văn Thành	18/10-23/10/21	1			1,2,3,4	X.CHAN DOAN B									DHOTOCK13B	DHCQ 13
							Phạm Văn Thành							1,2,3,4	X.CHAN DOAN B								DHCQ 13
							Phạm Văn Thành									1,2,3,4	X.CHAN DOAN B						DHCQ 13
							Phạm Văn Thành											1,2,3,4	X.CHAN DOAN B				DHCQ 13
70	3DL206 DC	2	Chẩn đoán trạng thái kỹ thuật ô tô(121)_05_TH	20	16	TH	Nguyễn Hữu Phúc	07/10-09/10/21	1							1,2,3,4	X.CHAN DOAN A					DHOTOCK13B	DHCQ 13
							Nguyễn Hữu Phúc											1,2,3,4	X.CHAN DOAN A				DHCQ 13
							Nguyễn Hữu Phúc													1,2,3,4			DHCQ 13
							Nguyễn Hữu Phúc	11/10-12/10/21	1	1,2,3													DHCQ 13
							Nguyễn Hữu Phúc	17/10-23/10/21	1	1,2,3,4	X.CHAN DOAN A												DHCQ 13
							Nguyễn Hữu Phúc					1,2,3,4	X.CHAN DOAN A										DHCQ 13
							Nguyễn Hữu Phúc							1,2,3,4	X.CHAN DOAN A								DHCQ 13
							Nguyễn Hữu Phúc									1,2,3,4	X.CHAN DOAN A						DHCQ 13

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
							Nguyễn Hữu Phúc											1,2,3,4	X.CHAN DOAN A				DHCQ 13
71	3DL206 DC	2	Chẩn đoán trạng thái kỹ thuật ô tô(121)_06_TH	20	20	TH	Lê Văn Lương	07/10-09/10/21	1							1,2,3,4						DHOTOCK13C	DHCQ 13
							Lê Văn Lương										1,2,3,4						DHCQ 13
							Lê Văn Lương											1,2,3,4					DHCQ 13
							Lê Văn Lương	11/10-12/10/21	1	1,2,3									1,2,3,4				DHCQ 13
							Lê Văn Lương	18/10-23/10/21	1														
72	3DL206 DC	2	Chẩn đoán trạng thái kỹ thuật ô tô(121)_07_TH	20	24	TH	Đào TấtThắm	13/09-19/09/21	1	1,2,3,4	X.CHAN DOAN A												DHCQ 13
							Đào TấtThắm					1,2,3,4	X.CHAN DOAN A									DHCQ 13	
							Đào TấtThắm							1,2,3,4	X.CHAN DOAN A							DHCQ 13	
							Đào TấtThắm								1,2,3,4	X.CHAN DOAN A						DHCQ 13	
							Đào TấtThắm									1,2,3,4	X.CHAN DOAN A					DHCQ 13	
							Đào TấtThắm			1,2,3,4	X.CHAN DOAN A											DHCQ 13	
							Đào TấtThắm					1,2,3,4	X.CHAN DOAN A									DHCQ 13	

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
							Đào TấtThắm	20/09-26/09/21	1					1,2,3,4	X.CHAN DOAN A								DHCQ 13
							Đào TấtThắm									1,2,3,4	X.CHAN DOAN A						DHCQ 13
							Đào TấtThắm											1,2,3,4	X.CHAN DOAN A				DHCQ 13
							Đào TấtThắm	12/10-16/10/21	1			1,2,3,4											DHCQ 13
							Đào TấtThắm							1,2,3,4									DHCQ 13
							Đào TấtThắm								1,2,3,4								DHCQ 13
							Đào TấtThắm										1,2,3						DHCQ 13
73	3DL206 DC	2	Chẩn đoán trạng thái kỹ thuật ô tô(121)_01_TH1	20	20	TH	Dương Đình Vinh	30/08-05/09/21	1	8,9,10,11	X.DONG CO-1A												DHCQ 13
							Dương Đình Vinh					8,9,10,11	X.DONG CO-1A										DHCQ 13
							Dương Đình Vinh							8,9,10,11	X.DONG CO-1A								DHCQ 13
							Dương Đình Vinh									8,9,10,11	X.DONG CO-1A						DHCQ 13
							Dương Đình Vinh											8,9,10,11	X.DONG CO-1A				DHCQ 13
							Dương Đình Vinh	07/10-09/10/21	1							9,10,11,12							DHCQ 13
							Dương Đình Vinh											9,10,11,12					DHCQ 13

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
							Dương Đình Vinh													9,10,11,12			DHCQ 13
							Dương Đình Vinh	11/10-12/10/21	1	8,9,10													DHCQ 13
74	3DL206 DC	2	Chẩn đoán trạng thái kỹ thuật ô tô(121)_01_TH2	20	20	TH	Đào TấtThắm	30/08-05/09/21	1	8,9,10,11	X.CHAN DOAN B												DHCQ 13
							Đào TấtThắm					8,9,10,11	X.CHAN DOAN B										DHCQ 13
							Đào TấtThắm							8,9,10,11	X.CHAN DOAN B								DHCQ 13
							Đào TấtThắm									8,9,10,11	X.CHAN DOAN B						DHCQ 13
							Đào TấtThắm											8,9,10,11	X.CHAN DOAN B				DHCQ 13
							Đào TấtThắm	07/10-09/10/21	1							9,10,11,12							DHCQ 13
							Đào TấtThắm											9,10,11,12					DHCQ 13
							Đào TấtThắm													9,10,11,12			DHCQ 13
							Đào TấtThắm	11/10-12/10/21	1	8,9,10													DHCQ 13
							Đào TấtThắm																DHCQ 13
							Nguyễn Hữu Phúc	30/08-05/09/21	1	8,9,10,11	X.CHAN DOAN A												DHCQ 13
							Nguyễn Hữu Phúc					8,9,10,11	X.CHAN DOAN A										DHCQ 13
							Nguyễn Hữu Phúc							8,9,10,11	X.CHAN DOAN A								DHCQ 13

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
75	3DL206 DC	2	Chẩn đoán trạng thái kỹ thuật ô tô(121)_01_TH3	20	20	TH	Nguyễn Hữu Phúc									8,9,10,11	X.CHAN DOAN A					DHOTOCK13A	DHCQ 13
							Nguyễn Hữu Phúc											8,9,10,11	X.CHAN DOAN A				DHCQ 13
							Nguyễn Hữu Phúc	07/10-09/10/21	1							9,10,11,12							DHCQ 13
							Nguyễn Hữu Phúc											9,10,11,12					DHCQ 13
							Nguyễn Hữu Phúc													9,10,11,12			DHCQ 13
							Nguyễn Hữu Phúc	11/10-12/10/21	1	8,9,10													DHCQ 13
76	3DL149 DH	2	Công nghệ chẩn đoán(121)_01/DHKCKCK14A1	42	43	LT	Nguyễn Hồng Ngoan	09/08-28/11/21	16					7,8	A2.107							DHKCKCK14A1	DHCQ 14
77	3DL141 DH	3	Công nghệ gia công chi tiết và lắp ráp(121)_01/DHKCKCK15A1	37	31	LT	Nguyễn Thanh Bình	09/08-28/11/21	16			1,2,3	A2.102									DHKCKCK15A1	DHCQ 15
78	3DL141 DH	3	Công nghệ gia công chi tiết và lắp ráp(121)_02/DHKCKCK15A2	38	29	LT	Nguyễn Thanh Bình	09/08-28/11/21	16	7,8,9	A2.102											DHKCKCK15A2	DHCQ 15
79	2DL072 DC	1	Đồ án Công nghệ sửa chữa thiết bị cơ khí(121)_1	5	2	LT		04/10-21/11/21	7							6							DHCQ 12
80	3DL113 DH	1	Đồ án động cơ đốt trong(121)_01_DA	51	52	DA	Nguyễn Ngọc Tú	09/08-05/12/21	17	12												DHOTOCK14A1	DHCQ 14
81	3DL113 DH	1	Đồ án động cơ đốt trong(121)_02_DA	50	51	DA	Nguyễn Ngọc Tú	09/08-05/12/21	17					12								DHOTOCK14A2	DHCQ 14
82	3DL113 DH	1	Đồ án động cơ đốt trong(121)_03_DA	50	50	DA	Nguyễn Ngọc Tú	09/08-05/12/21	17					6								DHOTOCK14A3	DHCQ 14
83	3DL113 DH	1	Đồ án động cơ đốt trong(121)_04_DA	44	56	DA	Nguyễn Ngọc Tú	09/08-05/12/21	17	6												DHOTOCK14A4	DHCQ 14
84	3DL113 DH	1	Đồ án động cơ đốt trong(121)_05_DA	46	48	DA	Nguyễn Ngọc Tú	09/08-05/12/21	17			6										DHOTOCK14A5	DHCQ 14
85	2DL060 DC	1	Đồ án Máy công cụ(121)_1	5	1	LT		04/10-21/11/21	7									6					DHCQ 12
86	3DL204 DH	7	Đồ án tốt nghiệp(121)_01_DA_180	20	32	DA	Trần Đình Hiếu	09/08-21/11/21	15			6										DHKCKCK13Z	DHCQ 13

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
87	3DL132 DH	7	Đồ án tốt nghiệp(121)_01_DA_1A6	14	14	DA		09/08-03/10/21	8	6												DHOTOCK13A	DHCQ 13
88	3DL132 DH	7	Đồ án tốt nghiệp(121)_02_DA	14	14	DA	Nguyễn Ngọc Tú	09/08-03/10/21	8			12										DHOTOCK13B	DHCQ 13
89	3DL132 DH	7	Đồ án tốt nghiệp(121)_03_DA_1C3	14	10	DA		09/08-03/10/21	8	12												DHOTOCK13C	DHCQ 13
90	3DL132 DH	7	Đồ án tốt nghiệp(121)_04_DA_11B	14	12	DA		09/08-03/10/21	8					6								DHOTOCK13D	DHCQ 13
91	3DL223 DC	2	Gia công lắp ghép sản phẩm(121)_01_TH	22	19	TH		20/12-26/12/21	1							1,2,3,4	X.LĐ.T BCK A					DHKCKCK16A 1	DHCQ 16
																		1,2,3,4	X.LĐ.T BCK A				DHCQ 16
																				1,2,3,4	X.LĐ. TBCK A		DHCQ 16
								27/12-09/01/22	2	1,2,3,4	X.LĐ.T BCK A												DHCQ 16
												1,2,3,4	X.LĐ.T BCK A										DHCQ 16
														1,2,3,4	X.LĐ.T BCK A								DHCQ 16
																1,2,3,4	X.LĐ.T BCK A						DHCQ 16
																		1,2,3,4	X.LĐ. TBCK A				DHCQ 16
								20/12-26/12/21	2							1,2,3,4	X.LĐ.T BCK B						DHCQ 16
																		1,2,3,4	X.LĐ.T BCK B				DHCQ 16
																				1,2,3,4	X.LĐ. TBCK B		DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
92	3DL223 DC	2	Gia công lắp ghép sản phẩm(121)_02_TH	22	20	TH		27/12-09/01/22	1	1,2,3,4	X.LĐ.T BCK B											DHKCKCK16A 1	DHCQ 16
												1,2,3,4	X.LĐ.T BCK B										DHCQ 16
														1,2,3,4	X.LĐ.T BCK B								DHCQ 16
																1,2,3,4	X.LĐ.T BCK B						DHCQ 16
																		1,2,3,4	X.LĐ.T BCK B				DHCQ 16
																				1,2,3,4	X.LĐ. TBCK B		DHCQ 16
93	3DL211 DC	2	Gia công nguội(121)_02_TH	22	19	TH		06/12-19/12/21	2	1,2,3,4	X.LĐ.T BCK B											DHKCKCK16A 1	DHCQ 16
												1,2,3,4	X.LĐ.T BCK B										DHCQ 16
														1,2,3,4	X.LĐ.T BCK B								DHCQ 16
																1,2,3,4	X.LĐ.T BCK B						DHCQ 16
																		1,2,3,4	X.LĐ.T BCK B				DHCQ 16
																				1,2,3,4	X.LĐ. TBCK B		DHCQ 16
								20/12-26/12/21	1	1,2,3,4	X.LĐ.T BCK B												DHCQ 16
												1,2,3,4	X.LĐ.T BCK B										DHCQ 16
														1,2,3,4	X.LĐ.T BCK B								DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
94	3DL211 DC	2	Gia công nguội(121)_03_TH	22	16	TH	06/12-19/12/21	2	1,2,3,4	X.LĐ.T BCK A												DHCCK16A 1	DHCQ 16
											1,2,3,4	X.LĐ.T BCK A											DHCQ 16
													1,2,3,4	X.LĐ.T BCK A									DHCQ 16
															1,2,3,4	X.LĐ.T BCK A							DHCQ 16
							20/12-26/12/21	1								1,2,3,4	X.LĐ.T BCK A						DHCQ 16
																		1,2,3,4	X.LĐ.T BCK A				DHCQ 16
									1,2,3,4	X.LĐ.T BCK A										1,2,3,4	X.LĐ.T BCK A		DHCQ 16
												1,2,3,4	X.LĐ.T BCK A										DHCQ 16
95	3DL121 DH	2	Hệ thống điều khiển tự động ô tô(121)_01/DHOTOCK13A	51	53	LT	Nguyễn VănĐại	09/08-21/11/21	15									3,4	A2.409 (QPMC)			DHOTOCK13A	DHCQ 13
96	3DL121 DH	2	Hệ thống điều khiển tự động ô tô(121)_02	52	53	LT	Nguyễn VănĐại	09/08-21/11/21	15							7,8	A2.409 (QPMC)					DHOTOCK13B	DHCQ 13
97	3DL121 DH	2	Hệ thống điều khiển tự động ô tô(121)_03	51	57	LT	Nguyễn VănĐại	09/08-21/11/21	15							9,10	A2.107					DHOTOCK13C	DHCQ 13
98	3DL121 DH	2	Hệ thống điều khiển tự động ô tô(121)_04	55	55	LT	Nguyễn VănĐại	09/08-21/11/21	15					3,4	A2.203							DHOTOCK13D	DHCQ 13
99	3DL123 DH	2	Hộp số tự động(121)_01	51	59	LT	Nguyễn VănĐại	09/08-28/11/21	16			9,10	A2.409 (QPMC)									DHOTOCK14A 1	DHCQ 14
100	3DL123 DH	2	Hộp số tự động(121)_02	50	56	LT	Nguyễn VănĐại	09/08-28/11/21	16			7,8	A2.410 (QPMC)									DHOTOCK14A 2	DHCQ 14

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
101	3DL123 DH	2	Hộp số tự động(121)_03	44	49	LT	Nguyễn VănĐại	09/08-28/11/21	16							4,5	A2.210					DHOTOCK14A3	DHCQ14
102	3DL123 DH	2	Hộp số tự động(121)_04	44	45	LT	Nguyễn VănĐại	09/08-28/11/21	16					1,2	A2.409 (QPMC)							DHOTOCK14A4	DHCQ14
103	3DL123 DH	2	Hộp số tự động(121)_05	44	40	LT	Nguyễn VănĐại	09/08-28/11/21	16									1,2	A2.203			DHOTOCK14A5	DHCQ14
104	3DL115 DH	3	Kết cấu ô tô(121)_01	51	58	LT	Nguyễn Ngọc Tú	09/08-28/11/21	16							7,8,9	A2.210					DHOTOCK14A1	DHCQ14
105	3DL115 DH	3	Kết cấu ô tô(121)_02	50	56	LT	Nguyễn Ngọc Tú	09/08-28/11/21	16	7,8,9	A2.107											DHOTOCK14A2	DHCQ14
106	3DL115 DH	3	Kết cấu ô tô(121)_03	44	54	LT	Nguyễn Ngọc Tú	09/08-28/11/21	16									3,4,5	A2.203			DHOTOCK14A3	DHCQ14
107	3DL115 DH	3	Kết cấu ô tô(121)_04	44	55	LT	Nguyễn Ngọc Tú	09/08-28/11/21	16	3,4,5	A2.107											DHOTOCK14A4	DHCQ14
108	3DL115 DH	3	Kết cấu ô tô(121)_05	44	30	LT	Nguyễn Ngọc Tú	09/08-28/11/21	16							3,4,5	A2.107					DHOTOCK14A5	DHCQ14
109	3DL144 DH	2	Ma sát – mài mòn - bôi trơn (+ thí nghiệm)(121)_01	50	52	LT	Phạm Minh Tâm	09/08-21/11/21	15	1,2	A2.102											DHKCKCK13Z	DHCQ13
110	3DL142 DH	3	Máy công cụ(121)_01/DHCTMCK14A1	50	52	LT	Đậu Phi Hải	09/08-28/11/21	16									1,2,3	A2.105			DHCTMCK14A1	DHCQ14
111	3DL142 DH	3	Máy công cụ(121)_02/DHCTMCK14A2_10A	54	48	LT	Đậu Phi Hải	09/08-28/11/21	16	7,8,9	A2.105											DHCTMCK14A2	DHCQ14
112	3DL150 DC	2	Máy nâng chuyển(121)_01/DHKCKCK14A1	42	45	LT	Nguyễn Thanh Bình	09/08-28/11/21	16			7,8	A2.102									DHKCKCK14A1	DHCQ14
113	3DL110 DH	2	Nguyên lý động cơ đốt trong(121)_01/DHOTOCK15A1	50	50	LT	Nguyễn VănĐại	09/08-28/11/21	16									7,8	A2.203			DHOTOCK15A1	DHCQ15
114	3DL110 DH	2	Nguyên lý động cơ đốt trong(121)_02	50	50	LT	Nguyễn VănĐại	09/08-28/11/21	16									9,10	A2.203			DHOTOCK15A2	DHCQ15
115	3DL110 DH	2	Nguyên lý động cơ đốt trong(121)_03	50	44	LT	Dương Xuân Mỹ	09/08-28/11/21	16							7,8	A2.411					DHOTOCK15A6	DHCQ15
116	3DL110 DH	2	Nguyên lý động cơ đốt trong(121)_04	50	42	LT	Dương Xuân Mỹ	09/08-28/11/21	16							9,10	A2.203					DHOTOCK15A8	DHCQ15
117	3DL110 DH	2	Nguyên lý động cơ đốt trong(121)_05	52	22	LT	Dương Xuân Mỹ	09/08-28/11/21	16					5,6	A2.203							DHOTOCK15A3	DHCQ15
118	3DL110 DH	2	Nguyên lý động cơ đốt trong(121)_06	55	51	LT	Dương Xuân Mỹ	09/08-28/11/21	16							1,2	A2.107					DHOTOCK15A4	DHCQ15
119	3DL110 DH	2	Nguyên lý động cơ đốt trong(121)_07	55	33	LT	Dương Xuân Mỹ	09/08-28/11/21	16	3,4	A2.203											DHOTOCK15A5	DHCQ15

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
120	3DL110 DH	2	Nguyên lý động cơ đốt trong(121)_08	50	37	LT	Dương Xuân Mỹ	09/08-28/11/21	16	1,2	A2.107											DHOTOCK15A 7	DHCQ 15
121	3DL126 DH	2	Ô tô sử dụng năng lượng mới(121)_01/DHOTOCK13 A	51	59	LT	Nguyễn Hữu Chính	09/08-21/11/21	15							1,2	A2.409 (QPMC)					DHOTOCK13A	DHCQ 13
122	3DL126 DH	2	Ô tô sử dụng năng lượng mới(121)_02	52	65	LT	Nguyễn Hữu Chính	09/08-21/11/21	15			7,8	A2.203									DHOTOCK13B	DHCQ 13
123	3DL126 DH	2	Ô tô sử dụng năng lượng mới(121)_03	51	58	LT	Nguyễn Hữu Chính	09/08-21/11/21	15							7,8	A2.107					DHOTOCK13C	DHCQ 13
124	3DL126 DH	2	Ô tô sử dụng năng lượng mới(121)_04	55	57	LT	Nguyễn Hữu Chính	09/08-21/11/21	15					1,2	A2.203							DHOTOCK13D	DHCQ 13
125	3DL216 DC	2	Sửa các cơ cấu và bộ phận máy điện hình 1(121)_01_TH	18	17	TH		06/09-26/09/21	3	8,9,10, 11	X.SC.T BCK C											DHKCKCK15A 1	DHCQ 15
												8,9,10, 11	X.SC.T BCK C										DHCQ 15
														8,9,10, 11	X.SC.T BCK C								DHCQ 15
																8,9,10, 11	X.SC.T BCK C						DHCQ 15
																		8,9,10, 11	X.SC.T BCK C				DHCQ 15
126	3DL216 DC	2	Sửa các cơ cấu và bộ phận máy điện hình 1(121)_02_TH	18	14	TH		27/09-17/10/21	3	8,9,10, 11	X.SC.T BCK C											DHKCKCK15A 1	DHCQ 15
												8,9,10, 11	X.SC.T BCK C										DHCQ 15
														8,9,10, 11	X.SC.T BCK C								DHCQ 15
																8,9,10, 11	X.SC.T BCK C						DHCQ 15
																		8,9,10, 11	X.SC.T BCK C				DHCQ 15
										1,2,3,4	X.SC.T BCK E												DHCQ 15

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
127	3DL216 DC	2	Sửa các cơ cấu và bộ phận máy điện hình 1(121)_03_TH/DHKCKCK 15A2	18	17	TH		06/09-26/09/21	3			1,2,3,4	X.SC.T BCK E									DHKCKCK15A2	DHCQ 15
														1,2,3,4	X.SC.T BCK E								DHCQ 15
																1,2,3,4	X.SC.T BCK E						DHCQ 15
																		1,2,3,4	X.SC.T BCK E				DHCQ 15
128	3DL216 DC	2	Sửa các cơ cấu và bộ phận máy điện hình 1(121)_04_TH/DHKCKCK 15A2	18	15	TH		18/10-07/11/21	3	1,2,3,4	X.SC.T BCK D											DHKCKCK15A2	DHCQ 15
												1,2,3,4	X.SC.T BCK D										DHCQ 15
														1,2,3,4	X.SC.T BCK D								DHCQ 15
																1,2,3,4	X.SC.T BCK D						DHCQ 15
																		1,2,3,4	X.SC.T BCK D			DHKCKCK13Z	DHCQ 15
129	3DL220 DC	2	Sửa chữa máy nâng chuyển(121)_02_TH	17	16	TH		06/09-26/09/21	3	8,9,10, 11	X.SC.T BCK B												DHCQ 13
												8,9,10, 11	X.SC.T BCK B										DHCQ 13
														8,9,10, 11	X.SC.T BCK B								DHCQ 13
																8,9,10, 11	X.SC.T BCK B						DHCQ 13
										8,9,10, 11	X.SC.T BCK B												DHCQ 13

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
130	3DL220 DC	2	Sửa chữa máy nâng chuyển(121)_03_TH	17	17	TH		27/09-17/10/21	3			8,9,10, 11	X.SC.T BCK B									DHKCKCK13Z	DHCQ 13
														8,9,10, 11	X.SC.T BCK B								DHCQ 13
																8,9,10, 11	X.SC.T BCK B						DHCQ 13
																		8,9,10, 11	X.SC.T BCK B				DHCQ 13
131	3DL220 DC	2	Sửa chữa máy nâng chuyển(121)_04_TH	17	17	TH		18/10-07/11/21	3	8,9,10, 11	X.SC.T BCK B											DHKCKCK13Z	DHCQ 13
												8,9,10, 11	X.SC.T BCK B										DHCQ 13
														8,9,10, 11	X.SC.T BCK B								DHCQ 13
																8,9,10, 11	X.SC.T BCK B						DHCQ 13
																		8,9,10, 11	X.SC.T BCK B				DHCQ 13
132	3DL134 DH	2	Thiết bị xưởng ô tô(121)_01/DHOTOCK15 A1	50	44	LT	Nguyễn Hữu Chính	09/08-28/11/21	16	9,10	A2.203											DHOTOCK15A 1	DHCQ 15
133	3DL134 DH	2	Thiết bị xưởng ô tô(121)_02	50	50	LT	Nguyễn Hữu Chính	09/08-28/11/21	16			9,10	A2.410 (QPMC)									DHOTOCK15A 2	DHCQ 15
134	3DL134 DH	2	Thiết bị xưởng ô tô(121)_03	50	50	LT	Nguyễn Hữu Chính	09/08-28/11/21	16	7,8	A2.210											DHOTOCK15A 6	DHCQ 15
135	3DL134 DH	2	Thiết bị xưởng ô tô(121)_04	50	51	LT	Nguyễn Hữu Chính	09/08-28/11/21	16					10,11	A2.210							DHOTOCK15A 8	DHCQ 15
136	3DL134 DH	2	Thiết bị xưởng ô tô(121)_05	52	20	LT	Nguyễn Hữu Chính	09/08-28/11/21	16			1,2	A2.203									DHOTOCK15A 3	DHCQ 15
137	3DL134 DH	2	Thiết bị xưởng ô tô(121)_06	55	48	LT	Nguyễn Hữu Chính	09/08-28/11/21	16	4,5	A2.210											DHOTOCK15A 4	DHCQ 15
138	3DL134 DH	2	Thiết bị xưởng ô tô(121)_07	55	56	LT	Nguyễn Hữu Chính	09/08-28/11/21	16			4,5	A2.210									DHOTOCK15A 5	DHCQ 15
139	3DL134 DH	2	Thiết bị xưởng ô tô(121)_08	50	36	LT	Nguyễn Hữu Chính	09/08-28/11/21	16					4,5	A2.107							DHOTOCK15A 7	DHCQ 15

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
140	3DL151 DC	2	Thiết kế xưởng cơ khí(121)_01	50	51	LT	Lương Văn Chiến	09/08-21/11/21	15							1,2	A2.101					DHKCKCK13Z	DHCQ 13
141	3DL133 DH	7	Tiểu luận tốt nghiệp(121)_01_DA_1CD	14	14	DA		09/08-03/10/21	8			6										DHOTOCK13A	DHCQ 13
142	3DL205 DH	7	Tiểu luận tốt nghiệp(121)_01_DA_1E6	30	17	DA	Trần Đình Hiếu	09/08-21/11/21	15							6						DHKCKCK13Z	DHCQ 13
143	3DL133 DH	7	Tiểu luận tốt nghiệp(121)_02_DA_1EF	14	14	DA	Nguyễn Ngọc Tú	09/08-03/10/21	8							12						DHOTOCK13B	DHCQ 13
144	3DL133 DH	7	Tiểu luận tốt nghiệp(121)_03_DA_15E	13	13	DA		09/08-03/10/21	8			12										DHOTOCK13C	DHCQ 13
145	3DL133 DH	7	Tiểu luận tốt nghiệp(121)_04_DA_127	13	13	DA	Nguyễn Ngọc Tú	09/08-03/10/21	8							6						DHOTOCK13D	DHCQ 13
146	3DL133 DH	7	Tiểu luận tốt nghiệp(121)_05_DA	28	28	DA		04/10-28/11/21	8			6										DHOTOCK13A	DHCQ 13
147	3DL133 DH	7	Tiểu luận tốt nghiệp(121)_06_DA	27	13	DA	Nguyễn Ngọc Tú	04/10-28/11/21	8								12					DHOTOCK13B	DHCQ 13
148	3DL133 DH	7	Tiểu luận tốt nghiệp(121)_07_DA	28	28	DA	Nguyễn Ngọc Tú	04/10-28/11/21	8			12										DHOTOCK13C	DHCQ 13
149	3DL133 DH	7	Tiểu luận tốt nghiệp(121)_08_DA	28	28	DA	Nguyễn Ngọc Tú	04/10-28/11/21	8							6						DHOTOCK13D	DHCQ 13
150	3DL112 DH	2	Tính toán động cơ đốt trong(121)_01	51	58	LT	Dương Xuân Mỹ	09/08-28/11/21	16					7,8	A2.203							DHOTOCK14A 1	DHCQ 14
151	3DL112 DH	2	Tính toán động cơ đốt trong(121)_02	50	56	LT	Dương Xuân Mỹ	09/08-28/11/21	16					9,10	A2.107							DHOTOCK14A 2	DHCQ 14
152	3DL112 DH	2	Tính toán động cơ đốt trong(121)_03	44	46	LT	Dương Xuân Mỹ	09/08-28/11/21	16					3,4	A2.411							DHOTOCK14A 3	DHCQ 14
153	3DL112 DH	2	Tính toán động cơ đốt trong(121)_04	44	36	LT	Dương Xuân Mỹ	09/08-28/11/21	16							3,4	A2.203					DHOTOCK14A 4	DHCQ 14
154	3DL112 DH	2	Tính toán động cơ đốt trong(121)_05	44	44	LT	Dương Xuân Mỹ	09/08-28/11/21	16			1,2	A2.107									DHOTOCK14A 5	DHCQ 14
155	3DL145 DH	2	Truyền động thủy lực khí nén(121)_02/DHOTOCK15 A1	50	50	LT	Phạm Minh Tâm	09/08-28/11/21	16	7,8	A2.108											DHOTOCK15A 1	DHCQ 15
156	3DL145 DH	2	Truyền động thủy lực khí nén(121)_03/DHKCKCK14 A1	42	46	LT	Phạm Minh Tâm	09/08-28/11/21	16							9,10	A2.104					DHKCKCK14A 1	DHCQ 14
157	3DL145 DH	2	Truyền động thủy lực khí nén(121)_04	50	50	LT	Phạm Minh Tâm	09/08-28/11/21	16							7,8	A2.209					DHOTOCK15A 2	DHCQ 15
158	3DL145 DH	2	Truyền động thủy lực khí nén(121)_05	50	51	LT	Phạm Minh Tâm	09/08-28/11/21	16			7,8	A2.105									DHOTOCK15A 6	DHCQ 15
159	3DL145 DH	2	Truyền động thủy lực khí nén(121)_06	50	39	LT	Phạm Minh Tâm	09/08-28/11/21	16	9,10	A2.108											DHOTOCK15A 8	DHCQ 15
160	3DL145 DH	2	Truyền động thủy lực khí nén(121)_07	52	19	LT	Phạm Minh Tâm	09/08-28/11/21	16									3,4	A2.103			DHOTOCK15A 3	DHCQ 15

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
161	3DL145 DH	2	Truyền động thủy lực khí nén(121)_08	55	46	LT	Phạm Minh Tâm	09/08-28/11/21	16			3,4	A2.106									DHOTOCK15A 4	DHCQ 15
162	3DL145 DH	2	Truyền động thủy lực khí nén(121)_09	55	55	LT	Phạm Minh Tâm	09/08-28/11/21	16							3,4	A2.108					DHOTOCK15A 5	DHCQ 15
163	3DL145 DH	2	Truyền động thủy lực khí nén(121)_10	50	32	LT	Phạm Minh Tâm	09/08-28/11/21	16							1,2	A2.106					DHOTOCK15A 7	DHCQ 15
1	3CK105 CD	3	Cơ sở công nghệ chế tạo máy + BTL(121)_01	23	23	LT	Nguyễn Bá Thuận	09/08-28/11/21	16					7,8,9	A2.409 (QPMC)							CDCTMCK46A 1	CDCQ 46
2	3CK201 CD	2	Gia công nguội - hàn cơ bản(121)_01_TH	23	18	TH		11/10-31/10/21	3	1,2,3,4	A.HAN - GCALA											CDCTMCK46A 1	CDCQ 46
												1,2,3,4	A.HAN - GCALA										CDCQ 46
													1,2,3,4	A.HAN - GCALA									CDCQ 46
																1,2,3,4	A.HAN - GCALA						CDCQ 46
																	1,2,3,4	A.HAN - GCALA					CDCQ 46
3	3CK253 CD	2	Gò và hàn(121)_01_TH	20	14	TH	Kiều Anh Dũng	11/10-16/10/21	1					8,9,10, 11								CDMDKCK46 A2	CDCQ 46
							Kiều Anh Dũng									8,9,10, 11							CDCQ 46
							Kiều Anh Dũng										8,9,10, 11						CDCQ 46
							Kiều Anh Dũng	18/10-30/10/21	2														CDCQ 46
4	3CK253 CD	2	Gò và hàn(121)_02_TH	20	18	TH	Phạm Thanh Phú	11/10-16/10/21	1	8,9,10, 11												CDMDKCK46 A2	CDCQ 46
							Phạm Thanh Phú					8,9,10, 11											CDCQ 46
							Phạm Thanh Phú							8,9,10, 11									CDCQ 46
							Phạm Thanh Phú	17/10-30/10/21	2														CDCQ 46
5	3CK253 CD	2	Gò và hàn(121)_03_TH	19	17	TH	Cao Xuân Lại	11/10-16/10/21	1	1,2,3,4												CDMDKCK46 A1	CDCQ 46
							Cao Xuân Lại					1,2,3,4											CDCQ 46
							Cao Xuân Lại							1,2,3,4									CDCQ 46
							Cao Xuân Lại	18/10-23/10/21	2														CDCQ 46

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
6	3CK253 CD	2	Gò và hàn(121)_04_TH	19	18	TH	Ngô Ngọc Sơn	11/10-16/10/21	1					1,2,3,4								CDMDKCK46A1	CDCQ 46
							Ngô Ngọc Sơn									1,2,3,4							CDCQ 46
							Ngô Ngọc Sơn											1,2,3,4					CDCQ 46
							Ngô Ngọc Sơn	18/10-23/10/21	2														CDCQ 46
7	3CK229 CD	4	Hàn điện hồ quang tay cơ bản(121)_01_TH	15	13	TH		06/09-17/10/21	6	1,2,3,4	A.HAIN - GCAL3											CDHANCK46A1	CDCQ 46
												1,2,3,4	A.HAIN - GCAL3										CDCQ 46
														1,2,3,4	A.HAIN - GCAL3								CDCQ 46
																1,2,3,4	A.HAIN - GCAL3						CDCQ 46
																		1,2,3,4	A.HAIN - GCAL3				CDCQ 46
8	3CK232 CD	2	Hàn điện hồ quang tay nâng cao(121)_01_TH	8	4	TH	Cao Xuân Lại	11/10-16/10/21	2	8,9,10, 11												CDHANCK45A1	CDCQ 45
							Cao Xuân Lại					8,9,10, 11											CDCQ 45
							Cao Xuân Lại							8,9,10, 11									CDCQ 45
							Cao Xuân Lại	17/10-30/10/21	1														CDCQ 45
9	3CK230 CD	2	Hàn MAG cơ bản(121)_07_TH	15	14	TH		18/10-07/11/21	3	1,2,3,4	A.HAIN - GCAL3											CDHANCK46A1	CDCQ 46
												1,2,3,4	A.HAIN - GCAL3										CDCQ 46
														1,2,3,4	A.HAIN - GCAL3								CDCQ 46
																1,2,3,4	A.HAIN - GCAL3						CDCQ 46
																		1,2,3,4	A.HAIN - GCAL3				CDCQ 46
10	3CK237 CD	2	Hàn MAG nâng cao(121)_01_TH	8	5	TH		18/10-07/11/21	3							8,9,10, 11	A.HAIN - GCAL3					CDHANCK45A1	CDCQ 45
																		8,9,10, 11	A.HAIN - GCAL3				CDCQ 45
										8,9,10, 11	A.HAIN - GCAL3												CDCQ 45

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
11	3CK233 CD	2	Hàn ống(121)_01_TH	8	3	TH		08/11-28/11/21	3			8,9,10, 11	A.HAIN - GCAL1									CDHANCK45A 1	CDCQ 45
														8,9,10, 11	A.HAIN - GCAL1								CDCQ 45
																8,9,10, 11	A.HAIN - GCAL1						CDCQ 45
																		8,9,10, 11	A.HAIN - GCAL1				CDCQ 45
12	3CK231 CD	2	Hàn TIG Cơ bản(121)_01_TH	15	14	TH		08/11-28/11/21	3	1,2,3,4	A.HAIN - GCAL3											CDHANCK46A 1	CDCQ 46
												1,2,3,4	A.HAIN - GCAL3										CDCQ 46
														1,2,3,4	A.HAIN - GCAL3								CDCQ 46
																1,2,3,4	A.HAIN - GCAL3						CDCQ 46
																		1,2,3,4	A.HAIN - GCAL3				CDCQ 46
13	3CK231 CD	2	Hàn TIG Cơ bản(121)_02_TH	15	11	TH		10/01-23/01/22	2			1,2,3,4	A.HAIN - GCAL3									CDHANCK46A 1	CDCQ 46
														1,2,3,4	A.HAIN - GCAL3								CDCQ 46
																1,2,3,4	A.HAIN - GCAL3						CDCQ 46
																		1,2,3,4	A.HAIN - GCAL3				CDCQ 46
																				1,2,3, 4	A.HAIN - GCAL		CDCQ 46
								24/01-30/01/22	1	1,2,3,4	A.HAIN - GCAL3												CDCQ 46
												1,2,3,4	A.HAIN - GCAL3										CDCQ 46
														1,2,3,4	A.HAIN - GCAL3								CDCQ 46
																							CDCQ 46
14	3CK238 CD	2	Hàn TIG nâng cao(121)_01_TH	8	5	TH		27/09-17/10/21	3			8,9,10, 11	A.HAIN - GCAL4									CDHANCK45A 1	CDCQ 45
														8,9,10, 11	A.HAIN - GCAL4								CDCQ 45
										8,9,10, 11	A.HAIN - GCAL1												CDCQ 45

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
15	3CK234 CD	2	Kiểm tra chất lượng môi hàn(121)_07_TH	8	9	TH		29/11-19/12/21	3			8,9,10, 11	X.HAIH - GCALI									CDHANCK45A 1	CDCQ 45
														8,9,10, 11	X.HAIH - GCALI								CDCQ 45
																8,9,10, 11	X.HAIH - GCALI						CDCQ 45
																		8,9,10, 11	X.HAIH - GCALI				CDCQ 45
16	3CK110 CD	2	Kỹ thuật cơ khí(121)_01	45	29	LT	Lê VănSinh	09/08-17/10/21	10									1,2,3	A2.402			CDDCNCK46A 1	CDCQ 46
17	3CK110 CD	2	Kỹ thuật cơ khí(121)_02	42	43	LT	Lê VănSinh	09/08-17/10/21	10			7,8,9	A2.403									Ghép: CDDDTCK46A 1	CDCQ 46
18	3CK210 CD	3	Lập trình gia công trên máy CNC(121)_01_TH	15	15	TH		11/10-16/10/21	4	8,9,10, 11												CDCTMCK45A 1	CDCQ 45
							Nguyễn Thanh Sơn					8,9,10, 11											CDCQ 45
							Nguyễn Thanh Sơn						8,9,10, 11										CDCQ 45
							Nguyễn Thanh Sơn								8,9,10, 11								CDCQ 45
																8,9,10, 11							CDCQ 45
							Nguyễn Thanh Sơn											8,9,10, 11			8,9		CDCQ 45
							Nguyễn Thanh Sơn	17/10-23/10/21	1	8,9,10, 11,12	X.CNC												CDCQ 45
							Nguyễn Thanh Sơn					8,9,10, 11,12	X.CNC										CDCQ 45
19	3CK210 CD	3	Lập trình gia công trên máy CNC(121)_02_TH	15	11	TH	Hoàng Xuân Lâm	04/10-31/10/21	4			8,9,10, 11	X.CNC									CDCTMCK45A 1	CDCQ 45
							Hoàng Xuân Lâm							8,9,10, 11	X.CNC								CDCQ 45
							Hoàng Xuân Lâm									8,9,10, 11	X.CNC						CDCQ 45
							Hoàng Xuân Lâm	01/11-07/11/21	1	8,9,10, 11,12	X.CNC												CDCQ 45
							Hoàng Xuân Lâm					8,9,10, 11,12	X.CNC										CDCQ 45
							Nguyễn Khắc Chính			8,9,10, 11	X.PHA Y1												CDCQ 45
							Nguyễn Khắc Chính					8,9,10, 11	X.PHA Y1										CDCQ 45

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
20	3CK209 CD	2	Phay bánh răng bằng phương pháp chép hình,(121)_01_TH	15	11	TH	Nguyễn Khắc Chính	16/08-05/09/21	3					8,9,10, 11	X.PHA Y1							CDCTMCK45A 1	CDCQ 45
							Nguyễn Khắc Chính									8,9,10, 11	X.PHA Y1						CDCQ 45
							Nguyễn Khắc Chính											8,9,10, 11	X.PHA Y1				CDCQ 45
21	3CK209 CD	2	Phay bánh răng bằng phương pháp chép hình,(121)_02_TH	15	14	TH	Nguyễn Thanh Sơn	29/11-19/12/21	3	8,9,10, 11	X.PHA Y1											CDCTMCK45A 1	CDCQ 45
							Nguyễn Thanh Sơn					8,9,10, 11	X.PHA Y1										CDCQ 45
							Nguyễn Thanh Sơn							8,9,10, 11	X.PHA Y1								CDCQ 45
							Nguyễn Thanh Sơn									8,9,10, 11	X.PHA Y1						CDCQ 45
							Nguyễn Thanh Sơn											8,9,10, 11	X.PHA Y1				CDCQ 45
22	3CK211 CD	2	Phay bao hình, phay then hoa(121)_01_TH	15	15	TH	Nguyễn Khắc Chính	11/10-16/10/21	1			8,9,10, 11										CDCTMCK45A 1	CDCQ 45
							Nguyễn Khắc Chính							8,9,10, 11									CDCQ 45
							Nguyễn Khắc Chính									8,9,10, 11							CDCQ 45
							Nguyễn Khắc Chính	18/10-30/10/21	2														CDCQ 45
23	3CK211 CD	2	Phay bao hình, phay then hoa(121)_02_TH	15	14	TH	Nguyễn Chương Đạo	08/11-28/11/21	3	8,9,10, 11	X.PHA Y1											CDCTMCK45A 1	CDCQ 45
							Nguyễn Chương Đạo					8,9,10, 11	X.PHA Y1										CDCQ 45
							Nguyễn Chương Đạo							8,9,10, 11	X.PHA Y1								CDCQ 45
							Nguyễn Chương Đạo											8,9,10, 11	X.PHA Y1				CDCQ 45
							Nguyễn Chương Đạo																CDCQ 45
24	3CK206 CD	3	Phay rãnh, bậc, rãnh then, rãnh đôi, ăn xọc rãnh	23	19	TH	Trương NguyễnHiển	06/09-03/10/21	4	1,2,3,4	X.PHA Y2											CDCTMCK46A	CDCQ 46
							Trương NguyễnHiển					1,2,3,4	X.PHA Y2										CDCQ 46
							Trương NguyễnHiển							1,2,3,4	X.PHA Y2								CDCQ 46
							Trương NguyễnHiển									1,2,3,4	X.PHA Y2						CDCQ 46

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
24	CD	2	Rèn kim loại cơ, học làm then(121)_01_TH	23	19	TH	Trương NguyễnHiển											1,2,3,4	X.PHA Y2			1	CDCQ 46
							Trương NguyễnHiển	04/10-10/10/21	1	1,2,3,4	X.PHA Y2												CDCQ 46
							Trương NguyễnHiển					1,2,3,4	X.PHA Y2										CDCQ 46
							Trương NguyễnHiển							1,2	X.PHA Y2								CDCQ 46
25	3CK227 CD	2	Rèn kim loại(121)_01	9	9	LT		06/12-19/12/21	2	1,2,3,4	X.HAI N - GCAL1											CDHANCK47A 1	CDCQ 47
												1,2,3,4	X.HAI N - GCAL1										CDCQ 47
														1,2,3,4	X.HAI N - GCAL1								CDCQ 47
																1,2,3,4	X.HAI N - GCAL1						CDCQ 47
																		1,2,3,4	X.HAI N - GCAL1				CDCQ 47
																				1,2,3,4	X.HAI N - GCAL1		CDCQ 47
								20/12-26/12/21	1	1,2,3,4	X.HAI N - GCAL1												CDCQ 47
												1,2,3,4	X.HAI N - GCAL1										CDCQ 47
26	3CK204 CD	2	Tiện lỗ, tiện côn(121)_01_TH	23	18	TH	Mai Tất Lợi	01/11-21/11/21	3	1,2,3,4	X.TIE N2											CDCTMCK46A 1	CDCQ 46
							Mai Tất Lợi					1,2,3,4	X.TIE N2										CDCQ 46
							Mai Tất Lợi							1,2,3,4	X.TIE N2								CDCQ 46
							Mai Tất Lợi									1,2,3,4	X.TIE N2						CDCQ 46
27	3CK207 CD	2	Tiện ren tam giác hệ mét, ren tam giác hệ anh(121)_09_TH	15	13	TH	Trần Văn Giang	27/09-17/10/21	3			8,9,10, 11	X.TIE N1									CDCTMCK45A 1	CDCQ 45
							Trần Văn Giang							8,9,10, 11	X.TIE N1								CDCQ 45
							Trần Văn Giang									8,9,10, 11	X.TIE N1						CDCQ 45

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
28	3CK207 CD	2	Tiện ren tam giác hệ mét, ren tam giác hệ anh(121)_10_TH	15	12	TH	Trần Văn Giang	08/11-28/11/21	3	8,9,10, 11	X.TIE N1											CDCTMCK45A 1	CDCQ 45
							Trần Văn Giang					8,9,10, 11	X.TIE N1										CDCQ 45
							Trần Văn Giang							8,9,10, 11	X.TIE N1								CDCQ 45
							Trần Văn Giang									8,9,10, 11	X.TIE N1						CDCQ 45
							Trần Văn Giang											8,9,10, 11	X.TIE N1				CDCQ 45
29	3CK208 CD	2	Tiện ren vuông, ren thang(121)_07_TH	15	15	TH	Đậu Tấn Cường	18/10-07/11/21	3	8,9,10, 11	X.TIE N1											CDCTMCK45A 1	CDCQ 45
							Đậu Tấn Cường					8,9,10, 11	X.TIE N1										CDCQ 45
							Đậu Tấn Cường							8,9,10, 11	X.TIE N1								CDCQ 45
							Đậu Tấn Cường									8,9,10, 11	X.TIE N1						CDCQ 45
							Đậu Tấn Cường											8,9,10, 11	X.TIE N1				CDCQ 45
30	3CK208 CD	2	Tiện ren vuông, ren thang(121)_08_TH	15	18	TH	Hoàng Xuân Lâm	29/11-19/12/21	3	8,9,10, 11	X.TIE N1											CDCTMCK45A 1	CDCQ 45
							Hoàng Xuân Lâm					8,9,10, 11	X.TIE N1										CDCQ 45
							Hoàng Xuân Lâm							8,9,10, 11	X.TIE N1								CDCQ 45
							Hoàng Xuân Lâm									8,9,10, 11	X.TIE N1						CDCQ 45
							Hoàng Xuân Lâm											8,9,10, 11	X.TIE N1				CDCQ 45
31	3CK203 CD	2	Tiện trụ trơn, trụ bậc(121)_07_TH	20	20	TH		06/12-19/12/21	2	1,2,3,4	X.TIE N2											CDCTMCK47A 1	CDCQ 47
												1,2,3,4	X.TIE N2										CDCQ 47
														1,2,3,4	X.TIE N2								CDCQ 47
																1,2,3,4	X.TIE N2						CDCQ 47
																		1,2,3,4	X.TIE N2				CDCQ 47
																				1,2,3, 4	X.TIE N2		CDCQ 47

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
								20/12-26/12/21	1	1,2,3,4	X.TIE N2												CDCQ 47
												1,2,3,4	X.TIE N2										CDCQ 47
														1,2,3,4	X.TIE N2								CDCQ 47
32	3CK101 CD	2	Vật liệu cơ khí(121)_05	40	40	LT	Lương Văn Chiến	09/08-28/11/21	16											10,11	A2.209	CDOTOCK46A 2	CDCQ 46
33	3CK101 CD	2	Vật liệu cơ khí(121)_06	40	32	LT	Lương Văn Chiến	09/08-28/11/21	16											4,5	A2.209	CDOTOCK46A 1	CDCQ 46
34	3CK101 CD	2	Vật liệu cơ khí(121)_13	60	39	LT	La Ngọc Tuấn	09/08-05/12/21	17							9,10	A2.310					CDKCKCK47A 1	CDCQ 47
1	3CK129 DH	2	CAD/CAM/CNC(121)_01	41	44	LT	Hoàng Xuân Lâm	09/08-21/11/21	15					1,2	A2.411							DHCTMCK13A	DHCQ 13
2	3CK129 DH	2	CAD/CAM/CNC(121)_02	45	45	LT	Lương Hải Chung	09/08-21/11/21	15					3,4	A2.409 (QPMC)							DHCTMCK13C	DHCQ 13
3	3CK129 DH	2	CAD/CAM/CNC(121)_03	40	41	LT	Lương Hải Chung	09/08-21/11/21	15			9,10	A2.203									DHCTMCK13B	DHCQ 13
4	3CK112 DH	2	Cơ lý thuyết(121)_01/DHKCKCK 15A1	37	37	LT	Lương Văn Chiến	09/08-28/11/21	16					3,4	A2.309							DHKCKCK15A 1	DHCQ 15
5	3CK112 DH	2	Cơ lý thuyết(121)_02/DHKCKCK 15A2	38	27	LT	Lương Văn Chiến	09/08-28/11/21	16							8,9	A2.105					DHKCKCK15A 2	DHCQ 15
6	3CK123 DH	2	Công nghệ chế tạo máy 1(121)_01/DHCTMCK14A1	50	54	LT	Lê Thái Sơn	09/08-28/11/21	16					1,2	A2.106							DHCTMCK14A 1	DHCQ 14
7	3CK123 DH	2	Công nghệ chế tạo máy 1(121)_02/DHCTMCK14A2_10E	54	53	LT	Lê Thái Sơn	09/08-28/11/21	16							7,8	A2.106					DHCTMCK14A 2	DHCQ 14
8	3CK117 DH	1	Đồ án nguyên lý chi tiết máy(121)_01_DA/DHCTMCK14A1	54	54	DA		09/08-28/11/21	16	6												DHCTMCK14A 1	DHCQ 14
9	3CK117 DH	1	Đồ án nguyên lý chi tiết máy(121)_02_DA/DHCTMCK14A2_195	54	52	DA		09/08-28/11/21	16	12												DHCTMCK14A 2	DHCQ 14
10	3CK258 DH	7	Đồ án tốt nghiệp(121)_01_DA_183	20	6	DA		09/08-21/11/21	15	6												DHCTMCK13A	DHCQ 13
11	3CK258 DH	7	Đồ án tốt nghiệp(121)_02_DA_139	20	6	DA		09/08-21/11/21	15			6										DHCTMCK13C	DHCQ 13
12	3CK258 DH	7	Đồ án tốt nghiệp(121)_03_DA_136	20	10	DA		09/08-21/11/21	15	12												DHCTMCK13B	DHCQ 13

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
13	3CK103 CD	2	Dung sai lắp ghép và kỹ thuật đo lường(121)_01/DHOTOCK15A1	50	50	LT	Phạm Huy Bằng	09/08-28/11/21	16							7,8	A2.309					DHOTOCK15A1	DHCQ15
14	3CK103 CD	2	Dung sai lắp ghép và kỹ thuật đo lường(121)_02	50	49	LT	Phạm Huy Bằng	09/08-28/11/21	16					9,10	A2.204							DHOTOCK15A2	DHCQ15
15	3CK103 CD	2	Dung sai lắp ghép và kỹ thuật đo lường(121)_03	50	43	LT	Phạm Huy Bằng	09/08-28/11/21	16					7,8	A2.106							DHOTOCK15A6	DHCQ15
16	3CK103 CD	2	Dung sai lắp ghép và kỹ thuật đo lường(121)_04	50	31	LT	Phạm Huy Bằng	09/08-28/11/21	16									9,10	A2.101			DHOTOCK15A8	DHCQ15
17	3CK103 CD	2	Dung sai lắp ghép và kỹ thuật đo lường(121)_06	55	56	LT	Phạm Huy Bằng	09/08-28/11/21	16									1,2	A2.209			DHOTOCK15A4	DHCQ15
18	3CK103 CD	2	Dung sai lắp ghép và kỹ thuật đo lường(121)_07	55	34	LT	Phạm Huy Bằng	09/08-28/11/21	16									3,4	A2.108			DHOTOCK15A5	DHCQ15
19	3CK103 CD	2	Dung sai lắp ghép và kỹ thuật đo lường(121)_08	50	57	LT	Phạm Huy Bằng	09/08-28/11/21	16			3,4	A2.105									DHOTOCK15A7	DHCQ15
20	3CK103 CD	2	Dung sai lắp ghép và kỹ thuật đo lường(121)_09	50	46	LT	Nguyễn Bá Thuận	09/08-28/11/21	16							9,10	A2.404					DHCTMCK15A1	DHCQ15
21	3CK103 CD	2	Dung sai lắp ghép và kỹ thuật đo lường(121)_10	50	53	LT	Lưu Thuỷ Chung	09/08-28/11/21	16							1,2	A2.401					DHCTMCK15A2	DHCQ15
22	3CK103 CD	2	Dung sai lắp ghép và kỹ thuật đo lường(121)_11	50	50	LT	Nguyễn Bá Thuận	09/08-28/11/21	16							7,8	A2.403					DHCTMCK15A3	DHCQ15
23	3CK230 CD	2	Hàn MAG cơ bản(121)_01_TH	20	22	TH		06/09-26/09/21	3	8,9,10,11	X.HAN - GCAL1											DHCTMCK13A	DHCQ13
												8,9,10,11	X.HAN - GCAL1										DHCQ13
														8,9,10,11	X.HAN - GCAL1								DHCQ13
																8,9,10,11	X.HAN - GCAL1						DHCQ13
																		8,9,10,11	X.HAN - GCAL1				DHCQ13

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
24	3CK230 CD	2	Hàn MAG cơ bản(121)_02_TH	20	21	TH		06/09-26/09/21	3	8,9,10, 11	X.HAN - GCAL2											DHCTMCK13A	DHCQ 13
												8,9,10, 11	X.HAN - GCAL2										DHCQ 13
														8,9,10, 11	X.HAN - GCAL2								DHCQ 13
																8,9,10, 11	X.HAN - GCAL2						DHCQ 13
																		8,9,10, 11	X.HAN - GCAL2				DHCQ 13
																							DHCQ 13
25	3CK230 CD	2	Hàn MAG cơ bản(121)_03_TH	20	21	TH		27/09-17/10/21	3	8,9,10, 11	X.HAN - GCAL3											DHCTMCK13C	DHCQ 13
												8,9,10, 11	X.HAN - GCAL3										DHCQ 13
														8,9,10, 11	X.HAN - GCAL3								DHCQ 13
																8,9,10, 11	X.HAN - GCAL3						DHCQ 13
																		8,9,10, 11	X.HAN - GCAL3				DHCQ 13
																							DHCQ 13
										8,9,10, 11	X.HAN - GCAL2												DHCQ 13

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
26	3CK230 CD	2	Hàn MAG cơ bản(121)_04_TH	20	20	TH		27/09-17/10/21	3			8,9,10, 11	X.HAN - GCAL2									DHCTMCK13C	DHCQ 13
														8,9,10, 11	X.HAN - GCAL2								DHCQ 13
																8,9,10, 11	X.HAN - GCAL2						DHCQ 13
																		8,9,10, 11	X.HAN - GCAL2				DHCQ 13
27	3CK230 CD	2	Hàn MAG cơ bản(121)_05_TH	20	21	TH		06/09-26/09/21	3	1,2,3,4	X.HAN - GCAL1											DHCTMCK13B	DHCQ 13
												1,2,3,4	X.HAN - GCAL1										DHCQ 13
														1,2,3,4	X.HAN - GCAL1								DHCQ 13
																1,2,3,4	X.HAN - GCAL1						DHCQ 13
																		1,2,3,4	X.HAN - GCAL1				DHCQ 13
										1,2,3,4	X.HAN - GCAL2												DHCQ 13
												1,2,3,4	X.HAN - GCAL2										DHCQ 13

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
28	3CK230 CD	2	Hàn MAG cơ bản(121)_06_TH	20	20	TH		06/09-26/09/21	3					1,2,3,4	X.HAN - GCAL2							DHCTMCK13B	DHCQ 13
																1,2,3,4	X.HAN - GCAL2						DHCQ 13
																		1,2,3,4	X.HAN - GCAL2				DHCQ 13
29	3CK234 CD	2	Kiểm tra chất lượng mối hàn(121)_01_TH	20	21	TH		27/09-17/10/21	3	8,9,10, 11	X.HAN - GCAL1											DHCTMCK13A	DHCQ 13
												8,9,10, 11	X.HAN - GCAL1										DHCQ 13
														8,9,10, 11	X.HAN - GCAL1								DHCQ 13
																8,9,10, 11	X.HAN - GCAL1						DHCQ 13
30	3CK234 CD	2	Kiểm tra chất lượng mối hàn(121)_02_TH	20	22	TH		18/10-07/11/21	3	8,9,10, 11	X.HAN - GCAL1											DHCTMCK13A	DHCQ 13
												8,9,10, 11	X.HAN - GCAL1										DHCQ 13
														8,9,10, 11	X.HAN - GCAL1								DHCQ 13

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
																8,9,10, 11	X.HAN - GCAL1						DHCQ 13
																		8,9,10, 11	X.HAN - GCAL1				DHCQ 13
31	3CK234 CD	2	Kiểm tra chất lượng môi hàn(121)_03_TH	20	21	TH	18/10-07/11/21	3	8,9,10, 11	X.HAN - GCAL2													DHCQ 13
											8,9,10, 11	X.HAN - GCAL2											DHCQ 13
													8,9,10, 11	X.HAN - GCAL2									DHCQ 13
															8,9,10, 11	X.HAN - GCAL2							DHCQ 13
																8,9,10, 11	X.HAN - GCAL2						DHCQ 13
																		8,9,10, 11	X.HAN - GCAL2				DHCQ 13
32	3CK234 CD	2	Kiểm tra chất lượng môi hàn(121)_04_TH	20	20	TH	06/09-26/09/21	3	8,9,10, 11	X.HAN - GCAL3													DHCQ 13
												8,9,10, 11	X.HAN - GCAL3										DHCQ 13
														8,9,10, 11	X.HAN - GCAL3								DHCQ 13
																8,9,10, 11	X.HAN - GCAL3						DHCQ 13

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
																		8,9,10,11	X.HAN - GCAL3				DHCQ 13
33	3CK234 CD	2	Kiểm tra chất lượng môi hàn(121)_05_TH	20	20	TH		27/09-17/10/21	3	1,2,3,4	X.HAN - GCAL1											DHCTMCK13B	DHCQ 13
												1,2,3,4	X.HAN - GCAL1										DHCQ 13
														1,2,3,4	X.HAN - GCAL1								DHCQ 13
																1,2,3,4	X.HAN - GCAL1						DHCQ 13
																		1,2,3,4	X.HAN - GCAL1				DHCQ 13
34	3CK234 CD	2	Kiểm tra chất lượng môi hàn(121)_06_TH	20	20	TH		27/09-17/10/21	3	1,2,3,4	X.HAN - GCAL2											DHCTMCK13B	DHCQ 13
												1,2,3,4	X.HAN - GCAL2										DHCQ 13
														1,2,3,4	X.HAN - GCAL2								DHCQ 13
																1,2,3,4	X.HAN - GCAL2						DHCQ 13
																		1,2,3,4	X.HAN - GCAL2				DHCQ 13

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
35	3CK119 DH	2	Kinh tế công nghiệp và quản trị chất lượng(121)_01/DHCTMCK14A1	50	41	LT	Lê Thị Ngân	09/08-05/12/21	17	1,2	A2.104											DHCTMCK14A1	DHCQ14
36	3CK119 DH	2	Kinh tế công nghiệp và quản trị chất lượng(121)_02/DHCTMCK14A2	54	26	LT	Lê Thị Ngân	09/08-05/12/21	17							9,10	A2.103					DHCTMCK14A2	DHCQ14
37	3CK116 DH	3	Nguyên lý chi tiết máy(121)_01	51	42	LT	Trần Đình Hiếu	09/08-28/11/21	16	7,8,9	A2.411											DHOTOCK14A1	DHCQ14
38	3CK116 DH	3	Nguyên lý chi tiết máy(121)_02	50	50	LT	Trần Đình Hiếu	09/08-28/11/21	16									7,8,9	A2.409 (QPMC)			DHOTOCK14A2	DHCQ14
39	3CK116 DH	3	Nguyên lý chi tiết máy(121)_03	44	46	LT	Trần Đình Hiếu	09/08-28/11/21	16	1,2,3	A2.409 (QPMC)											DHOTOCK14A3	DHCQ14
40	3CK116 DH	3	Nguyên lý chi tiết máy(121)_04	44	45	LT	Trần Đình Hiếu	09/08-28/11/21	16									1,2,3	A2.210			DHOTOCK14A4	DHCQ14
41	3CK116 DH	3	Nguyên lý chi tiết máy(121)_05	44	38	LT	Trần Đình Hiếu	09/08-28/11/21	16					1,2,3	A2.104							DHOTOCK14A5	DHCQ14
42	3CK116 DH	3	Nguyên lý chi tiết máy(121)_06/DHKCKCK15A1	37	48	LT	Phạm Minh Tâm	09/08-28/11/21	16											1,2,3	A2.309	DHKCKCK15A1	DHCQ15
43	3CK116 DH	3	Nguyên lý chi tiết máy(121)_07/DHKCKCK15A2	38	37	LT	Phạm Minh Tâm	09/08-28/11/21	16											7,8,9	A2.310	DHKCKCK15A2	DHCQ15
44	3CK209 CD	2	Phay bánh răng bằng phương pháp chép hình,(121)_03_TH/DHCTMCK14A1	18	17	TH	Trương NguyênHiển	06/09-26/09/21	3	8,9,10,11	X.PHA Y2											DHCTMCK14A1	DHCQ14
							Trương NguyênHiển					8,9,10,11	X.PHA Y2										DHCQ14
							Trương NguyênHiển							8,9,10,11	X.PHA Y2								DHCQ14
							Trương NguyênHiển									8,9,10,11	X.PHA Y2						DHCQ14
							Trương NguyênHiển											8,9,10,11	X.PHA Y2				DHCQ14
45	3CK209 CD	2	Phay bánh răng bằng phương pháp chép hình,(121)_04_TH/DHCTMCK14A1	18	17	TH	Nguyễn Khắc Chinh	27/09-17/10/21	3	13,14,15,16	X.PHA Y1											DHCTMCK14A1	DHCQ14
							Nguyễn Khắc Chinh					13,14,15,16	X.PHA Y1										DHCQ14
							Nguyễn Khắc Chinh							13,14,15,16	X.PHA Y1								DHCQ14
							Nguyễn Khắc Chinh									13,14,15,16	X.PHA Y1						DHCQ14

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
							Nguyễn Khắc Chính											13,14,15,16	X.PHA Y1				DHCQ 14
46	3CK209 CD	2	Phay bánh răng bằng phương pháp chép hình,(121)_05_TH/DHCTMCK14A1	18	18	TH	Trương NguyễnHiển	18/10-07/11/21	3	8,9,10,11	X.PHA Y1												DHCQ 14
							Trương NguyễnHiển					8,9,10,11	X.PHA Y1										DHCQ 14
							Trương NguyễnHiển							8,9,10,11	X.PHA Y1								DHCQ 14
							Trương NguyễnHiển									8,9,10,11	X.PHA Y1						DHCQ 14
							Trương NguyễnHiển											8,9,10,11	X.PHA Y1				DHCQ 14
							Trương NguyễnHiển																DHCQ 14
47	3CK209 CD	2	Phay bánh răng bằng phương pháp chép hình,(121)_06_TH	18	19	TH	Nguyễn Chương Đạo	11/10-16/10/21	1			1,2,3,4											DHCQ 14
							Nguyễn Chương Đạo							1,2,3,4									DHCQ 14
							Nguyễn Chương Đạo									1,2,3,4							DHCQ 14
							Nguyễn Chương Đạo	18/10-30/10/21	2														DHCQ 14
48	3CK209 CD	2	Phay bánh răng bằng phương pháp chép hình,(121)_07_TH	18	19	TH	Nguyễn Chương Đạo	27/09-17/10/21	3									1,2,3,4	X.PHA Y1			DHCTMCK14A 2	DHCQ 14
49	3CK209 CD	2	Phay bánh răng bằng phương pháp chép hình,(121)_08_TH	18	16	TH	Nguyễn Chương Đạo	18/10-07/11/21	3													DHCTMCK14A 2	DHCQ 14
50	3CK205 CD	2	Phay mặt phẳng(121)_01_TH	20	20	TH		06/12-19/12/21	2	7,8,9,10	X.PHA Y2												DHCQ 16
												7,8,9,10	X.PHA Y2										DHCQ 16
														7,8,9,10	X.PHA Y2								DHCQ 16
																7,8,9,10	X.PHA Y2						DHCQ 16
																		7,8,9,10	X.PHA Y2				DHCQ 16
																				7,8,9,10	X.PHA Y2		DHCQ 16
								20/12-26/12/21	1	7,8,9,10	X.PHA Y2												DHCQ 16
												7,8,9,10	X.PHA Y2										DHCQ 16
														7,8,9,10	X.PHA Y2								DHCQ 16
																							DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
51	3CK205 CD	2	Phay mặt phẳng(121)_02_TH	20	18	TH		06/12-19/12/21	2	7,8,9,10	X. Phay 3											DHCTMCK16A 1	DHCQ 16
												7,8,9,10	X. Phay 3										DHCQ 16
														7,8,9,10	X. Phay 3								DHCQ 16
																7,8,9,10	X. Phay 3						DHCQ 16
																		7,8,9,10	X. Phay 3				DHCQ 16
																				7,8,9,10	X. Phay 3		DHCQ 16
								20/12-26/12/21	1	7,8,9,10	X. Phay 3												DHCQ 16
												7,8,9,10	X. Phay 3										DHCQ 16
														7,8,9,10	X. Phay 3								DHCQ 16
																							DHCQ 16
																							DHCQ 16
																							DHCQ 16
52	3CK205 CD	2	Phay mặt phẳng(121)_03_TH	20	21	TH		20/12-26/12/21	1							7,8,9,10	X.PHA Y2					DHCTMCK16A 1	DHCQ 16
																		7,8,9,10	X.PHA Y2				DHCQ 16
																		7,8,9,10	X.PHA Y2				DHCQ 16
								27/12-09/01/22	2	7,8,9,10	X.PHA Y2												DHCQ 16
												7,8,9,10	X.PHA Y2										DHCQ 16
														7,8,9,10	X.PHA Y2								DHCQ 16
																7,8,9,10	X.PHA Y2						DHCQ 16
																		7,8,9,10	X.PHA Y2				DHCQ 16
																				7,8,9,10	X.PHA Y2		DHCQ 16
																							DHCQ 16
																							DHCQ 16
																							DHCQ 16
								20/12-26/12/21	1							7,8,9,10	X. Phay 3						DHCQ 16
																		7,8,9,10	X. Phay 3				DHCQ 16
																				7,8,9,10	X. Phay 3		DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa				
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học						
53	3CK205 CD	2	Phay mặt phẳng(121)_04_TH	20	22	TH		27/12-09/01/22	2	7,8,9,10	X. Phay 3											DHCTMCK16A 1	DHCQ 16				
												7,8,9,10	X. Phay 3											DHCQ 16			
														7,8,9,10	X. Phay 3									DHCQ 16			
																7,8,9,10	X. Phay 3							DHCQ 16			
																		7,8,9,10	X. Phay 3					DHCQ 16			
																				7,8,9,10	X. Phay 3			DHCQ 16			
54	3CK205 CD	2	Phay mặt phẳng(121)_05_TH	20	20	TH		06/12-19/12/21	2	1,2,3,4	X.PHA Y1											DHCTMCK16A 2	DHCQ 16				
												1,2,3,4	X.PHA Y1										DHCQ 16				
														1,2,3,4	X.PHA Y1								DHCQ 16				
																1,2,3,4	X.PHA Y1						DHCQ 16				
																		1,2,3,4	X.PHA Y1				DHCQ 16				
																				1,2,3,4	X.PHA Y1			DHCQ 16			
																				1,2,3,4	X.PHA Y1			DHCQ 16			
																									DHCQ 16		
																										DHCQ 16	
																										DHCQ 16	
55	3CK205 CD	2	Phay mặt phẳng(121)_06_TH	20	23	TH		20/12-26/12/21	1							1,2,3,4	X.PHA Y1					DHCTMCK16A 2	DHCQ 16				
																	1,2,3,4	X.PHA Y1						DHCQ 16			
																			1,2,3,4	X.PHA Y1				DHCQ 16			
																										DHCQ 16	
																										DHCQ 16	
																											DHCQ 16
																											DHCQ 16
																											DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
																		1,2,3,4	X.PHA Y1				DHCQ 16
																				1,2,3,4	X.PHA Y1		DHCQ 16
56	3CK113 DH	3	Sức bền vật liệu (+Thí nghiệm)(121)_01/DHOTOC K15A1	50	49	LT	Nguyễn Hữu Ngoạn	09/08-28/11/21	16			7,8,9	A2.101									DHOTOCK15A 1	DHCQ 15
57	3CK113 DH	3	Sức bền vật liệu (+Thí nghiệm)(121)_02	50	49	LT		09/08-28/11/21	16	7,8,9	A2.204											DHOTOCK15A 2	DHCQ 15
58	3CK113 DH	3	Sức bền vật liệu (+Thí nghiệm)(121)_03	50	39	LT	Ngô Văn Giang	09/08-28/11/21	16									7,8,9	A2.209			DHOTOCK15A 6	DHCQ 15
59	3CK113 DH	3	Sức bền vật liệu (+Thí nghiệm)(121)_04	50	47	LT	Lê VănSinh	09/08-28/11/21	16					7,8,9	A2.105							DHOTOCK15A 8	DHCQ 15
60	3CK113 DH	3	Sức bền vật liệu (+Thí nghiệm)(121)_05	52	25	LT	Nguyễn Chung	09/08-28/11/21	16							1,2,3	A2.204					DHOTOCK15A 3	DHCQ 15
61	3CK113 DH	3	Sức bền vật liệu (+Thí nghiệm)(121)_06	55	53	LT	Nguyễn Chung	09/08-28/11/21	16	1,2,3	A2.108											DHOTOCK15A 4	DHCQ 15
62	3CK113 DH	3	Sức bền vật liệu (+Thí nghiệm)(121)_07	55	55	LT	Lê VănSinh	09/08-28/11/21	16					1,2,3	A2.101							DHOTOCK15A 5	DHCQ 15
63	3CK113 DH	3	Sức bền vật liệu (+Thí nghiệm)(121)_08	50	35	LT	Ngô Văn Giang	09/08-28/11/21	16									1,2,3	A2.204			DHOTOCK15A 7	DHCQ 15
64	3CK113 DH	3	Sức bền vật liệu (+Thí nghiệm)(121)_09	50	51	LT	Nguyễn Hữu Ngoạn	09/08-28/11/21	16	7,8,9	A2.402											DHCTMCK15A 1	DHCQ 15
65	3CK113 DH	3	Sức bền vật liệu (+Thí nghiệm)(121)_10	50	40	LT	Nguyễn Hữu Ngoạn	09/08-28/11/21	16									1,2,3	A2.401			DHCTMCK15A 2	DHCQ 15
66	3CK113 DH	3	Sức bền vật liệu (+Thí nghiệm)(121)_11	50	36	LT	Lê VănSinh	09/08-28/11/21	16									7,8,9	A2.310			DHCTMCK15A 3	DHCQ 15
67	3CK111 DH	2	Thiết kế cơ khí trên máy tính(121)_01	50	45	LT	Lê Phú Cường	09/08-28/11/21	16			7,8	A2.305 (CTM)									DHCTMCK15A 1	DHCQ 15
68	3CK111 DH	2	Thiết kế cơ khí trên máy tính(121)_02	50	53	LT	Lê Phú Cường	09/08-28/11/21	16			1,2	A2.409 (QPMC)									DHCTMCK15A 2	DHCQ 15
69	3CK111 DH	2	Thiết kế cơ khí trên máy tính(121)_03	50	30	LT	Lê Phú Cường	09/08-28/11/21	16	7,8	A2.409 (QPMC)											DHCTMCK15A 3	DHCQ 15
70	3CK255 DH	2	Thực hành mại(121)_01_TH/DHCTMC K14A1	17	17	TH	Ngô Xuân Sơn	06/09-26/09/21	3	8,9,10, 11	X.MAI											DHCTMCK14A 1	DHCQ 14
							Ngô Xuân Sơn					8,9,10, 11	X.MAI										DHCQ 14
							Ngô Xuân Sơn							8,9,10, 11	X.MAI								DHCQ 14
							Ngô Xuân Sơn									8,9,10, 11	X.MAI						DHCQ 14

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
							Ngô Xuân Sơn											8,9,10,11	X.MAI				DHCQ 14
71	3CK255 DH	2	Thực hành mài(121)_02_TH/DHCTMC K14A1	17	17	TH		27/09-17/10/21	3													DHCTMCK14A1	DHCQ 14
72	3CK255 DH	2	Thực hành mài(121)_03_TH/DHCTMC K14A1	17	18	TH	Ngô Xuân Sơn	18/10-07/11/21	3	8,9,10,11												DHCTMCK14A1	DHCQ 14
							Ngô Xuân Sơn					8,9,10,11	X.MAI										DHCQ 14
							Ngô Xuân Sơn							8,9,10,11	X.MAI								DHCQ 14
							Ngô Xuân Sơn									8,9,10,11	X.MAI						DHCQ 14
							Ngô Xuân Sơn											8,9,10,11	X.MAI				DHCQ 14
73	3CK255 DH	2	Thực hành mài(121)_04_TH/DHCTMC K14A2	19	20	TH	Nguyễn Chương Đạo	06/09-26/09/21	3	1,2,3,4	X.MAI											DHCTMCK14A2	DHCQ 14
							Nguyễn Chương Đạo					1,2,3,4	X.MAI										DHCQ 14
							Nguyễn Chương Đạo							1,2,3,4	X.MAI								DHCQ 14
							Nguyễn Chương Đạo									1,2,3,4	X.MAI						DHCQ 14
							Nguyễn Chương Đạo											1,2,3,4	X.MAI				DHCQ 14
74	3CK255 DH	2	Thực hành mài(121)_05_TH/DHCTMC K14A2	19	20	TH	Nguyễn Khắc Chính	27/09-17/10/21	3	1,2,3,4	X.MAI											DHCTMCK14A2	DHCQ 14
							Nguyễn Khắc Chính											1,2,3,4	X.MAI				DHCQ 14
75	3CK255 DH	2	Thực hành mài(121)_06_TH/DHCTMC K14A2	19	13	TH	Ngô Xuân Sơn	18/10-07/11/21	3			1,2,3,4	X.MAI									DHCTMCK14A2	DHCQ 14
							Ngô Xuân Sơn							1,2,3,4	X.MAI								DHCQ 14
							Ngô Xuân Sơn									1,2,3,4	X.MAI						DHCQ 14
							Ngô Xuân Sơn											1,2,3,4	X.MAI				DHCQ 14
76	3CK207 CD	2	Tiện ren tam giác hệ mét, ren tam giác hệ anh(121)_01_TH	20	20	TH	Hoàng Xuân Lâm	06/09-26/09/21	3	1,2,3,4	X.TIE N1											DHCTMCK15A1	DHCQ 15
							Hoàng Xuân Lâm					1,2,3,4	X.TIE N1										DHCQ 15
														1,2,3,4	X.TIE N1								DHCQ 15
							Hoàng Xuân Lâm									1,2,3,4	X.TIE N1						DHCQ 15

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
							Hoàng Xuân Lâm											1,2,3,4	X.TIE N1				DHCQ 15
77	3CK207 CD	2	Tiện ren tam giác hệ mét, ren tam giác hệ anh(121)_02_TH	20	21	TH		27/09-17/10/21	3	1,2,3,4	X.TIE N1											DHCTMCK15A 1	DHCQ 15
												1,2,3,4	X.TIE N1										DHCQ 15
														1,2,3,4	X.TIE N1								DHCQ 15
																1,2,3,4	X.TIE N1						DHCQ 15
																		1,2,3,4	X.TIE N1				DHCQ 15
78	3CK207 CD	2	Tiện ren tam giác hệ mét, ren tam giác hệ anh(121)_04_TH	17	17	TH		06/09-26/09/21	3	8,9,10, 11	X.TIE N2											DHCTMCK15A 2	DHCQ 15
												8,9,10, 11	X.TIE N2										DHCQ 15
														8,9,10, 11	X.TIE N2								DHCQ 15
																8,9,10, 11	X.TIE N2						DHCQ 15
																		8,9,10, 11	X.TIE N2				DHCQ 15
79	3CK207 CD	2	Tiện ren tam giác hệ mét, ren tam giác hệ anh(121)_05_TH	17	18	TH		27/09-17/10/21	3	8,9,10, 11	X.TIE N2											DHCTMCK15A 2	DHCQ 15
												8,9,10, 11	X.TIE N2										DHCQ 15
														8,9,10, 11	X.TIE N2								DHCQ 15
																8,9,10, 11	X.TIE N2						DHCQ 15
																		8,9,10, 11	X.TIE N2				DHCQ 15
80	3CK207 CD	2	Tiện ren tam giác hệ mét, ren tam giác hệ anh(121)_06_TH	18	18	TH		16/08-05/09/21	3	8,9,10, 11	X.TIE N2											DHCTMCK15A 2	DHCQ 15
												8,9,10, 11	X.TIE N2										DHCQ 15
														8,9,10, 11	X.TIE N2								DHCQ 15
																8,9,10, 11	X.TIE N2						DHCQ 15
																		8,9,10, 11	X.TIE N2				DHCQ 15
										1,2,3,4	X.TIE N2												DHCQ 15

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
81	3CK207 CD	2	Tiện ren tam giác hệ mét, ren tam giác hệ anh(121)_07_TH	18	18	TH		06/09-26/09/21	3			1,2,3,4	X.TIE N2									DHCTMCK15A 3	DHCQ 15
														1,2,3,4	X.TIE N2								DHCQ 15
																1,2,3,4	X.TIE N2						DHCQ 15
																	1,2,3,4	X.TIE N2					DHCQ 15
82	3CK207 CD	2	Tiện ren tam giác hệ mét, ren tam giác hệ anh(121)_08_TH	18	17	TH		16/08-05/09/21	3	1,2,3,4	X.TIE N2											DHCTMCK15A 3	DHCQ 15
												1,2,3,4	X.TIE N2										DHCQ 15
														1,2,3,4	X.TIE N2								DHCQ 15
																1,2,3,4	X.TIE N2						DHCQ 15
																	1,2,3,4	X.TIE N2					DHCQ 15
83	3CK203 CD	2	Tiện trụ tron, trụ bậc(121)_01_TH	20	16	TH		06/12-19/12/21	2	7,8,9,10	X.TIE N2											DHCTMCK16A 1	DHCQ 16
												7,8,9,10	X.TIE N2										DHCQ 16
														7,8,9,10	X.TIE N2								DHCQ 16
																7,8,9,10	X.TIE N2						DHCQ 16
																	7,8,9,10	X.TIE N2					DHCQ 16
								20/12-26/12/21	1	7,8,9,10	X.TIE N2												DHCQ 16
												7,8,9,10	X.TIE N2										DHCQ 16
														7,8,9,10	X.TIE N2								DHCQ 16
																							DHCQ 16
																							DHCQ 16
								06/12-19/12/21	2	7,8,9,10	X.TIE N3A												DHCQ 16
												7,8,9,10	X.TIE N3A										DHCQ 16
														7,8,9,10	X.TIE N3A								DHCQ 16
																7,8,9,10	X.TIE N3A						DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
84	3CK203 CD	2	Tiện trụ tron, trụ bậc(121)_02_TH	20	17	TH												7,8,9,10	X.TIE N3A			DHCTMCK16A1	DHCQ 16
																				7,8,9,10	X.TIE N3A		DHCQ 16
								20/12-26/12/21	1	7,8,9,10	X.TIE N3A												DHCQ 16
												7,8,9,10	X.TIE N3A										DHCQ 16
														7,8,9,10	X.TIE N3A								DHCQ 16
85	3CK203 CD	2	Tiện trụ tron, trụ bậc(121)_03_TH	20	22	TH		20/12-26/12/21	1							7,8,9,10	X.TIE N1					DHCTMCK16A1	DHCQ 16
																		7,8,9,10	X.TIE N1				DHCQ 16
																			7,8,9,10	X.TIE N1			DHCQ 16
								27/12-09/01/22	2	7,8,9,10	X.TIE N1												DHCQ 16
												7,8,9,10	X.TIE N1										DHCQ 16
														7,8,9,10	X.TIE N1								DHCQ 16
																7,8,9,10	X.TIE N1						DHCQ 16
																		7,8,9,10	X.TIE N1				DHCQ 16
86	3CK203 CD	2	Tiện trụ tron, trụ bậc(121)_04_TH	20	23	TH		20/12-26/12/21	1							7,8,9,10	X.TIE N2					DHCTMCK16A1	DHCQ 16
																		7,8,9,10	X.TIE N2				DHCQ 16
																			7,8,9,10	X.TIE N2			DHCQ 16
								27/12-09/01/22	2	7,8,9,10	X.TIE N2												DHCQ 16
												7,8,9,10	X.TIE N2										DHCQ 16
														7,8,9,10	X.TIE N2								DHCQ 16
																7,8,9,10	X.TIE N2						DHCQ 16
																		7,8,9,10	X.TIE N2				DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
																				7,8,9,10	X.TIE N2		DHCQ 16
87	3CK203 CD	2	Tiện trụ tron, trụ bậc(121)_05_TH	20	22	TH		20/12-26/12/21	1							1,2,3,4	X.TIE N1					DHCTMCK16A 2	DHCQ 16
																		1,2,3,4	X.TIE N1				DHCQ 16
																		1,2,3,4	X.TIE N1				DHCQ 16
								27/12-09/01/22	2	1,2,3,4	X.TIE N1												DHCQ 16
												1,2,3,4	X.TIE N1										DHCQ 16
														1,2,3,4	X.TIE N1								DHCQ 16
																1,2,3,4	X.TIE N1						DHCQ 16
																		1,2,3,4	X.TIE N1				DHCQ 16
																				1,2,3,4	X.TIE N1		DHCQ 16
																							DHCQ 16
																							DHCQ 16
88	3CK203 CD	2	Tiện trụ tron, trụ bậc(121)_06_TH	20	21	TH		06/12-19/12/21	2	1,2,3,4	X.TIE N1											DHCTMCK16A 2	DHCQ 16
												1,2,3,4	X.TIE N1										DHCQ 16
														1,2,3,4	X.TIE N1								DHCQ 16
																1,2,3,4	X.TIE N1						DHCQ 16
																	1,2,3,4	X.TIE N1					DHCQ 16
																			1,2,3,4	X.TIE N1			DHCQ 16
								20/12-26/12/21	1	1,2,3,4	X.TIE N1									1,2,3,4	X.TIE N1		DHCQ 16
												1,2,3,4	X.TIE N1										DHCQ 16
														1,2,3,4	X.TIE N1								DHCQ 16
																							DHCQ 16
89	3CK259 DH	7	Tiêu luận tốt nghiệp(121)_01_DA_10E	30	35	DA		09/08-26/09/21	7			6										DHCTMCK13A	DHCQ 13
90	3CK259 DH	7	Tiêu luận tốt nghiệp(121)_02_DA_190	20	9	DA		09/08-26/09/21	7					6								DHCTMCK13C	DHCQ 13
91	3CK259 DH	7	Tiêu luận tốt nghiệp(121)_03_DA_187	20	18	DA		09/08-26/09/21	7			12										DHCTMCK13B	DHCQ 13

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
92	3CK259 DH	7	Tiểu luận tốt nghiệp(121)_04_DA	30	14	DA		27/09-21/11/21	8			6										DHCTMCK13A	DHCQ 13
93	3CK259 DH	7	Tiểu luận tốt nghiệp(121)_05_DA_165	30	9	DA		27/09-21/11/21	8					12								DHCTMCK13B	DHCQ 13
94	3CK259 DH	7	Tiểu luận tốt nghiệp(121)_06_DA_11C	30	22	DA		27/09-21/11/21	8					6								DHCTMCK13C	DHCQ 13
95	3CK128 DH	2	Ứng dụng CAE(121)_01/DHCTMCK14A1	54	38	LT	Lưu Thủy Chung	09/08-28/11/21	16			1,2	A2.103									DHCTMCK14A1	DHCQ 14
96	3CK128 DH	2	Ứng dụng CAE(121)_02/DHCTMCK14A2_1B3	54	44	LT	Lưu Thủy Chung	09/08-28/11/21	16			7,8	A2.104									DHCTMCK14A2	DHCQ 14
97	3CK101 CD	2	Vật liệu cơ khí(121)_01/DHOTOCK15A1	50	51	LT	Lương Văn Chiến	09/08-28/11/21	16					10,11	A2.103							DHOTOCK15A1	DHCQ 15
98	3CK101 CD	2	Vật liệu cơ khí(121)_02	50	49	LT	Lương Văn Chiến	09/08-28/11/21	16	10,11	A2.204											DHOTOCK15A2	DHCQ 15
99	3CK101 CD	2	Vật liệu cơ khí(121)_03	50	51	LT	Trần Đình Hiếu	09/08-28/11/21	16			9,10	A2.105									DHOTOCK15A3	DHCQ 15
100	3CK101 CD	2	Vật liệu cơ khí(121)_04	50	41	LT	Lương Văn Chiến	09/08-28/11/21	16								7,8	A2.204				DHOTOCK15A4	DHCQ 15
101	3CK101 CD	2	Vật liệu cơ khí(121)_07/DHCTMCK16A2	60	28	LT	La Ngọc Tuấn	16/08-05/12/21	16					7,8	A3.410							DHCTMCK16A2	DHCQ 16
102	3CK101 CD	2	Vật liệu cơ khí(121)_08	55	55	LT	Lương Văn Chiến	09/08-28/11/21	16			1,2	A2.106									DHOTOCK15A5	DHCQ 15
103	3CK101 CD	2	Vật liệu cơ khí(121)_09	55	46	LT	Trần Đình Hiếu	09/08-28/11/21	16							1,2	A2.108					DHOTOCK15A6	DHCQ 15
104	3CK101 CD	2	Vật liệu cơ khí(121)_10	50	37	LT	Trần Đình Hiếu	09/08-28/11/21	16							3,4	A2.106					DHOTOCK15A7	DHCQ 15
105	3CK101 CD	2	Vật liệu cơ khí(121)_11	60	55	LT	Kiều Anh Dũng	09/08-05/12/21	17			1,2	A3.308									DHCTMCK16A1	DHCQ 16
106	3CK101 CD	2	Vật liệu cơ khí(121)_12	60	31	LT	Phạm Huy Bằng	09/08-05/12/21	17								7,8	A3.310				DHKCKCK16A1	DHCQ 16
107	3CK102 CD	3	Vẽ kỹ thuật (cơ khí, ô tô)(121)_01	60	62	LT	Phạm Huy Bằng	09/08-05/12/21	17	1,2,3	A3.309											DHOTOCK16A1	DHCQ 16
108	3CK102 CD	3	Vẽ kỹ thuật (cơ khí, ô tô)(121)_02/DHOTOCK16A2	60	61	LT	Lưu Thủy Chung	09/08-05/12/21	17								1,2,3	A3.407				DHOTOCK16A2	DHCQ 16
109	3CK102 CD	3	Vẽ kỹ thuật (cơ khí, ô tô)(121)_03/DHOTOCK16A3	60	61	LT	Lương Hải Chung	09/08-05/12/21	17	7,8,9	A3.407											DHOTOCK16A3	DHCQ 16
110	3CK102 CD	3	Vẽ kỹ thuật (cơ khí, ô tô)(121)_04/DHOTOCK16A4	60	62	LT	Lê Phú Cường	09/08-05/12/21	17								7,8,9	A3.309				DHOTOCK16A4	DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
111	3CK102 CD	3	Vẽ kỹ thuật (cơ khí, ô tô)(121)_05/DHOTOCK16A_5	60	62	LT	Trần Đình Hiếu	09/08-05/12/21	17			1,2,3	A3.408									DHOTOCK16A_5	DHCQ_16
112	3CK102 CD	3	Vẽ kỹ thuật (cơ khí, ô tô)(121)_06/DHOTOCK16A_6	60	59	LT	Ngô Văn Giang	09/08-05/12/21	17					7,8,9	A3.408							DHOTOCK16A_6	DHCQ_16
113	3CK102 CD	3	Vẽ kỹ thuật (cơ khí, ô tô)(121)_07/DHOTOCK16A_7	60	59	LT	Ngô Văn Giang	30/08-12/12/21	16							1,2,3	A3.508					DHOTOCK16A_7	DHCQ_16
114	3CK102 CD	3	Vẽ kỹ thuật (cơ khí, ô tô)(121)_08/DHOTOCK16A_8	60	62	LT	Ngô Văn Giang	27/09-12/12/21	11			7,8	A3.508									DHOTOCK16A_8	DHCQ_16
							Ngô Văn Giang									9,10,11	A3.508						DHCQ_16
115	3CK102 CD	3	Vẽ kỹ thuật (cơ khí, ô tô)(121)_09/DHOTOCK16A_9	60	58	LT	Lương Hải Chung	27/09-12/12/21	11			4,5	A3.509									DHOTOCK16A_9	DHCQ_16
							Lương Hải Chung									4,5,6	A3.408						DHCQ_16
116	3CK102 CD	3	Vẽ kỹ thuật (cơ khí, ô tô)(121)_10	62	41	LT	Nguyễn Chung	25/10-19/12/21	8	7,8,9	A3.409											DHOTOCK16A_7	DHCQ_16
							Nguyễn Chung										7,8	A3.509					DHCQ_16
117	3CK135 DH	2	Vẽ kỹ thuật (điện, điện tử)(121)_01	60	59	LT	Lê Phú Cường	09/08-05/12/21	17					1,2	A3.307							DHDDTCK16A_1	DHCQ_16
118	3CK135 DH	2	Vẽ kỹ thuật (điện, điện tử)(121)_02	60	59	LT	Lê Phú Cường	09/08-05/12/21	17			9,10	A3.307									DHDDTCK16A_2	DHCQ_16
119	3CK135 DH	2	Vẽ kỹ thuật (điện, điện tử)(121)_03	60	64	LT	Lê Phú Cường	09/08-05/12/21	17					3,4	A3.409							DHTDHCK16A_1	DHCQ_16
120	3CK135 DH	2	Vẽ kỹ thuật (điện, điện tử)(121)_04/DHTDHCK16A2	60	61	LT	Lương Hải Chung	16/08-05/12/21	16									7,8	A3.409			DHTDHCK16A_2	DHCQ_16
121	3CK135 DH	2	Vẽ kỹ thuật (điện, điện tử)(121)_05	60	72	LT	Lê Văn Sinh	27/09-12/12/21	11							10,11,12	A3.509					DHTDHCK16A_3	DHCQ_16
122	3CK135 DH	2	Vẽ kỹ thuật (điện, điện tử)(121)_05/DHDDTCK16A3_1FA	60	55	LT	Lương Hải Chung	30/08-12/12/21	16							1,2	A3.509					DHDDTCK16A_3	DHCQ_16
123	3CK135 DH	2	Vẽ kỹ thuật (điện, điện tử)(121)_06/DHDDTCK16A4	60	65	LT	Lê Văn Sinh	04/10-12/12/21	10	4,5,6	A3.308											DHDDTCK16A_4	DHCQ_16
1	4TQ002 DC	2	Giáo dục thể chất(121)_01	60	0	TH		09/08-05/12/21	17					1,2	SVĐ2							CDOCK47A_1	CDCQ_47
																		1,2	SVĐ2				CDCQ_47
2	4TQ002	2	Giáo dục thể chất(121)_02	60	0	TH		09/08-05/12/21	17			10,11	SVĐ3									CDMDKCK47	CDCQ_47

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
2	DC	2	Giáo dục thể chất(121)_02	60	0	TH		09/08-05/12/21	17							10,11	SVĐ2					A1	CDCQ 47
3	4TQ002 DC	2	Giáo dục thể chất(121)_03	60	0	TH		09/08-05/12/21	17			1,2	SVĐ2									CDDDTCK47A 1	CDCQ 47
																1,2	SVĐ4						CDCQ 47
4	4TQ002 DC	2	Giáo dục thể chất(121)_04	60	0	TH		09/08-05/12/21	17			10,11	SVĐ2									CDKCKCK47A 1	CDCQ 47
																		10,11	SVĐ2				CDCQ 47
5	4TQ002 DC	2	Giáo dục thể chất(121)_05	60	0	LT		16/08-05/12/21	16					9,10	SVĐ3							CDOCKCK47A 2	CDCQ 47
																		9,10	SVĐ3				CDCQ 47
1	3TQ007 DC	2	Giáo dục thể chất 1 (thể dục + điền kinh)(121)_01	60	0	LT		09/08-05/12/21	17							1,2,3	SVĐ1					DHCTMCK16A 1	DHCQ 16
2	3TQ007 DC	2	Giáo dục thể chất 1 (thể dục + điền kinh)(121)_01_TH	60	0	TH		09/08-05/12/21	17							9,10,11	SVĐ1					DHDDTCK16A 2	DHCQ 16
3	3TQ007 DC	2	Giáo dục thể chất 1 (thể dục + điền kinh)(121)_02_1EF	60	0	TH		09/08-05/12/21	17			1,2,3	SVĐ1									DHDTVCK16A 1	DHCQ 16
4	3TQ007 DC	2	Giáo dục thể chất 1 (thể dục + điền kinh)(121)_02_TH	60	0	TH		09/08-05/12/21	17	1,2,3	SVĐ1											DHTDHCK16A 1	DHCQ 16
5	3TQ007 DC	2	Giáo dục thể chất 1 (thể dục + điền kinh)(121)_03	60	0	LT		09/08-05/12/21	17									1,2,3	SVĐ1			DHDDTCK16A 1	DHCQ 16
6	3TQ007 DC	2	Giáo dục thể chất 1 (thể dục + điền kinh)(121)_03_TH/DHTDHCK16A2	60	0	TH		16/08-05/12/21	16	9,10,11	SVĐ2											DHTDHCK16A 2	DHCQ 16
7	3TQ007 DC	2	Giáo dục thể chất 1 (thể dục + điền kinh)(121)_04	60	0	TH		09/08-05/12/21	17	9,10,11	SVĐ1											DHCTTCK16A 1	DHCQ 16
8	3TQ007 DC	2	Giáo dục thể chất 1 (thể dục + điền kinh)(121)_04_TH	60	0	TH		09/08-05/12/21	17					9,10,11	SVĐ1							DHKCKCK16A 1	DHCQ 16
9	3TQ007 DC	2	Giáo dục thể chất 1 (thể dục + điền kinh)(121)_05/DHCTMCK16A2	60	0	TH		16/08-05/12/21	16	9,10,11	SVĐ3											DHCTMCK16A 2	DHCQ 16
10	3TQ007 DC	2	Giáo dục thể chất 1 (thể dục + điền kinh)(121)_05_TH	60	0	TH		09/08-05/12/21	17					1,2,3	SVĐ1							DHOTOCK16A 1	DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
11	3TQ007 DC	2	Giáo dục thể chất 1 (thể dục + điền kinh)(121)_06/DHDDTCK16A3_156	60	0	TH		30/08-12/12/21	16					1,2,3								DHDDTCK16A3	DHCQ 16
12	3TQ007 DC	2	Giáo dục thể chất 1 (thể dục + điền kinh)(121)_06/DHOTOCK16A7	60	0	LT		30/08-12/12/21	16	1,2,3												DHOTOCK16A7	DHCQ 16
13	3TQ007 DC	2	Giáo dục thể chất 1 (thể dục + điền kinh)(121)_06_TH/DHOTOCK16A2	60	0	TH		09/08-05/12/21	17						1,2,3	SVĐ2						DHOTOCK16A2	DHCQ 16
14	3TQ007 DC	2	Giáo dục thể chất 1 (thể dục + điền kinh)(121)_07_TH/DHOTOCK16A3	60	0	TH		09/08-05/12/21	17			9,10,11	SVĐ1									DHOTOCK16A3	DHCQ 16
15	3TQ007 DC	2	Giáo dục thể chất 1 (thể dục + điền kinh)(121)_08_TH/DHOTOCK16A4	60	0	TH		09/08-05/12/21	17					9,10,11	SVĐ2							DHOTOCK16A4	DHCQ 16
16	3TQ007 DC	2	Giáo dục thể chất 1 (thể dục + điền kinh)(121)_09_TH/DHOTOCK16A5	60	0	TH		09/08-05/12/21	17						1,2,3	SVĐ3						DHOTOCK16A5	DHCQ 16
17	3TQ007 DC	2	Giáo dục thể chất 1 (thể dục + điền kinh)(121)_10_TH	60	0	TH		09/08-05/12/21	17													DHQTCK16A1	DHCQ 16
18	3TQ007 DC	2	Giáo dục thể chất 1 (thể dục + điền kinh)(121)_11_TH/DHOTOCK16A6	60	0	TH		09/08-05/12/21	17								9,10,11	SVĐ1				DHOTOCK16A6	DHCQ 16
19	3TQ007 DC	2	Giáo dục thể chất 1 (thể dục + điền kinh)(121)_12_TH/DHDDTCK16A4	60	0	TH		04/10-12/12/21	10			1,2,3	SVĐ3									DHDDTCK16A4	DHCQ 16
																	1,2	SVĐ4					DHCQ 16
20	3TQ007 DC	2	Giáo dục thể chất 1 (thể dục + điền kinh)(121)_12_TH/DHOTOCK16A8	60	0	TH		27/09-12/12/21	11	9,10,11												DHOTOCK16A8	DHCQ 16
																			9,10				DHCQ 16
21	3TQ007 DC	2	Giáo dục thể chất 1 (thể dục + điền kinh)(121)_13_TH	60	0	TH		27/09-12/12/21	11	1,2,3												DHCTTCK16A2	DHCQ 16
																	3,4						DHCQ 16
22	3TQ007	2	Giáo dục thể chất 1 (thể dục	55	0	TH		27/09-12/12/21	12					9,10								DHCTMCK16A	DHCQ 16

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
22	DC	2	+ điền kinh)(121)_14_TH	55	0	TH		27/09-12/12/21	12											9,10,11		1	DHCQ 16
23	3TQ007 DC	2	Giáo dục thể chất 1 (thể dục + điền kinh)(121)_15_TH	60	0	TH		27/09-12/12/21	11			10,11								9,10,11		DHTDHCK16A 3	DHCQ 16 DHCQ 16
24	3TQ007 DC	2	Giáo dục thể chất 1 (thể dục + điền kinh)(121)_16_TH/DHOTO CK16A9	60	0	TH		27/09-12/12/21	11	1,2										1,2,3		DHOTOCK16A 9	DHCQ 16 DHCQ 16
25	3TQ007 DC	2	Giáo dục thể chất 1 (thể dục + điền kinh)(121)_17_TH	62	0	TH		25/10-19/12/21	8							7,8,9				9,10		DHOTOCK16A 7	DHCQ 16 DHCQ 16

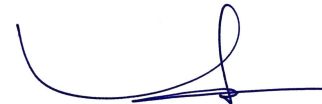
Người lập TKB



Trần Ngọc Trường

Nghệ An, ngày 17 tháng 6 năm 2021

Phó phòng Đào tạo



Phạm Văn Thông